

TỔNG CÔNG TY HÀNG HẢI VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP
-----o0o-----



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

NĂM 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

(Giấy chứng nhận ĐKDN do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hải Phòng cấp
Đăng ký lần đầu, ngày 27 tháng 12 năm 2006)

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU
TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

MỤC LỤC

| NỘI DUNG | Trang |
|---|--------------|
| Phần I: Thông tin chung | 3 |
| 1. Thông tin khái quát | 3 |
| 2. Quá trình hình thành và phát triển | 3 |
| 3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh | 4 |
| 4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý | 6 |
| 5. Định hướng phát triển | 8 |
| 6. Các rủi ro | 10 |
| Phần II: Tình hình hoạt động trong năm | 13 |
| 1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh | 13 |
| 2. Tổ chức và nhân sự | 21 |
| 3. Tình hình đầu tư, thực hiện dự án | 30 |
| 4. Tình hình tài chính | 30 |
| 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu | 32 |
| Phần III: Báo cáo của Ban Giám đốc Công ty | 33 |
| 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh | 36 |
| 2. Tình hình tài chính | 37 |
| 3. Kế hoạch phát triển tương lai | 39 |
| Phần IV: Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty | 40 |
| 1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty | 40 |
| 2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban giám đốc Công ty | 42 |
| 3. Các kế hoạch, định hướng của HĐQT | 43 |
| Phần V: Quản trị Công ty | 46 |
| 1. Hội đồng quản trị | 50 |
| 2. Ban kiểm soát | 50 |
| 3. Kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị của Công ty | 53 |
| 4. Tiền lương và Thù lao của HĐQT và Ban kiểm soát | 54 |
| 5. Các giao dịch của công đồng nội bộ | 55 |
| Phần VI: Báo cáo tài chính | 56 |

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP
- Giấy chứng nhận ĐKKD số 0200119965 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ hai ngày 04 tháng 7 năm 2013 tại Sở Kế hoạch đầu tư tp.Hải Phòng
- Vốn điều lệ: 200.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 200.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 01 Hoàng Văn Thụ, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, tp.Hải Phòng
- Số điện thoại: (84-31) 3842151
- Số fax: (84-31) 3842271
- Website: www.vinaship.com.vn
- Mã cổ phiếu: VNA

2. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

➤ Việc thành lập

Nhằm đáp ứng nhu cầu hội nhập, thực hiện theo Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ 6 Đảng Cộng sản Việt Nam, các doanh nghiệp trong mọi lĩnh vực bắt tay vào công cuộc đổi mới toàn diện về quản lý kinh tế, xóa bỏ tập trung quan liêu bao cấp và chuyển sang cơ chế thị trường theo định hướng Xã hội chủ nghĩa (XHCN). Không nằm ngoài quy luật, Bộ Giao thông vận tải cũng thực hiện đổi mới với việc cắt giảm biên chế khối hành chính sự nghiệp, chuyển chức năng quản lý kinh tế kỹ thuật trực tiếp xuống các doanh nghiệp và thành lập các doanh nghiệp mới.

Cũng trong thời kỳ này, ngày 10/3/1984, Công ty Vận tải biển III (VINASHIP) được thành lập theo Quyết định số 694/QĐ-TCCB của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải .

Ngày 23/3/1993: Bộ Giao thông Vận tải ra quyết định thành lập lại Công ty Vận tải biển III theo Quyết định số 463/QĐ-TCCB. Công ty Vận tải biển III là Doanh nghiệp Nhà nước hạng I, hạch toán kinh tế độc lập, trực thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và hoạt động theo Giấy Chứng nhận ĐKKD số 105658 do Sở Kế hoạch đầu tư t/p Hải Phòng cấp, đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 4 năm 1993 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 06 tháng 3 năm 2002.

Ngày 24 tháng 10 năm 2006, Bộ Giao thông vận tải ký quyết định số 2264/QĐ-BGTVT về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty vận tải biển III , đơn vị thành viên của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thành Công ty Cổ phần Vận tải biển VINASHIP.

Công ty Cổ phần Vận tải biển VINASHIP đã tiến hành Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty ngày 21 tháng 12 năm 2006, được Sở Kế hoạch đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số **0203002740** ngày 27/12/2006, với tổng số vốn điều lệ là **200** tỷ đồng, trong đó vốn Nhà Nước nắm giữ 51%.

Trong lịch sử 32 năm hình thành và phát triển, Công ty đã luôn nỗ lực phấn đấu đạt được những thành tích cao trong sản xuất kinh doanh và góp phần đáng kể vào sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc XHCN.

➤ **Niêm yết cổ phiếu**

Công ty được niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định về việc niêm yết cổ phiếu số 93/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/8/2008.

- Mã chứng khoán: VNA
- Loại cổ phiếu niêm yết: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đ/cổ phiếu
- Ngày giao dịch cổ phiếu đầu tiên: 09/09/2008
- Số lượng cổ phiếu niêm yết hiện tại: 20.000.000 cổ phiếu

3. NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

➤ **Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty**

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Cho thuê văn phòng;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu: Bán buôn tàu, biển. Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác): Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải biển;
- Bốc xếp hàng hóa;
- Đại lý, môi giới, đấu giá;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Môi giới hợp đồng hàng hóa và chứng khoán;

➤ **Địa bàn hoạt động**

Vận tải đường biển:

Là đơn vị hoạt động trong lĩnh vực vận tải hàng hoá, trong quá trình hoạt động, Công ty luôn coi trọng việc đầu tư phát triển đội tàu, trang thiết bị sản xuất, đào tạo bổ sung nguồn nhân lực. Vì thế trong những năm vừa qua, Công ty đã không những giữ vững mà còn phát triển thị phần vận tải trong nước và khu vực, mở thêm những lĩnh vực kinh doanh mới.

Xét về phương diện quy mô vốn, số tấn trọng tải Đội tàu và thị phần vận tải thì VINASHIP được coi là một trong các doanh nghiệp vận tải biển lớn thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Xét về hiệu quả sản xuất kinh doanh, với mô hình tổ chức hiện có, được thừa hưởng đội ngũ thuyền viên có bề dày kinh nghiệm, đội ngũ cán bộ quản lý có năng lực, Vinaship cũng luôn nằm trong top những doanh nghiệp thành viên có hiệu quả sản xuất kinh doanh và tỷ suất lợi nhuận cao trong Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty cũng đã xác lập được thương hiệu “VINASHIP” trong thị trường vận tải trong nước cũng như thị trường vận tải quốc tế, đặc biệt là hoạt động vận tải hàng xuất nhập khẩu của Việt Nam và các nước Khu vực Đông Nam Á và Bắc Á. Các đối tác và bạn hàng chiến lược của Công ty là các tập đoàn, nhà kinh doanh, nhà nhập khẩu lớn của khu vực như: nông sản (Tổng Công ty Lương thực Miền Nam – VINAFOOD II, Thoresen Indochina SA, Bulog, NFA, Toepfer, Cargill, Samsung Logistic, Chayaporn Rice Co., Thailand...), than đá (Thailand Anthracite Coal Co., Ltd, Teparak SA...), Clinker, thạch cao (SCT, SCCC, Lafarge, DIC, ITC, ...), sắt thép (Vinakyoe, Lee Metal Group Singapore, Green Pacific Jakarta...); phân bón (Philippine Phosphata Fertilizer Corporation, Mekatrade Asia Pte Ltd, MITCO Petronas Malaysia...).

Hoạt động dịch vụ logistics và đại lý vận tải đa phương thức: Song hành với kinh doanh vận tải biển, Vinaship đã tích cực phát triển ngành dịch vụ logistics và đại lý vận tải đa phương thức để khai thác thế mạnh về kiến thức, kinh nghiệm và quan hệ trên thị trường vận tải. Vinaship đã đưa ra thị trường sản phẩm dịch vụ logistics có uy tín và chất lượng cao được các khách hàng trong nước cũng như các doanh nghiệp nước ngoài đang hoạt động kinh doanh tại Việt Nam tin cậy.

Các dịch vụ vận chuyển nguyên liệu cung cấp tận nhà máy cho nhà sản xuất, vận chuyển sản phẩm từ nơi sản xuất tới tận kho của các nhà phân phối đang là những sản phẩm dịch vụ vận tải có chất lượng cao được thị trường tin dùng và thị phần ngày càng mở rộng. Hiện tại VINASHIP đã đạt sản lượng dịch vụ logistics và vận tải đa phương thức mỗi tháng hàng ngàn Container nội địa và xuất nhập khẩu. Trong tương lai, tỷ trọng của sản phẩm này trong hoạt động sản xuất kinh doanh của VINASHIP ngày càng tăng, góp phần đáng kể trong doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp.

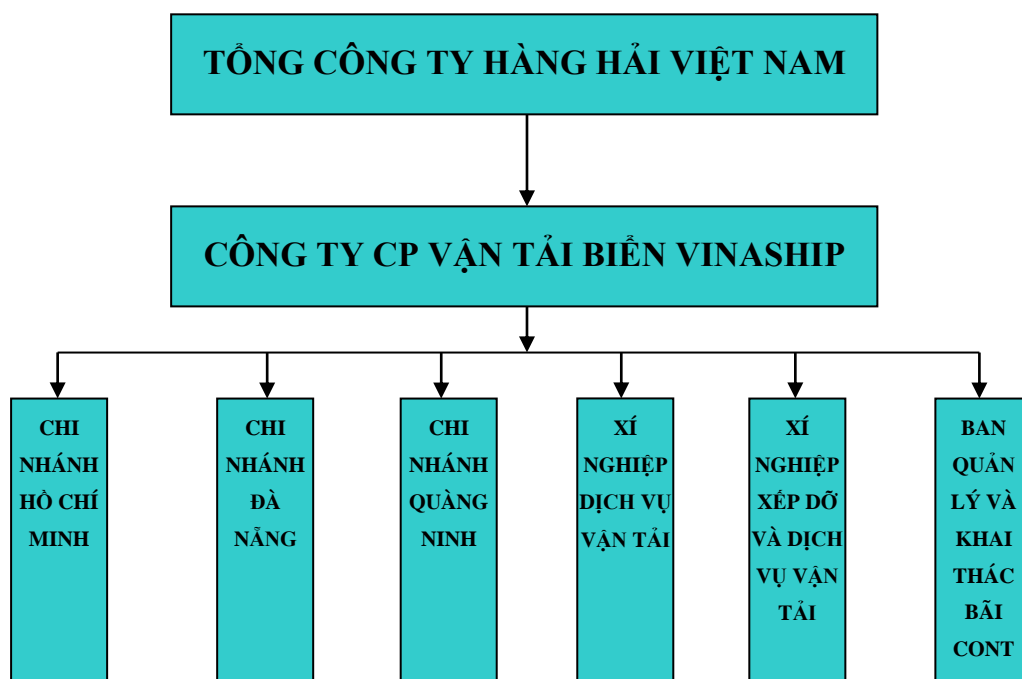
Hoạt động kho bãi, bốc xếp hàng hoá và dịch vụ kho vận: VINASHIP đang quản lý khai thác 01 bãi Container, 01 bãi CFS và 01 bãi Container hậu phương có vị trí địa lý rất thuận lợi. Với mục tiêu vừa khai thác kho bãi vừa làm dịch vụ kho vận giao nhận kết hợp với lực lượng nhân lực bốc xếp có kinh nghiệm, VINASHIP sẽ đưa ra một dịch vụ forwarding hoàn hảo nhằm phục vụ khách hàng chu đáo nhất. Hiện tại công việc này đã mang lại việc làm cho hơn một trăm lao động và một nguồn doanh thu đáng kể cho doanh nghiệp. Trong những năm tới, khu vực này sẽ là một bộ phận kinh doanh quan trọng góp phần đa dạng hoá hoạt động sản xuất của doanh nghiệp.

Công tác quản lý tài chính của Công ty luôn giữ vững truyền thống là đơn vị quản lý tài chính nề nếp, vốn và tài sản luôn được bảo toàn, phát triển. Hệ thống tài chính kế toán trong Công ty luôn làm tốt công tác phân tích thông tin, số liệu kế toán, tham mưu, đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản lý và quyết định trong sản xuất kinh doanh cho lãnh đạo Công ty và đây cũng chính là điểm khác biệt giúp cho Công ty luôn được đánh giá là một trong ít Công ty đứng đầu so với các công ty cùng ngành nghề.

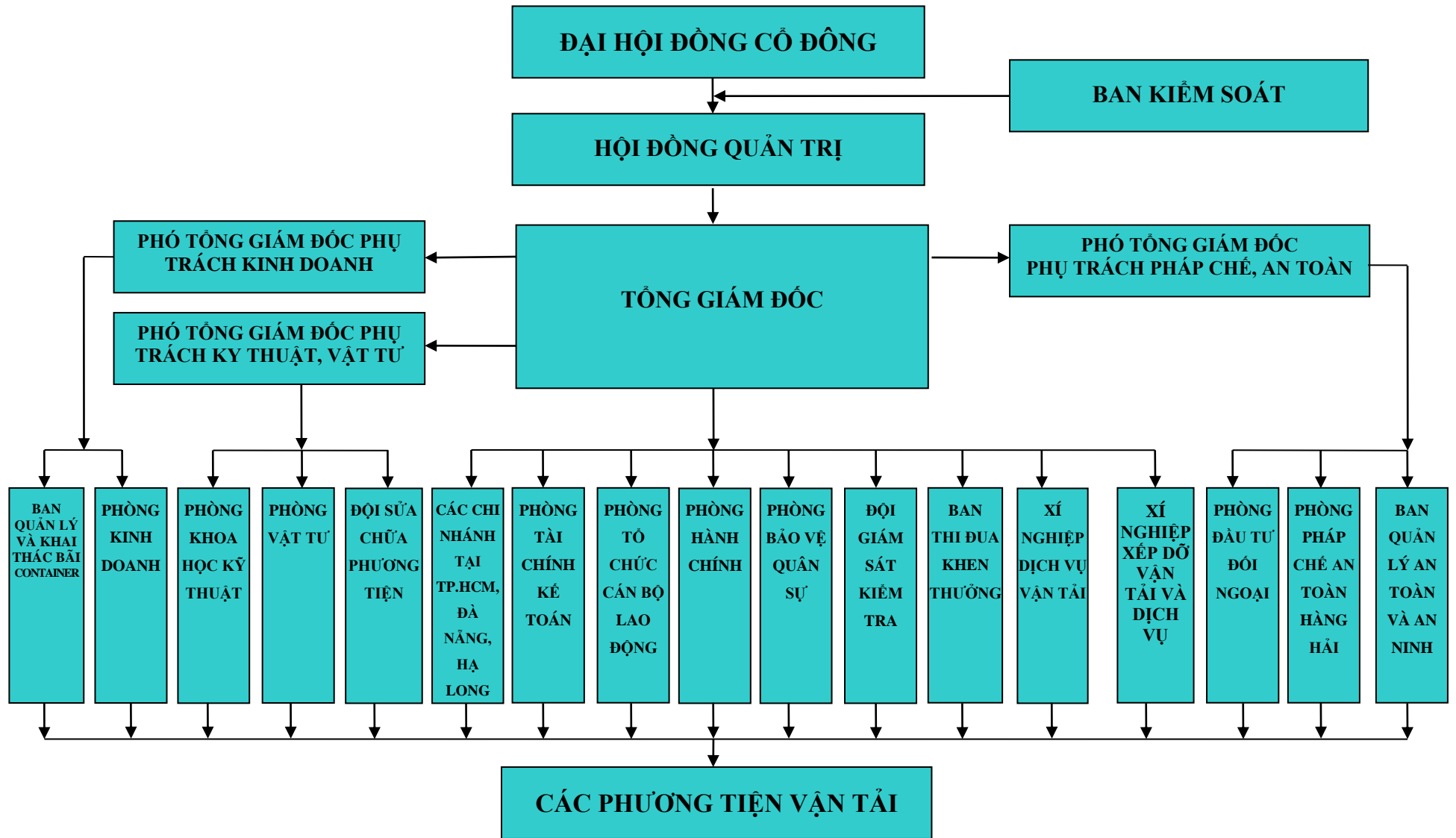
So với các đối thủ trên thị trường, VINASHIP là một trong những doanh nghiệp hàng đầu tại Việt Nam trong ngành vận tải biển và dịch vụ hàng hải.

4. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

➤ Sơ đồ cơ cấu tổ chức



SƠ ĐỒ BỘ MÁY QUẢN LÝ CÔNG TY



5. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Việt Nam là một quốc gia biển, điều kiện địa lý và tự nhiên rất thuận lợi cho việc phát triển vận tải biển và ngoại thương bằng đường biển. Vài năm trở lại đây, cùng với sự gia tăng lượng hàng hoá lưu thông nội địa, các mặt hàng xuất nhập khẩu như gạo, cà phê, tiêu, hạt điều, dầu thô, khí đốt cũng tăng đáng kể. Đặc biệt, sau khi Việt Nam trở thành thành viên chính thức của WTO, kim ngạch buôn bán giữa Việt Nam và các nước trên thế giới có sự tăng trưởng đáng kể. Lượng hàng hoá lưu thông vô cùng dồi dào đang và sẽ là đòn bẩy giúp ngành vận tải biển Việt Nam phát triển. Đáng nói hơn, cơ hội dành cho đội tàu biển Việt Nam không chỉ là vận chuyển nguồn hàng xuất nhập khẩu trong nước mà còn tham gia chia sẻ thị trường với các nước trong khu vực và trên thế giới. Thị trường hàng hoá trong nước có nhiều khởi sắc, thị trường nước ngoài có những tín hiệu đáng mừng. Trong khu vực, Indonesia và Philippines vẫn là 2 nước nhập khẩu gạo lớn của nước ta. Lượng hàng xuất nhập khẩu của Thái Lan vô cùng dồi dào. Tuy nhiên, đội tàu biển của những nước này không đáp ứng kịp, vì vậy, đội tàu biển Việt Nam ngoài việc vận chuyển hàng hoá xuất nhập khẩu trong nước vẫn còn nhiều cơ hội để chia sẻ thị trường với các nước trong khu vực. Các nước láng giềng như Trung Quốc, Campuchia cũng là thị trường đầy tiềm năng cho ngành vận tải biển Việt Nam. Là đơn vị có truyền thống, nhiều kinh nghiệm kinh doanh trên tuyến Châu Á, Công ty đang có những cơ hội lớn để đẩy mạnh quảng bá hình ảnh, thương hiệu, thâm nhập và mở rộng thị phần trong và ngoài nước.

Hiện nay, VINASHIP đang thực hiện chủ trương đầu tư trẻ hoá và cơ cấu lại đội tàu nhằm không ngừng nâng cao chất lượng vận tải, tăng năng lực cạnh tranh của Đội tàu bằng việc đặt đóng mới ở các nhà máy đóng tàu trong và ngoài nước, đồng thời mở rộng giao dịch để mua tàu đã qua sử dụng của nước ngoài. Chính sách phát triển này của VINASHIP nằm trong kế hoạch nâng cao năng suất vận tải và trẻ hóa Đội tàu biển Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ ban hành.

Ngoài ra, Công ty còn chú trọng đến công tác đầu tư mở rộng quy mô hoạt động ngành nghề, tăng cường năng lực cạnh tranh trên thị trường cho các đơn vị trực thuộc như Xí nghiệp Dịch vụ vận tải, Xí nghiệp Xếp dỡ - Vận tải và Dịch vụ.

Bên cạnh đó, Công ty chủ trương xây dựng hệ thống quản lý chất lượng để cung cấp dịch vụ vận tải biển đạt hiệu quả cao và bảo vệ môi trường, hạn chế tối đa các rủi ro, đảm bảo quyền lợi của khách hàng. Tăng cường dịch vụ phải đi kèm với tăng cường chất lượng. Chỉ có chất lượng mới tạo được lòng tin từ khách hàng. Hơn thế nữa Công ty có thể xây dựng được một hệ thống khách hàng thường xuyên, nằm trong chiến lược phát triển bền vững.

Hiện tại Đội tàu của Công ty gồm 10 tàu chở hàng khô với tổng trọng tải khoảng 169.096 DWT. Công ty sẽ tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực vận tải Đội tàu thông qua hình thức đóng tàu mới, mua tàu đã qua sử dụng; tập trung vào đầu tư Đội tàu chở hàng rời, hàng bách hóa; tiếp tục thực hiện chiến lược trẻ hóa Đội tàu thông qua việc bán những tàu già, cũ, hiệu quả khai thác kém.

Bên cạnh việc đẩy mạnh đầu tư Đội tàu hàng rời, theo chủ trương của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam là phát triển đa dạng các loại tàu, trong thời gian tới Công ty cũng sẽ xem xét việc phát triển các loại tàu hàng khác như tàu Container, tàu hàng lỏng, tàu chuyên dụng... tại thời điểm xét thấy có hiệu quả nhất.

Bảng 1: Bảng kê đội tàu của Công ty

| STT | Tên con tàu | Năm đóng/Nơi đóng | Trọng tải (DWT) | Độ mớn nước (m) | Năm đưa vào sử dụng |
|-----|----------------------|-------------------|-----------------|-----------------|---------------------|
| 1 | Tàu Mỹ An | 1994/Nhật Bản | 8.294 | 7,32 | 2003 |
| 2 | Tàu Mỹ Hưng | 2003/Việt Nam | 6.500 | 6,9 | 2003 |
| 3 | Tàu Mỹ Thịnh | 1990/Nhật Bản | 14.348 | 7,939 | 2004 |
| 4 | Tàu Mỹ Vượng | 1989/Nhật Bản | 14.339 | 7,939 | 2004 |
| 5 | Tàu Vinaship Ocean | 1986/Nhật Bản | 12.367 | 8,306 | 2007 |
| 6 | Tàu Vinaship Diamond | 1996/Nhật Bản | 24.034 | 9,553 | 2009 |
| 7 | Tàu Vinaship Gold | 2008/Việt Nam | 13.245 | 8,35 | 2008 |
| 8 | Tàu Vinaship Pearl | 1996/Nhật Bản | 24.241 | 9,548 | 2009 |
| 9 | Tàu Vinaship Sea | 1998/Nhật Bản | 27.841 | 9,65 | 2010 |
| 10 | Tàu Vinaship Star | 1996/Nhật Bản | 23.949 | 9,42 | 2011 |

Đầu tư xây dựng cơ bản:

Ngoài việc tập trung phát triển đội tàu để tăng năng lực cạnh tranh, Công ty sẽ xúc tiến để triển khai các dự án đầu tư xây dựng cơ bản nhằm thúc đẩy các hoạt động dịch vụ tăng lên trong thời gian tới.

Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng thông tin

Hiện tại các phòng ban trong toàn Công ty đã được trang bị đầy đủ công nghệ thông tin. Từ năm 2009 Công ty đã thực hiện kết nối lại đường mạng nội bộ đồng thời sử dụng đường truyền FTTH tốc độ cao, kết nối và trao đổi thông tin giữa các khu vực và trung tâm. Về phần mềm, Công ty cũng đã từng bước đầu tư các phân hệ phần mềm quản trị doanh nghiệp do các nhà cung cấp trong nước sản xuất phục vụ cho các bộ phận chuyên môn như Tài chính kế toán, Nhân sự và Quản lý khai thác Đội tàu nhằm nâng cao hiệu quả trong công tác quản trị doanh nghiệp.

Nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Với phương châm là luôn đi tiên phong trong việc cung cấp dịch vụ có chất lượng cao cho khách hàng, VINASHIP liên tục tìm kiếm các sản phẩm vận tải mới nhằm tăng tính cạnh tranh. Ngoài hoạt động vận tải biển, Công ty tổ chức kinh doanh các ngành nghề khác như đại lý vận tải nội địa, môi giới hàng hải, xếp dỡ, kiểm đếm hàng hóa và phục vụ vận chuyển Container tại bãi, dịch vụ cung ứng nước ngọt cho tàu tại cảng, đại lý tàu biển, sửa chữa nhỏ tàu biển, cho thuê bãi và kho Container, cho thuê thuyền viên. Những dịch vụ này trước mắt chủ yếu phục vụ Đội tàu Công ty nhằm tạo việc làm và doanh thu cho Công ty. Trong tương lai Công ty sẽ mở rộng và phát triển các hoạt động trên để từng bước hình thành mô hình vận tải khép kín vận tải biển, vận tải bộ, bốc xếp, giao nhận hàng hóa.

6. CÁC RỦI RO

➤ Rủi ro về kinh tế

Năm 2016 là năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII, năm đầu tiên thực hiện kế hoạch 2016-2020, diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới phục hồi chậm hơn dự báo. Bên cạnh những thuận lợi từ dấu hiệu khởi sắc của năm 2015, kinh tế nước ta đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức lớn, khác biệt hoàn toàn so với các năm trước. Tăng trưởng thương mại toàn cầu giảm mạnh, hoạt động của thị trường hàng hóa kém sôi động, giá cả hàng hóa thế giới ở mức thấp. Tình hình biển Đông phức tạp. Biến đổi khí hậu diễn ra nhanh hơn dự báo, thiên tai kéo dài đã ảnh hưởng nặng nề đến sản xuất và đời sống nhân dân.

Đối với lĩnh vực vận tải biển, thị trường vận tải biển thế giới đã rơi vào khủng hoảng từ năm 2008 và tiếp tục kéo dài đến nay. Chỉ số cước vận tải tàu hàng khô BDI đã giảm từ mức 11.793 điểm vào tháng 5 năm 2008 xuống còn 290 điểm vào quý I năm 2016. Bước sang quý IV, chỉ số BDI tăng tương đối mạnh, có lúc đạt trên 1.200 điểm vào giữa tháng 11 nhưng mức tăng không bền. Hiện tại chỉ số dao động giảm tại mức 900 điểm. Việc cước vận tải liên tục lập đáy

trong lúc thị trường vận tải trong và ngoài nước đều rơi vào tình trạng cung nhiều cầu ít khiến các doanh nghiệp đã khó càng thêm khó. Nhiều doanh nghiệp vận tải biển, trong đó có các doanh nghiệp lớn tiếp tục thua lỗ. Trong bối cảnh hiện nay, hầu hết các doanh nghiệp đều cần thương lượng với các ngân hàng để khoan, giãn nợ, giảm bớt áp lực lãi vay đặc biệt là tìm lối thoát thông qua giải pháp mua bán nợ, định giá các khoản nợ một cách phù hợp nhất nhằm đảm bảo lợi ích cả bên mua và bán.

Đối với Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship, nhận thức rõ yếu tố rủi ro trên, trong thời gian qua, Công ty luôn theo dõi sát sao diễn biến kinh tế thế giới và Việt Nam, tập trung tối đa vào việc khai thác hiệu quả thị trường nội địa và chủ động tìm kiếm nắm bắt các đối tác khách hàng trên thế giới phù hợp với năng lực vận tải của mình; đồng thời, Công ty cũng có chính sách phòng ngừa rủi ro, phân tích đánh giá tình hình. Đến thời điểm hiện tại, đội tàu của Công ty vẫn được khai thác hiệu quả, một số tàu đang được cho thuê định hạn với mức giá ổn định, đảm bảo được hiệu quả kinh tế và từng bước vượt qua giai đoạn khó khăn. Nhờ vậy, Công ty đã hạn chế được tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng và có thể tận dụng tốt cơ hội khi nền kinh tế có dấu hiệu phục hồi.

➤ **Rủi ro về luật pháp**

Là Công ty cổ phần nên hoạt động của Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng Khoán. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này hiện còn trong quá trình hoàn thiện, do vậy sự thay đổi về mặt chính sách luôn có thể xảy ra và khi xảy ra có thể ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty. Hơn nữa, hoạt động của Công ty còn chịu sự điều chỉnh của pháp luật về hàng hải, môi trường, bảo hiểm ... cùng các quy định của các nước sở tại và công ước quốc tế do vậy, rủi ro pháp luật liên quan đến hoạt động của Công ty là thường trực và rất đa dạng.

Nhận thức rõ vấn đề này, Công ty luôn chú trọng quan tâm tới việc cập nhật pháp luật không chỉ của Việt Nam mà còn của các nước mà Vinaship có quan hệ kinh tế. Công ty thường xuyên có kế hoạch tập huấn, cập nhật kiến thức cho tập thể cán bộ công nhân viên Công ty về các quy định của pháp luật cũng như ý thức chấp hành pháp luật.

➤ **Rủi ro đặc thù**

Rủi ro biến động giá nhiên liệu

Do đặc thù là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vận tải, nhiên liệu có tỷ trọng rất lớn trong chi phí hoạt động của Công ty, đặc biệt là xăng, dầu. Chi phí nhiên liệu chiếm từ 35 –

40% trong giá vốn của Công ty. Do vậy, sự biến động của giá nhiên liệu sẽ ảnh hưởng rất lớn tới kết quả và hiệu quả kinh doanh của Công ty.

Rủi ro từ các quy định mới về vận tải trên thế giới

Hoạt động vận tải của Vinaship phải tuân thủ các công ước quốc tế, các quy định của Tổ chức hàng hải thế giới (IMO) như Solas, ISM code, công ước Lao động hàng hải (MLC 2006) và Bộ luật an ninh cảng biển và tàu biển quốc tế (ISPS) có hiệu lực từ 1/7/2004. Trong các quy định về an ninh, an toàn hàng hải có nhiều thay đổi với yêu cầu ngày càng ngặt nghèo hơn, đòi hỏi các chủ tàu phải tăng cường đầu tư trang thiết bị, đào tạo sỹ quan, thuyền viên đã làm tăng chi phí hoạt động của Công ty. Tuy nhiên, các quy định này lại góp phần nâng cao năng lực và chất lượng dịch vụ của Công ty.

Rủi ro tỷ giá

Trong hoạt động của Công ty, nhiều giao dịch sử dụng đồng ngoại tệ làm phương tiện thanh toán, chủ yếu là đồng USD và nguồn thu chủ yếu của Công ty cũng là ngoại tệ. Do vậy, sự biến động của tỷ giá sẽ ảnh hưởng không lớn tới doanh thu, chi phí và lợi nhuận của Công ty.

Rủi ro cạnh tranh

Hiện nay phần lớn lượng hàng xuất khẩu của Việt Nam đang nằm trong tay các nhà vận chuyển nước ngoài và doanh nghiệp nội gần như bó tay trước thực trạng mất thị phần vận tải biển ngay trên sân nhà mặc dù đã được cảnh báo từ nhiều năm nay. Trong lúc, các đội tàu nước ngoài có ưu thế lớn về chạy tuyến xa, tuyến dài do có hệ thống đại lý trên toàn cầu, uy tín thương hiệu lâu năm các doanh nghiệp Việt Nam lại gặp khó trong việc mở rộng quan hệ và cũng không đủ trường vốn để chỉ chở hàng một chiều (đi hoặc về) dù điều kiện cơ sở vật chất chạy các tuyến đường xa không phải là không có. Bên cạnh đó, tập quán mua CIF bán FOB nên các doanh nghiệp Việt Nam mất quyền vận tải và buộc phải sử dụng các hãng tàu theo chỉ định của khách hàng quốc tế mà không thể hỗ trợ đội tàu trong nước dù năng lực vận tải tương đương. Do vậy, ngay trên sân nhà, đội tàu của Việt Nam đã và đang phải đứng ngoài nhiều cuộc chơi. Không chỉ vậy, ngay cả khi doanh nghiệp Việt có quyền vận tải, tính hỗ trợ, liên kết giữa các doanh nghiệp trong nước cũng không đủ bền vững và nhiều doanh nghiệp cũng vẫn chuộng "hàng ngoại" mà không cần để ý đến việc hỗ trợ, giúp phát triển các đội tàu Việt Nam.

Thị trường quốc tế khó khăn, cạnh tranh là vậy nên công ty Vinaship đã quay về tham gia thị trường vận tải nội địa. Tuy nhiên, cũng không đơn giản khi có quá nhiều doanh nghiệp vận tải trong nước tham gia, dẫn đến việc cạnh tranh giá cước, nguồn hàng, về lượt ưu tiên ra vào cảng, xếp dỡ hàng....

➤ **Rủi ro khác**

Ngoài các rủi ro trên, trong quá trình hoạt động của Công ty còn có thể gặp phải những rủi ro như rủi ro về cháy nổ, rủi ro cướp biển, rủi ro thiên tai... Những rủi ro này nếu xảy ra có thể gây những tổn thất to lớn cho Công ty. Để hạn chế những rủi ro này, Công ty đã và đang thực hiện mua bảo hiểm thường xuyên cho đội tàu (bảo hiểm thân tàu HULL ITC 1995, bảo hiểm tai nạn dân sự theo quy tắc hàng năm của các hội bảo hiểm). Giải pháp tham gia bảo hiểm đã gánh đỡ rất nhiều cho công ty khi gặp phải các rủi ro nêu trên, ngăn ngừa giảm thiểu tối đa chi phí phải chịu chi trả trong các sự cố/tai nạn hàng hải. Đồng thời liên tục hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực thi Bộ luật quốc tế về quản lý an toàn hàng hải (ISM code) phòng ngừa các rủi ro có thể xảy ra.

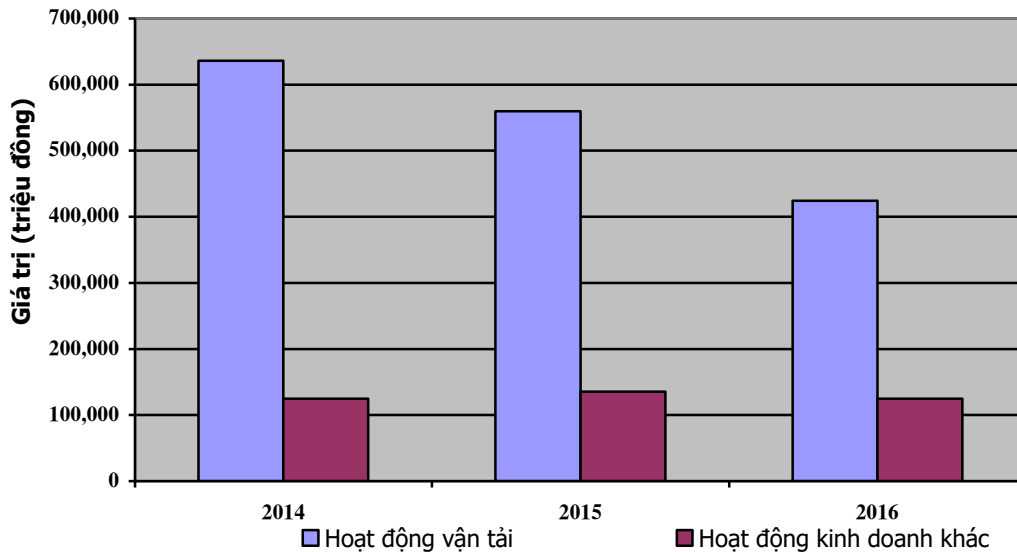
PHẦN II: TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

➤ **Giá trị dịch vụ qua các năm**

Bảng 2: Giá trị sản phẩm, dịch vụ qua các năm

| Sản phẩm | Năm 2014 | | Năm 2015 | | Năm 2016 | |
|------------------------------|----------------------|--|----------------------|--|----------------------|--|
| | Giá trị (triệu đồng) | Tỷ trọng trên tổng giá trị dịch vụ (%) | Giá trị (triệu đồng) | Tỷ trọng trên tổng giá trị dịch vụ (%) | Giá trị (triệu đồng) | Tỷ trọng trên tổng giá trị dịch vụ (%) |
| 1. Hoạt động vận tải | 636.010 | 83,59 | 559.855 | 80,51 | 424.330 | 75,34 |
| 2. Hoạt động kinh doanh khác | 124.892 | 16,41 | 135.467 | 19,49 | 138.850 | 24,66 |
| 2.1. Dịch vụ hàng container | 98.591 | 12,96 | 108.605 | 15,61 | 124.980 | 22,19 |
| 2.2. Dịch vụ khác | 26.301 | 3,45 | 26.862 | 3,88 | 13.870 | 2,47 |
| Tổng cộng | 760.902 | 100 | 695.322 | 100 | 563.180 | 100 |



Biểu đồ 1: Tỷ trọng doanh thu của Công ty qua các năm

Trong năm 2016, sự mất cân đối cung cầu về đội tàu biển đã tạo ra sự cạnh tranh gay gắt giữa các hãng tàu, sự sụt giảm hàng hóa dẫn đến giá cước vận tải trên các thị trường đều giảm sâu và ở mức thấp. Nguồn cung tàu quá lớn so với nhu cầu vận chuyển ở thị trường nội địa cũng tạo ra sự cạnh tranh về cước và ùn tắc cầu bến. Mặt hàng chủ lực truyền thống của công ty là hàng gạo xuất từ Việt Nam, Thái Lan đi Philippines, Indonesia, Malaysia trong năm cũng bị sụt giảm đáng kể (còn khoảng 58%) so với năm 2015. Do bị ảnh hưởng bởi những khó khăn chung này nên doanh thu trong lĩnh vực vận tải biển và tỷ trọng doanh thu của hoạt động vận tải biển trong tổng doanh thu của Công ty năm 2016 là thấp nhất trong vòng 3 năm qua (75,34%). Tuy nhiên công ty đã đẩy mạnh các hoạt động kinh doanh khác nhằm duy trì hoạt động ổn định với mức lỗ thấp.

➤ **Nguồn nguyên vật liệu**

Dầu nhiên liệu và dầu Diesel là những nguyên liệu chính yếu Công ty sử dụng cho các phương tiện vận tải trong hoạt động kinh doanh dịch vụ vận tải. Nguồn cung ứng các nguyên liệu là các công ty xăng dầu trong nước. Nhìn chung lượng cung cấp nhiên liệu xăng dầu rất ổn định về số lượng và giá cả xăng dầu được thực hiện theo quy định nhà nước. Theo ước tính của Vinaship thì chi phí nhiên liệu chiếm khoảng từ 35% - 40% trong giá thành vận chuyển. Do vậy, khi giá xăng dầu có biến động, sẽ ảnh hưởng lớn tới chi phí kinh doanh và giá thành vận chuyển của Công ty.

Các yếu tố đầu vào khác như sửa chữa tàu biển, cung ứng vật tư, thiết bị hàng hải thường do các xưởng sửa chữa tàu biển chuyên nghiệp, các hãng cung ứng thiết bị, các nhà kinh doanh vật tư hàng hải trong và ngoài nước cung cấp. Nhìn chung, ngoài trừ các vật tư quý hiếm phải đặt trực tiếp từ các nhà chế tạo nước ngoài, số còn lại đều có thể tìm kiếm trên thị trường trong nước.

➤ Chi phí sản xuất

Nhận thức rõ giá nguyên liệu có ảnh hưởng lớn tới giá cước vận tải từ đó ảnh hưởng tới doanh thu, lợi nhuận của Công ty, Vinaship đã áp dụng những biện pháp kinh tế và kỹ thuật nhằm quản lý chi phí nguyên liệu một cách hợp lý, tiết kiệm. Cụ thể, Công ty xây dựng định mức tiêu hao phù hợp hơn cho từng tàu, thực hiện kiểm tra kiểm soát chặt chẽ quy trình cung ứng và sử dụng nhiên liệu trên từng phương tiện so sánh và lựa chọn nguồn cung ứng nguyên liệu trong nước hoặc nước ngoài tùy từng thời kỳ sao cho giá nguyên, nhiên liệu là thấp nhất. Công ty luôn cập nhật thông tin về giá xăng dầu trong khu vực và trên thế giới cũng như các nước mà Công ty có tuyến vận tải. Khi các nước có giá nhiên liệu thấp hơn Việt Nam, tàu sẽ được nạp nhiên liệu tại cảng nước đó khi cập bến và ngược lại. Nhờ những biện pháp tích cực từ phía Công ty trong việc kiểm soát chặt chẽ tác động của biến động giá dầu lên hoạt động kinh doanh, tỷ trọng chi phí nguyên, nhiên vật liệu của Công ty trong giá thành vẫn ở mức độ phù hợp.

Bảng 3: Cơ cấu các khoản mục chi phí của Công ty

Đơn vị: Triệu đồng

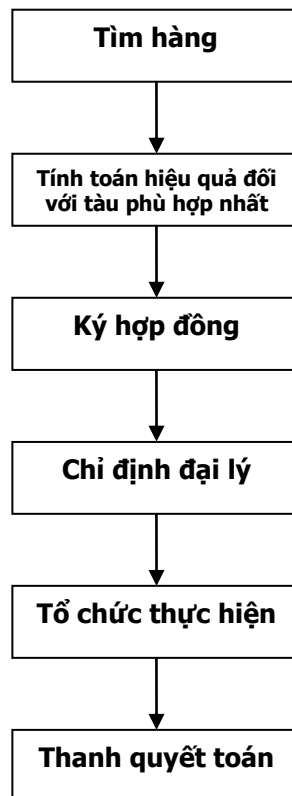
| Yếu tố chi phí | Năm 2014 | | Năm 2015 | | Năm 2016 | |
|----------------------------------|----------------|---------------|----------------|---------------|----------------|---------------|
| | Giá trị | % DTT | Giá trị | % DTT | Giá trị | % DTT |
| Giá vốn hàng bán | 701.423 | 92,18 | 642.407 | 92,38 | 549.744 | 103,3 |
| Chi phí tài chính | 56.339 | 7,4 | 70.433 | 10,13 | 52.821 | 9,92 |
| <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | <i>47.721</i> | <i>6,27</i> | <i>38.294</i> | <i>5,5</i> | <i>40.966</i> | <i>7,69</i> |
| Chi phí bán hàng | 14.157 | 1,85 | 10.207 | 1,47 | 6.416 | 1,2 |
| Chi phí quản lý | 27.408 | 3,6 | 27.539 | 3,96 | 28.776 | 5,4 |
| Chi phí khác | 430 | 0,05 | 332 | 0,04 | 1.121 | 0,21 |
| Tổng chi phí | 799.757 | 105,08 | 750.918 | 107,98 | 638.878 | 120,05 |
| Doanh thu thuần | 761.180 | 100 | 695.322 | 100 | 532.186 | 100 |

➤ **Trình độ công nghệ**

Quy trình cung cấp dịch vụ

Nhằm cung cấp dịch vụ tốt nhất cho khách hàng, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao và nâng cao năng lực cạnh tranh, Công ty thực hiện chuẩn hoá quy trình cung cấp dịch vụ đối với các loại hình dịch vụ của mình.

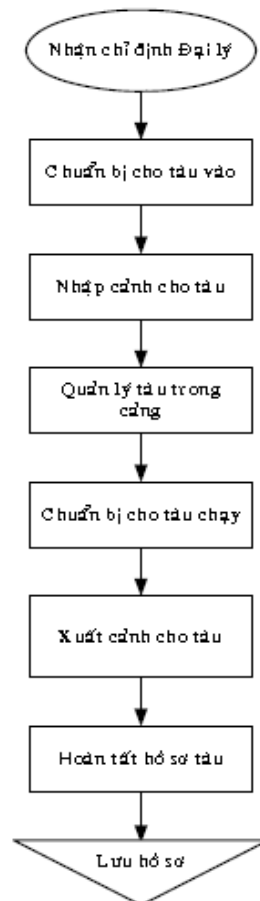
Quy trình Vận tải biển



Diễn giải:

Trong khai thác tàu, sau khi xác định được nguồn hàng, cần căn cứ vào các yêu cầu về hàng hóa, tuyến hoạt động, phương tiện dự kiến tham gia vận tải, thuyền viên ... để tính toán hiệu quả, xác định lợi nhuận theo phương án khai thác. Việc bố trí tàu cũng cần được thực hiện hợp lý đảm bảo các yêu cầu về quy phạm đăng kiểm và công ước quốc tế liên quan, đồng thời đảm bảo phù hợp với các yêu cầu của hợp đồng về chất lượng phương tiện (thường là tuổi tàu), trọng tải, mớn nước, thuyền viên ... Việc thanh quyết toán được tiến hành căn cứ vào quy định trong hợp đồng vận tải và tuân thủ thông lệ quốc tế. Thông thường chủ tàu có quyền lưu giữ hàng hóa cho đến khi Người thuê tàu thanh toán đầy đủ cước theo quy định.

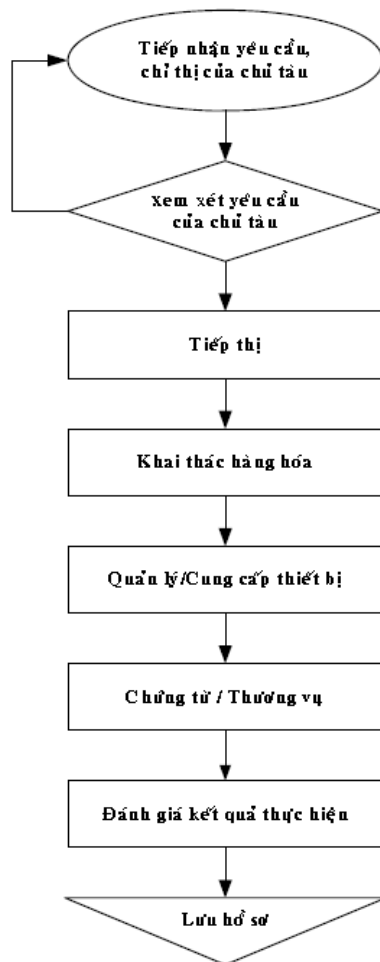
Quy trình Đại lý tàu biển:



Diễn giải:

Đại lý tàu biển có nhiệm vụ nhận các yêu cầu của chủ tàu nước ngoài về gom hàng, giao hàng và dàn xếp các công việc phục vụ tàu tại cảng trong thời gian tàu ở Việt Nam (làm thủ tục cho tàu ra vào cảng, xin hoa tiêu, xếp dỡ hàng hoá .v.v.). Đại lý tàu biển được chuyển hàng tại kho, đóng gói hàng, lưu kho, đăng ký hăng tàu (booking), làm thủ tục hải quan, vận chuyển hàng hoá và các công việc khác để giao hàng tại địa điểm nhận theo yêu cầu.

Quy trình Đại lý vận tải Container:



Diễn giải:

Đại lý vận tải Container là loại hình dịch vụ đặc biệt nằm trong hệ thống vận tải Container toàn cầu và khu vực. Đại lý được các công ty vận tải nước ngoài chỉ định làm công việc điều hành hoạt động khai thác vận tải Container, phục vụ các nhà xuất nhập khẩu bằng các tàu trở Container chạy theo lịch trình và tuyến định trước. Đại lý vận tải Container nhận sự uỷ thác của hãng tàu để thu xếp nhận hàng (Booking), tìm hàng, quản lý phương tiện Container, thu xếp tàu chạy nhánh (feeder), tiến hành thủ tục thanh toán với chủ hàng . v.v.

➤ Tình hình nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới

Với phương châm là luôn đi tiên phong trong việc cung cấp dịch vụ có chất lượng cao cho khách hàng, Vinaship liên tục tìm kiếm các sản phẩm vận tải mới nhằm tăng tính cạnh tranh. Ngoài hoạt động vận tải biển, Công ty tổ chức kinh doanh các ngành nghề khác như đại lý vận tải nội địa, môi giới hàng hải, xếp dỡ, kiểm đếm hàng hóa và phục vụ vận chuyển Container tại bãi, dịch vụ cung ứng nước ngọt cho tàu tại cảng, đại lý tàu biển, sửa chữa nhỏ tàu biển, cho thuê bãi và kho Container, cho thuê thuyền viên. Những dịch vụ này trước mắt chủ yếu phục vụ Đội tàu Công ty nhằm tạo việc làm và doanh thu cho Công ty. Trong tương lai Công ty sẽ mở

rộng và phát triển các hoạt động trên để từng bước hình thành mô hình vận tải khép kín vận tải biển, vận tải bộ, bốc xếp, giao nhận hàng hóa.

➤ **Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ**

Hiện tại, Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn các Bộ luật an toàn hàng hải và an ninh tàu, bến cảng đối với toàn bộ các loại hình dịch vụ mà Công ty đang cung cấp. Việc quản lý chất lượng của Công ty do Ban An toàn đảm trách.

Chính sách chất lượng của Vinaship luôn luôn là cung ứng các dịch vụ với chất lượng cao nhất nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao và đa dạng của khách hàng. Công ty luôn đặt vấn đề chất lượng lên hàng đầu, đồng thời tuân thủ mọi quy định của Nhà nước.

Để đạt được những điều này, Công ty cam kết:

- Giữ liên hệ chặt chẽ với khách hàng nhằm đảm bảo sản phẩm dịch vụ của mình luôn thỏa mãn yêu cầu ngày càng cao của họ.
- Xem con người là tài sản quan trọng nhất do đó thường xuyên giáo dục, đào tạo để mọi cán bộ, nhân viên trong Công ty có tinh thần tập thể, có kỹ năng cần thiết nhằm không ngừng cải tiến và hoàn thiện về chất lượng công việc của mình.
- Duy trì hệ thống chất lượng luôn phù hợp và có hiệu quả, phát triển sự hợp tác của mọi thành viên trong Công ty đảm bảo tuân thủ mọi yêu cầu của tiêu chuẩn các Bộ luật an toàn hàng hải và an ninh tàu, bến cảng.
- Công ty đề cao vấn đề chất lượng dịch vụ và sản phẩm, coi đó là trọng tâm hàng đầu. Vì thế, Công ty đã đề ra các biện pháp cũng như trang bị các thiết bị hiện đại ứng dụng những công nghệ quản lý tiên tiến nhằm đảm bảo các cam kết với khách hàng về chất lượng dịch vụ theo đúng các tiêu chuẩn quy định trong lĩnh vực vận chuyển giao nhận.
- Công ty cũng tổ chức các lớp học đào tạo và đào tạo lại cho các Sĩ quan thuyền viên do các chuyên gia trong và ngoài nước tập huấn, đồng thời cử các kỹ sư, cán bộ trẻ đi học và tập huấn nước ngoài để nâng cao trình độ quản lý, công tác.

➤ **Hoạt động marketing**

Cùng với công tác quản lý chất lượng, Vinaship cũng hết sức quan tâm đến hoạt động Marketing, đặc biệt khi Vinaship là một doanh nghiệp hoạt động đa ngành nghề. Thực hiện tốt chính sách Marketing góp phần nâng cao vị thế và thương hiệu của Công ty, phân phối các sản phẩm và dịch vụ tới khách hàng một cách tốt nhất, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh của Vinaship. Nhận thức được điều đó, gần đây, Vinaship cũng quan tâm tới việc xây dựng và quảng bá thương hiệu. Ngoài ra, mỗi phòng ban nghiệp vụ và chi nhánh của Công ty đều có bộ phận Marketing để chăm sóc khách hàng, tiếp cận tìm kiếm khách hàng mới và khách hàng có tiềm năng bằng uy tín chất lượng dịch vụ của Công ty. Các Trưởng, Phó phòng

ban có trách nhiệm đề ra phương hướng, kế hoạch Marketing, đồng thời kiểm tra giám sát việc thực hiện. Công việc chính của bộ phận Marketing là chào bán dịch vụ và nghiên cứu phát triển thị trường. Bao gồm:

❖ *Xác định khách hàng*

- Thực hiện nghiên cứu thị trường, giá cả, xác định tuyến vận tải mạnh, yếu của Công ty.
- Khai thác và tập hợp thông tin về các nhà xuất nhập khẩu để thực hiện khai thác.
- Thường xuyên liên lạc, thăm hỏi khách hàng, khắc phục các điểm chưa phù hợp để phục vụ khách hàng tốt hơn.

❖ *Gặp gỡ khách hàng để xác định những yêu cầu về dịch vụ:*

- Dàn xếp những cuộc tiếp xúc với khách hàng để tìm ra những yêu cầu của họ về dịch vụ như: cước phí, thời gian vận chuyển, cảng đến và những yêu cầu đặc biệt của khách hàng cũng như về chứng từ.
- Xem lại các yêu cầu của khách hàng có phù hợp với chính sách cung cấp dịch vụ của Công ty hay không và chuẩn bị những đề xuất chào bán dịch vụ bao gồm thông tin về nơi nhận hàng, cảng đích, điều khoản mua bán, cước phí, các phụ phí, ngày có hiệu lực, loại hình vận chuyển, tuyến đường, thời gian vận chuyển.

❖ *Chào giá*

- Đàm phán với khách hàng dựa trên tình hình thực tế thị trường, đồng thời luôn xem xét đến yếu tố hợp tác lâu dài đối với khách hàng truyền thống.

❖ *Chính sách cung cấp dịch vụ của Công ty:*

- Khách hàng là nhân tố quan trọng nhất quyết định sự thành công trong kinh doanh của Công ty.
- Không ngừng thỏa mãn yêu cầu của khách hàng, nâng cao chất lượng dịch vụ với giá cạnh tranh bằng cách:
 - Thao tác nghiệp vụ nhanh chóng, chính xác và an toàn.
 - Làm đúng ngay từ đầu.
 - Giao hàng đúng hẹn.
 - Đối với khách hàng là nhà sản xuất (Chủ hàng): tiếp cận, theo dõi, khuyến khích dựa trên chính sách của các hãng tàu.
 - Đối với khách hàng là các hãng tàu: bám sát khâu nước ngoài và dành nhiều chính sách ưu đãi.

➤ **Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh, sáng chế và bản quyền**

Từ khi xuất hiện trên thị trường, thương hiệu Vinaship đã tạo được lòng tin đối với khách hàng và là một thương hiệu có uy tín trên thị trường.

Mẫu nhãn hiệu:



Bộ nhãn hiệu của công ty được đăng ký và bảo vệ theo Quyết định số 17715/QĐ-SHTT ngày 18/8/2009. Thời hạn bảo hộ nhãn hiệu: 10 năm kể từ ngày nộp đơn (30/5/2008)

Các dấu hiệu nhận dạng thương hiệu:

- Màu sắc nhãn hiệu: Xanh lam, trắng, đen
- Loại nhãn hiệu: Thông thường
- Nội dung khác: Nhãn hiệu được bảo hộ tổng thể. Không bảo hộ riêng

Danh mục các sản phẩm, dịch vụ được mang nhãn hiệu của Công ty:

- Nhóm 35: Mua bán công ten nơ, dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ tuyển dụng và xuất khẩu lao động, đại lý mua bán, đại lý ký gửi hàng hóa
- Nhóm 36: Dịch vụ khai thuê hải quan, dịch vụ cho thuê văn phòng
- Nhóm 37: Dịch vụ sửa chữa tàu biển
- Nhóm 39: Dịch vụ vận tải biển, đại lý tàu biển; dịch vụ giao nhận hàng hóa; dịch vụ bảo quản và lưu giữ hàng hóa, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa; dịch vụ cho thuê kho bãi

2. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

➤ **Danh sách Ban điều hành**

Ban Giám đốc điều hành hiện nay của Công ty gồm có năm (04) thành viên, đứng đầu là Tổng giám đốc, giúp việc Tổng giám đốc có các Phó tổng giám đốc. Ban giám đốc điều hành do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và trước Pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

- Thành viên Ban điều hành Công ty

| Chức vụ | Tên | Tuổi/Năm sinh | CMND |
|---------|------------------|---------------|--------------|
| TGD | Vương Ngọc Sơn | 23/7/1961 | 040061000060 |
| Phó TGD | Nguyễn Quang Duy | 05/6/1963 | 030633647 |
| Phó TGD | Trần Dũng Chiến | 22/02/1962 | 030188207 |
| Phó TGD | Dương Ngọc Tú | 20/10/1976 | 031065889 |

- Tóm tắt lý lịch thành viên Ban điều hành

1) Ông Vương Ngọc Sơn

Chức vụ hiện tại: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc
 Giới tính: Nam
 Ngày sinh: 23/7/1961
 Nơi sinh: Hải Phòng
 Chứng minh nhân dân: 040061000060 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp
 Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: Số 9/24 Lê Quỳnh, Phường Máy Tơ, Ngô Quyền, Hải Phòng
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển
 Quá trình công tác:

| Thời gian | Nơi làm việc | Chức vụ |
|---------------|---------------------------------------|--|
| 1986-1996 | Công ty Vận tải biển III | Quản trị tàu biển |
| 1997 | Công ty Vận tải biển III | Học nghiệp vụ |
| 1998 – 2006 | Công ty Vận tải biển III | Trưởng phòng kế toán, kế toán trưởng |
| 2007 – 4/2013 | Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship | Trưởng phòng kế toán, kế toán trưởng, ủy viên HĐQT |
| 4/2013 – Nay | Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship | Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc |

Các chức vụ tại tổ chức khác: Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Dịch vụ vận tải và Thương mại

Số cổ phần sở hữu cá nhân : 77.390 cổ phần

Số cổ phần sở hữu Nhà nước: 2.800.000 cổ phần (14% vốn điều lệ)

Những người có liên quan:

| STT | Họ và tên người có liên quan | Mối quan hệ | Số cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ (%) |
|-----|------------------------------|-------------|--------------------|-----------|
| 1 | Nguyễn Thị Ngọc Lan | Vợ | 3.100 | 0,0155 |
| 2 | Vương Minh Hải | Em | 1.300 | 0,0065 |

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

2) Ông Nguyễn Quang Duy

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 05/6/1963

Nơi sinh: Hải Phòng

Chứng minh nhân dân: 030633647 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Số 7/200, Tô Hiệu, Lê Chân, Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư máy tàu thủy

Quá trình công tác:

| Thời gian | Nơi làm việc | Chức vụ |
|------------------|---------------------------------------|---|
| 7/1987 – 2/1989 | Xí nghiệp liên doanh dầu khí Việt Xô | Thợ máy dưới tàu |
| 3/1989 – 6/1996 | Công ty Vận tải biển III | Thợ máy |
| 7/1996 – 11/2003 | Công ty Vận tải biển Việt Nam (Vosco) | Sỹ quan máy |
| 12/2003 – 1/2006 | Công ty Vận tải biển III | Cán bộ kỹ thuật tại phòng Khoa học kỹ thuật |
| 1/2006 – 12/2006 | Công ty Vận tải biển III | Phó trưởng phòng Khoa |

| <i>Thời gian</i> | <i>Nơi làm việc</i> | <i>Chức vụ</i> |
|------------------|---------------------------------------|-------------------------|
| | | học kỹ thuật |
| 1/2007 – 6/2009 | Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship | Phó trưởng phòng Vật tư |
| 6/2009 – nay | Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship | Phó Tổng Giám đốc |

Các chức vụ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần sở hữu cá nhân : 5.600 cổ phần

Số cổ phần đại diện: 1.800.000 cổ phần (9% vốn điều lệ)

Những người có liên quan:

| STT | Họ và tên người có liên quan | Mối quan hệ | Số cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ (%) |
|-----|------------------------------|-------------|--------------------|-----------|
| 1 | Trần Thị Hương Duyên | Vợ | 11.000 | 0,06 |
| 2 | Nguyễn Quang Sơn | Con | 15.000 | 0,075 |

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

3) Ông Trần Dũng Chiến

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 22/02/1962

Nơi sinh: Hải Phòng

Chứng minh nhân dân: 030188207 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Số 7b/136 Nguyễn Đức Cảnh, quận Lê Chân, Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải sông

Quá trình công tác:

| <i>Thời gian</i> | <i>Nơi làm việc</i> | <i>Chức vụ</i> |
|------------------|--------------------------|-------------------------|
| 5/1985 – 3/1998 | Công ty Vận tải biển III | Cán bộ Phòng kinh doanh |

| <i>Thời gian</i> | <i>Nơi làm việc</i> | <i>Chức vụ</i> |
|------------------|---|-------------------------|
| 4/1998 – 3/2000 | Công ty Vận tải biển III | Trưởng phòng Kinh doanh |
| 4/2000 – 6/2002 | Công ty cổ phần Dịch vụ vận tải và thương mại | Phó Giám đốc |
| 6/2002 – 7/2006 | Công ty Vận tải biển III | Phó phòng Kinh doanh |
| 7/2006 – 7/2013 | Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship | Trưởng phòng Kinh doanh |
| 7/2013 – Nay | Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship | Phó Tổng Giám đốc |

Các chức vụ tại tổ chức khác:

Số cổ phần sở hữu cá nhân : 13.300 cổ phần

Số cổ phần sở hữu Nhà nước: 0 cổ phần

Những người có liên quan: Không

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

4) Ông Dương Ngọc Tú

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc

Ngày sinh: 20/10/1976

Nơi sinh: Hải Phòng

Chứng minh nhân dân: 031065889 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 74/261 Trần Nguyên Hãn, Nghĩa Xá, quận Lê Chân, Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế vận tải biển

Quá trình công tác:

| <i>Thời gian</i> | <i>Nơi làm việc</i> | <i>Chức vụ</i> |
|------------------|--------------------------|----------------|
| 8/1999 -6/ 2006 | Công ty vận tải biển III | Cán bộ |

| <i>Thời gian</i> | <i>Nơi làm việc</i> | <i>Chức vụ</i> |
|------------------|---------------------------------------|--|
| 7/2006 – 12/2006 | Công ty vận tải biển III | Phó phòng Kinh doanh |
| 1/2007 – 2008 | Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship | Phó phòng phụ trách p.Đầu tư – phát triển đội tàu |
| 2008 – 2012 | Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship | Trưởng phòng Đầu tư – Đối ngoại |
| 2012 – 7/2013 | Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship | Ủy viên HĐQT, Trưởng p.Đầu tư đối ngoại, Trưởng Ban quản lý và Khai thác Bãi container |
| 7/2013 – Nay | Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship | Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc, Trưởng Ban quản lý và Khai thác Bãi container |

Các chức vụ tại tổ chức khác: Không
Số cổ phần sở hữu cá nhân : 82.000 cổ phần
Số cổ phần đại diện: 0 cổ phần

Những người có liên quan:

| STT | Họ và tên người có liên quan | Mối quan hệ | Số cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ (%) |
|-----|------------------------------|-------------|--------------------|-----------|
| 1 | Trần Thu Hằng | Vợ | 6.730 | 0,034 |

Những khoản nợ đối với Công ty: Không
Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

➤ Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động

❖ Tình hình và số lượng người lao động trong Công ty

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển lâu dài và bền vững của Công ty nên VINASHIP luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình. Tính đến ngày 31/12/2016, số lượng cán bộ nhân viên chính thức của Công ty là 703 người

Bảng 4 : Bảng kê tình hình lao động Công ty tại thời điểm 31/12/2016
Đơn vị tính : Người

| Yếu tố | 31/12/2015 | 31/12/2016 |
|---|-------------------|-------------------|
| • Số lượng nhân viên | 913 | 703 |
| • Mức lương bình quân (đồng/người/tháng) | 7.975.000 | 8.145.000 |
| Phân theo trình độ chuyên môn | | |
| • Đại học và Trên đại học | 340 | 278 |
| • Cao đẳng, Trung cấp, PTTH, Sơ cấp | 573 | 425 |
| Phân theo thời hạn hợp đồng | | |
| • LĐ không thuộc diện ký HĐLĐ(GĐ, PGĐ, KTT,CT Đoàn) | - | - |
| • Hợp đồng không xác định thời hạn | 678 | 542 |
| • Hợp đồng lao động có thời hạn từ 1-3 năm | 181 | 126 |
| • Lao động hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm | 54 | 35 |

✦ Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp
- Chính sách đào tạo

Công ty chú trọng việc đẩy mạnh các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là về kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn đối với nhân viên nghiệp vụ tại các đơn vị. Việc đào tạo tại Công ty được thực hiện theo hướng sau:

- Đối với lao động trực tiếp: thường xuyên mở các lớp bồi dưỡng tại chỗ để nâng cao trình độ tay nghề và sự hiểu biết của người lao động về ngành hàng hải. Công ty tiến hành đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao hiệu quả lao động của các lao động hiện có. Người lao động cũng luôn được khuyến khích và tạo điều kiện tham gia các lớp đào tạo nâng cao trình độ về chuyên môn, ngoại ngữ, tin học.

- Đối với lao động các phòng chuyên môn nghiệp vụ, Công ty luôn tạo điều kiện tham gia học cả trong và ngoài nước với ngành nghề chuyên môn phù hợp với yêu cầu công việc, tham gia các lớp học bồi dưỡng nghiệp vụ ngắn hạn về các chế độ, chính sách của Nhà nước...

Những cán bộ công nhân viên được cử đi học được Công ty thanh toán chi phí học tập và được hưởng lương theo kết quả học tập

- Chính sách lương

Công ty xây dựng quy chế về quản lý và phân phối tiền lương áp dụng thống nhất trong toàn Công ty. Đơn giá tiền lương được xác định dựa vào Tổng quỹ lương (theo quy định của Nhà nước về thang bảng lương, số lượng lao động, mức tối thiểu) và doanh số. Tiền lương được phân phối theo nguyên tắc phân phối lao động và sử dụng tiền lương như đòn bẩy kinh tế quan trọng nhất để kích thích người lao động tích cực tham gia sản xuất kinh doanh. Việc phân phối lương được thực hiện công khai và dân chủ, đảm bảo sự công bằng và hợp lý giữa các chức danh trong Công ty. Trong tình trạng khó khăn chung, công ty đã cố gắng thực hiện chi trả lương, trích nộp bảo hiểm cho người lao động đầy đủ, đúng hạn. Lương bình quân lao động toàn công ty ước đạt 8.145.000 đồng/người/tháng.

- Chính sách thưởng

Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc. Công ty đưa ra chính sách thưởng hàng kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Việc xét thưởng căn cứ vào thành tích của cá nhân hoặc tập thể trong việc thực hiện tiết kiệm, sáng kiến cải tiến về kỹ thuật, về phương pháp tổ chức kinh doanh, tìm kiếm được khách hàng mới, thị trường mới, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, đạt được hiệu quả cao trong kinh doanh, có thành tích chống tiêu cực, lãng phí.

- Các chế độ, chính sách khác đối với người lao động

Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật lao động, Nội quy lao động và Thỏa ước lao động tập thể. Công ty luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên. Công ty có chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật đối với các lao động làm việc trong điều kiện nắng nóng, nặng nhọc; quan tâm tới cán bộ công nhân viên trong các ngày lễ tết, cụ thể:

- Các chế độ chống nóng, chống độc hại cho công nhân, lao động phải làm việc trong điều kiện độc hại;
- Tặng quà cho các cán bộ công nhân viên vào các ngày Quốc tế phụ nữ 8/3, ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10, cưới hỏi, ngày lễ tết (Tết Dương lịch, Tết Nguyên đán, 30/4, ngày Quốc tế Lao động 1/5, Quốc khánh 2/9)
- Tặng quà cho các cán bộ công nhân viên trong Công ty tham gia lực lượng vũ trang nhân ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam 22/12

- Tổ chức cho các cán bộ công nhân viên đi nghỉ mát, du lịch hàng năm
- Tổ chức vui chơi và tặng quà cho các cháu là con của cán bộ công nhân viên trong Công ty nhân ngày Quốc tế Thiếu nhi 1/6, Rằm Trung thu
- Tặng quà cho các cháu đạt thành tích cao trong học tập

3. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

➤ Tình hình đầu tư

❖ Đầu tư phương tiện năm 2016

Do thị trường chưa thuận lợi và đang khó khăn về vốn, năm 2016 công ty tạm dừng các dự án mua bán/ đóng mới tàu. Việc bán tàu già cũ, hoạt động không hiệu quả cũng chưa được triển khai do giá sắt vụn xuống thấp và các đơn vị tham gia mua bán tàu cũ cũng đang gặp khó khăn về vốn.

4. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

a) Tình hình tài chính

Bảng 5: Tình hình tài chính Công ty

| Chỉ tiêu | Năm 2015 | Năm 2016 | % tăng giảm |
|-----------------------------------|-------------------|------------------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản | 1.055.937.184.571 | 948.236.079.481 | -10,2% |
| Doanh thu thuần | 695.322.884.393 | 532.185.914.046 | -23,46% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | (53.664.532.301) | (97.942.157.094) | -82,5% |
| Lợi nhuận khác | 13.958.131.345 | (670.242.365) | -104,8% |
| Lợi nhuận trước thuế | (39.706.400.956) | (98.612.399.459) | -148,35% |
| Lợi nhuận sau thuế | (39.706.400.956) | (98.612.399.459) | -148,35% |
| Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | | | |

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu
Bảng 6: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| Các chỉ tiêu | Năm 2015 | Năm 2016 | Ghi chú |
|--|----------|----------|---------|
| <i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i> | | | |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSNH/Nợ ngắn hạn | 0,54 | 0,4 | |
| + Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSNH – Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn | 0,43 | 0,31 | |
| <i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i> | | | |
| + Hệ số Nợ/Tổng tài sản | 0,83 | 0,92 | |
| + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | 4,5 | 11,24 | |
| <i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i> | | | |
| + Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân | 19,33 | 16,72 | |
| + Doanh thu thuần/Tổng tài sản | 0,65 | 0,56 | |
| <i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i> | | | |
| + Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | -0,057 | -0,19 | |
| + Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu | -0,225 | -1,27 | |
| + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản | -0,037 | -0,1 | |
| + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh | -0,07 | -0,18 | |

| | | | |
|-----------------------|--|--|--|
| doanh/Doanh thu thuần | | | |
|-----------------------|--|--|--|

5. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

➤ Cổ phần

| | |
|--|--------------------|
| Mã chứng khoán: | VNA |
| Tổng số cổ phần đang lưu hành: | 20.000.000 cổ phần |
| Tổng số cổ phần niêm yết: | 20.000.000 cổ phần |
| Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: | 20.000.000 cổ phần |
| Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng: | 0 cổ phần |

➤ Các dữ liệu thống kê về cổ đông

❖ Cổ đông trong nước

- Cơ cấu cổ đông

| STT | Danh mục | Tại ngày 15/4/2015 | | Tại ngày 10/3/2016 | |
|-----|--------------------------|--------------------|-----------|--------------------|-----------|
| | | Cổ phiếu | Tỷ lệ (%) | Cổ phiếu | Tỷ lệ (%) |
| 1 | Cổ đông tổ chức | 10.270.000 | 51,35 | 10.270.000 | 51,35 |
| | - Cổ đông sở hữu trên 5% | 10.200.000 | 51 | 10.200.000 | 51 |
| | - Cổ đông sở hữu dưới 5% | 70.000 | 0,35 | 70.000 | 0,35 |
| 2 | Cổ đông cá nhân | 9.176.870 | 45,88 | 9.306.890 | 46,53 |

- Thông tin chi tiết về cổ đông lớn

| Cổ đông | Địa chỉ | Số CMND/ĐKKD | Số lượng CP sở hữu | Tỷ trọng (%) |
|-----------------------------------|---------------------------|--------------|--------------------|--------------|
| 1. Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam | Số 1, Đào Duy Anh, Hà Nội | 0106000600 | 10.200.000 | 51 |

❖ Cổ đông nước ngoài

- Cơ cấu cổ đông

| STT | Danh mục | Tại ngày 15/4/2015 | | Tại ngày 10/3/2016 | |
|-----|--------------------------|--------------------|-----------|--------------------|-----------|
| | | Cổ phiếu | Tỷ lệ (%) | Cổ phiếu | Tỷ lệ (%) |
| 1 | Cổ đông tổ chức | 276.030 | 1,38 | 240.250 | 1,2 |
| | - Cổ đông sở hữu trên 5% | 0 | 0 | 0 | 0 |
| | - Cổ đông sở hữu dưới 5% | 276.030 | 1,38 | 240.250 | 1,2 |
| 2 | Cổ đông cá nhân | 277.100 | 1,39 | 182.860 | 0,92 |

- Thông tin chi tiết về cổ đông lớn: Không có

- Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp

| Số đầu kỳ | Tăng trong kỳ | Giảm trong kỳ | Số cuối kỳ |
|---|---------------|---------------|------------------------|
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 200.000.000.000 | 0 | 0 | 200.000.000.000 |

PHẦN III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

➤ **Những thuận lợi, khó khăn**

Hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2016 của Công ty gặp một số thuận lợi và khó khăn cụ thể như sau:

❖ **Thuận lợi**

- Nền kinh tế Việt Nam trong năm có nhiều khởi sắc, kéo theo nhu cầu vận chuyển xuất nhập khẩu và nội địa tăng lên nhất là với nhóm hàng nguyên liệu thô như tan, clinker, thạch cao, hàng nông sản và phân bón. Trong bối cảnh thị trường vận tải hàng khô quốc tế và trong khu vực tương đối ảm đạm, cạnh tranh gay gắt thì vận chuyển nội địa và xuất khẩu trong ngắn hạn là phân khúc thị trường khá hiệu quả đối với đội tàu biển trong nước.

- Sự đoàn kết thống nhất trong HĐQT, ban giám đốc, đội ngũ cán bộ nhân viên, sỹ quan thuyền viên, sự phối kết hợp chặt chẽ giữa các phòng ban chuyên môn, giữa khối quản lý và phương tiện.

- Công ty luôn nhận được sự chỉ đạo sát sao từ Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thông qua những người đại diện phần vốn góp của Tổng công ty tại doanh nghiệp.

❖ **Khó khăn**

Khó khăn khách quan

- Năm 2016 có thể nói là năm xấu nhất đối với vận tải hàng khô quốc tế và đối với doanh nghiệp vận tải biển nói chung và Công ty nói riêng trong hàng chục năm qua. Sau khi chỉ số giá cước tàu hàng khô BDI rớt xuống mức thấp kỷ lục mọi thời đại 290 ngày 10/02/2016, thị trường phục hồi chậm chạp suốt năm và đạt đỉnh vào giữa tháng 11 ở mốc 1261 điểm. Tuy nhiên, điều đáng nói là sự phục hồi này chủ yếu ở phân khúc tàu Capesize còn các phần khúc lớn và nhỏ hơn thì không có nhiều cải thiện. Đối với Công ty Vinaship, năm 2016 đánh dấu sự thay đổi lớn về mô hình khai thác khi toàn bộ đội tàu chuyển về khai thác chuyến thay vì kết hợp cho thuê định hạn như các năm trước. Về nguồn hàng, tại thị trường Công ty khai thác truyền thống là Đông Nam Á, mặt hàng gạo xuất khẩu từ Việt Nam và Tháiland đi Đông Nam Á sản lượng giảm khoảng hơn 40% so với năm 2015, chủ yếu là đi thị trường Philippines trong thời gian ngắn sử dụng cỡ tàu nhỏ đi các cảng lẻ, các chân hàng đi Indonesia và Malaysia có sản lượng hầu như rất thấp. Các chân hàng nội địa khác tuy sản lượng dồi dào và tiếp nhận được cỡ tàu handysize hơn nhưng do sự bất bình hành về lượng phương tiện vận tải biển tập trung đông vượt quá khả năng tiếp nhận giải phóng hàng cộng thêm hạn chế về điều kiện cầu cảng, luồng lạch tại một số đầu bến phía Nam nên dẫn tới các tàu thường xuyên phải chờ đợi dài ngày, phát sinh chi phí và hệ lụy bất lợi cho hoạt động kinh doanh.

- Do ảnh hưởng tỷ giá ngoại tệ (đồng đô la Mỹ) đột ngột biến động thời điểm cuối năm khiến phát sinh đáng kể khoản chênh lệch tỷ giá, cộng thêm các phần trả lãi vay (ngắn và trung hạn) ngân hàng vẫn ở mức cao nên tổng chi phí hoạt động tài chính năm 2016 của công ty (52,8 tỷ đồng) vẫn là gánh nặng lớn lên hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Giá nhiên liệu sau thời gian ở mức thấp đã tăng mạnh trở lại. 2016 được coi là năm tăng trưởng mạnh nhất của dầu mỏ kể từ năm 2009. Giá dầu FO cuối năm tăng 65,87%, giá dầu DO tăng 91,10% so với đầu năm 2016. Việc giá nhiên liệu tăng ảnh hưởng không nhỏ tới chi phí nhiên liệu cho đội tàu của công ty.

Khó khăn chủ quan

- Không dự tính hết được tình trạng nghẽn tàu trầm trọng tại một số cảng làm giảm hiệu quả khai thác tàu. Trong năm, tính bình quân thời gian làm hàng của đội tàu chiếm 3,71%, neo chờ chiếm khoảng 33,3,% tổng thời gian khai thác.

- Một số hạng mục chi phí khai thác tăng cao: đội tàu công tư hiện gồm 10 chiếc với tổng trọng tải 169.096 DWT, tàu nhỏ nhất có trọng tải 6.500 DWT, tàu có trọng tải lớn nhất 27.841 DWT, tuổi bình quân của đội tàu xấp xỉ 21 tuổi trong đó có 01 tàu trên 30 tuổi treo cờ nước

ngoài. Với độ tuổi bình quân cao, trọng tải nhỏ nên phát sinh chi phí sửa chữa, bảo dưỡng, bảo hiểm và hạn chế khả năng cạnh tranh với các đội tàu bạn với tuổi tàu và giá đầu tư thấp.

- Công tác đơn đốc tuân thủ quy trình bảo quản bảo dưỡng trang thiết bị máy móc kỹ thuật trên các phương tiện còn thiếu sâu sát, việc kiểm tra đánh giá chưa thực hiện hiệu quả, kịp thời dẫn đến một số tàu còn xảy ra các sự cố đáng tiếc làm thiệt hại kinh doanh, ảnh hưởng đến an toàn và kế hoạch khai thác.

- Thị trường dịch vụ vận tải container nội địa trong năm 2016 gặp nhiều khó khăn, sản lượng vận chuyển giảm do nhiều ngành sản xuất bị thu hẹp, mức độ cạnh tranh trong thị trường dịch vụ vận tải nội địa là rất cao do có quá nhiều đơn vị tham gia vào thị trường. Quy mô dịch vụ vận tải của công ty tuy đã có nhiều cải thiện nhưng cơ bản vẫn còn khiêm tốn, lợi thế cạnh tranh ở một số tuyến vận chuyển nội địa thấp do phải cạnh tranh trực tiếp với một số đơn vị trực thuộc hãng tàu container hoặc có lợi thế về chuỗi logistics (kho bãi, phương tiện vận tải).

➤ **Các giải pháp đã áp dụng**

❖ **Khai thác vận tải biển**

- Trong bối cảnh thị trường vận tải biển diễn biến xấu, khối kinh doanh khai thác đã tích cực tìm kiếm chân hàng vận chuyển cho đội tàu, chuyển hình thức khai thác time charter đối với các tàu lớn về tự khai thác tàu chuyển. Đội tàu công ty tuy độ tuổi bình quân cao (trên 21 tuổi), sức cạnh tranh kém tuy nhiên trong năm 2016 không có tàu phải chờ hàng cũng như không có tàu lay up.

- Tổ chức triển khai thực hiện các hợp đồng đã ký, phối hợp cùng với khối phương tiện, các phòng, ban, đơn vị trong công ty trong công tác hỗ trợ tàu thực hiện chuyển đi, giải quyết kịp thời những tình huống phát sinh trong hoạt động của đội tàu, duy trì hoạt động SXKD ổn định và hạn chế mức thua lỗ trong kinh doanh. Hỗ trợ các bộ phận chuyên môn khác trong việc tìm kiếm nhà cung cấp dịch vụ cung ứng vật tư sửa chữa.

- Về công tác đại lý: Trong năm 2016, công ty đã thu xếp hầu hết cho các tàu làm thủ tục nhập, xuất, tổ chức làm hàng tại các cảng trong nước, đặc biệt phòng kinh doanh đã chủ động mở rộng công tác đại lý cho các tàu của công ty nước ngoài.

- Phát triển thêm các dịch vụ môi giới hàng hải, thuê tàu vận chuyển hàng hóa, dịch vụ đại lý tàu biển cho các đối tác bên ngoài, mang lại nguồn thu bổ sung cho công ty.

❖ **Quản lý kỹ thuật, sửa chữa**

Phòng KHKT đã chủ động chuẩn bị kế hoạch và tổ chức công tác kiểm tra tình trạng tàu, sửa chữa, duy tu bảo dưỡng máy móc trang thiết bị đội tàu khi ghé các cảng biển Việt Nam. Trong

năm 2016, công ty có 05 tàu lên đà sửa chữa định kỳ (tàu Vinaship Pearl, Vinaship Gold, Vinaship Star, Vinaship Diamond và tàu Mỹ Hưng). Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong kiểm soát hạng mục, tiến độ sửa chữa nhưng thời gian sửa chữa vẫn kéo dài, nguyên nhân do thời tiết cũng như tay nghề công nhân nhà máy còn hạn chế. Việc sửa chữa đã đạt tiêu chuẩn quy định và kinh phí nằm trong hạng mục như dự toán ban đầu. Tổng kinh phí ước tính trong năm 2016 cho sửa chữa lớn và sửa chữa thường xuyên của đội tàu khoảng 41 tỷ đồng.

Phòng đã đôn đốc các tàu thực hiện nghiêm túc chế độ bảo dưỡng bảo quan trang thiết bị, các quy trình của bộ luật ISM code theo phương thức kiểm tra trực tiếp khi tàu ghé cảng Việt Nam, hoặc thông qua điện tín với các tàu khai thác tuyến xa. Đồng thời duy trì chế độ báo cáo, kiểm soát, soát xét định kỳ của thuyền trưởng, máy trưởng về tình trạng hoạt động của máy móc, các trang thiết bị trên các tàu, qua đó có kế hoạch cung ứng vật tư, sửa chữa phù hợp.

Tiếp tục thực hiện chỉ thị của Tổng giám đốc về công tác quản lý nhiên liệu, dầu nhớt, bộ phận phòng vật tư thường xuyên bám sát lịch trình hoạt động của đội tàu, theo dõi, duy trì hệ thống báo cáo nhiên liệu hàng ngày của các tàu phục vụ công tác quản lý và cung ứng. Nhờ đó, công tác cấp phát luôn chủ động và quá trình cấp phát được thực hiện và giám sát chặt chẽ đối với các tàu nhận trong nước, đảm bảo số lượng chất lượng. Lượng nhiên liệu tiêu thụ của đội tàu trong năm 2016 tăng từ 3-8%, chi phí nhiên liệu tăng khoảng 30% so với kế hoạch.

❖ Quản lý an toàn, ngăn ngừa rủi ro

Công ty đôn đốc ý thức tuân thủ chức trách thuyền viên duy trì và tăng cường công tác bảo quản, bảo dưỡng để giảm chi phí sửa chữa, ngăn ngừa tổn thất. Về công tác giải quyết tổn thất khiếu nại, công ty đã giải quyết bồi thường bảo hiểm: 08 vụ về thân tàu với số tiền 3.286.168.180 VNĐ; 04 vụ về hàng hóa, đang phối hợp với bên bảo hiểm và hội bảo hiểm thương lượng giải quyết với các chủ hàng/người bảo hiểm hàng hóa; 04 vụ PandI bảo hiểm trách nhiệm dân sự chủ tàu với tổng tiền bồi thường là 599.510.000 VNĐ và 18.380.670 USD.

Công ty thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở ban chỉ huy các tàu tuân thủ các quy trình, biện pháp an toàn an ninh trên tàu nhằm ngăn ngừa giảm thiểu các nguy cơ, rủi ro trong quá trình khai thác tàu. Do đó công tác quản lý đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận: không có tàu nào bị lưu giữ bởi PSC tại các cảng tàu ghé, không xảy ra khiếu nại, khiếu kiện của thuyền viên về điều kiện sinh hoạt, làm việc trên tàu.

❖ Dịch vụ hàng hải

Công ty đẩy mạnh hoạt động khai thác hàng hóa, hoạt động đại lý, dịch vụ vận tải, dịch vụ kho bãi và hàng container. Đồng thời duy trì mối quan hệ, tạo dựng uy tín với khách hàng, tăng cường đôn đốc, kiểm tra nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, song hành với chính sách điều chỉnh giá cước linh hoạt, nhạy bén giám sát thị trường nhất là với nhóm khách hàng truyền thống.

❖ Công tác nhân sự, thuyền viên

Công ty chủ trương xây dựng đội ngũ thuyền viên ổn định về số lượng, đảm bảo về chất lượng và có kế hoạch từng bước nâng cao chất lượng thuyền viên, đặc biệt là các sỹ quan quản lý bằng các chương trình cập nhật, huấn luyện sát với thực tiễn sản xuất và yêu cầu khách hàng cũng như yêu cầu của các Bộ luật quản lý an toàn chất lượng và an ninh. Nâng cao hơn nữa tinh thần trách nhiệm, sự tuân thủ quy định của các Bộ Luật, Công ước và nội quy của Công ty để vận hành con tàu một cách an toàn và hiệu quả.

❖ Chính sách với người lao động

Công ty tiếp tục quan tâm, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ công nhân viên, sỹ quan thuyền viên, thực hiện tốt các chính sách, chế độ với người lao động, tạo điều kiện để mọi người hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

➤ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

❖ Các chỉ tiêu sản xuất chính

Do những khó khăn chung của nền kinh tế thế giới nói chung và ngành vận tải biển nói riêng, giá cước biển đang thấp hơn giá thành vận tải dẫn tới thua lỗ, thậm chí phá sản của nhiều doanh nghiệp trong nước và thế giới. Mặc dù HĐQT, Ban điều hành Công ty đã có nhiều biện pháp quản trị, điều hành sát sao và có hiệu quả nhưng cũng chỉ có thể giảm được 1 phần số lỗ từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính. Tóm tắt các chỉ tiêu SXKD chính cụ thể như sau:

Bảng 7: Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chính

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị | Ước thực hiện năm 2016 | KH năm 2016 thông qua tại ĐHCĐ | Tỷ lệ % hoàn thành kế hoạch |
|-----|----------------------|--------|------------------------|--------------------------------|-----------------------------|
| 1 | Sản lượng vận tải | tấn | 1.556.242 | 1.700.000 | |
| 2 | Tổng doanh thu | đồng | 563.180.691.713 | 652.958.000.000 | 86,25% |
| | + Vận tải | - | 424.329.876.172 | | |
| | + Dịch vụ & khác | - | 138.850.815.514 | | |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | - | | Giảm lỗ tối đa | |
| 4 | Nợ ngân sách | - | | - | |
| 5 | Đầu tư tàu biển | tàu | - | Mua 01 tàu | - |

❖ Hoạt động dịch vụ

Hoạt động dịch vụ tại Xí nghiệp Xếp dỡ - Vận tải và Dịch vụ, Xí nghiệp dịch vụ vận tải và Ban Quản lý và khai thác bãi container trong năm 2016 cũng gặp nhiều khó khăn, sản lượng vận chuyển giảm do nhiều ngành sản xuất bị thu hẹp, mức độ cạnh tranh trong thị trường dịch vụ vận tải nội địa là rất cao do có quá nhiều đơn vị tham gia. Quy mô dịch vụ. Kết quả sản xuất kinh doanh khối dịch vụ năm 2016 chi tiết như sau:

| TT | Chỉ tiêu | Xí nghiệp Dịch vụ vận tải | Xí nghiệp xếp dỡ vận tải và dịch vụ | Ban Quản lý và khai thác bãi Container |
|-----------|-----------------|----------------------------------|--|---|
| 1 | Doanh thu (VNĐ) | 66.380.190.067 | 18.859.827.276 | 8.888.690.616 |
| 2 | Lợi nhuận (VNĐ) | 186.599.820 | 320.666.461 | (447.090.144) |

Hiệu quả từ hoạt động của khối dịch vụ tuy không lớn nhưng cũng giúp giảm bớt khoản lỗ từ hoạt động kinh doanh vận tải biển của Công ty trong năm 2016.

❖ **Hoạt động đầu tư**

Do thị trường chưa thuận lợi và đang khó khăn về vốn, trong năm 2016, công ty tạm dừng các dự án mua bán/ đóng mới tàu. Việc bán tàu già cũ, hoạt động không hiệu quả cũng chưa được triển khai do giá sắt vụn xuống thấp và các đơn vị tham gia mua bán tàu cũ cũng đang gặp khó khăn về vốn.

❖ **Tình hình tài chính**

Cùng với nhiệm vụ thực hiện giám sát thu chi, công nợ, công ty đã nỗ lực cố gắng cân đối kế hoạch thu chi và làm việc với các ngân hàng để cơ cấu lại các khoản vay nợ trong điều kiện có nhiều khó khăn về tài chính. Tiếp tục làm việc với các ngân hàng thương mại giảm lãi suất vay ngắn hạn, dài hạn. Bên cạnh đó, công ty đã trình hồ sơ tái cơ cấu khoản vay tại VDB Hải Phòng theo hướng chỉ đạo mới của Tổng công ty hàng hải Việt Nam, xóa nợ lãi đến 30/6/2016, khoan nợ từ 1/7/2016 đến 30/6/2018.

❖ **Công tác tiền lương**

Tổng số lao động của toàn công ty tính đến tháng 12 năm 2016 là 703 người, trong đó khối tàu bao gồm cả dự trữ là 366 người, văn phòng 121 người, 02 xí nghiệp và ban quản lý& khai thác bãi container là 168 người, lao động hợp đồng 48 người. Trong tình trạng khó khăn chung của các doanh nghiệp vận tải biển, công ty đã cố gắng thực hiện chi trả lương, trích nộp bảo hiểm cho người lao động đầy đủ, đúng hạn. Lương bình quân người lao động toàn công ty ước

đạt 8.145.000 đ/người/tháng (trong đó khối phương tiện là 13.526.000đ/ người/tháng, khối văn phòng 8.333.000 đ/người/tháng).

Về công tác đào tạo, huấn luyện, hoàn thành lớp cao đẳng điện đã đổi chứng chỉ hết hạn và cấp mới 192 chứng chỉ, kiểm tra nghiệp vụ sỹ quan vận hành cho thủy thủ, thợ máy có bằng 38 người; huấn luyện thuyền viên trước khi nhập tàu 261 người; kiểm tra nghiệp vụ sỹ quan, tiếng Anh trước khi nhập tàu 84 sỹ quan. Làm thủ tục chấm dứt hợp đồng lao động cho 49 thuyền viên và thu phí đào tạo của 37 người là 660.000.000đ.

2. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Bảng 8: Một số chỉ tiêu tài chính

| Các chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2015 | Năm 2016 |
|--|-----|----------|----------|
| <i>1. Bố trí cơ cấu tài sản</i> | Lần | | |
| + Tài sản cố định/Tổng tài sản | | 0,83 | 0,82 |
| + Tài sản lưu động/Tổng tài sản | | 0,16 | 0,01 |
| <i>2. Khả năng thanh toán</i> | Lần | | |
| + Tỷ lệ nợ phải trả trên tổng tài sản (Khả năng thanh toán hiện hành) | | 0,83 | 0,92 |
| + <u>Tài sản lưu động – Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn (Khả năng thanh toán nhanh) | | 0,43 | |
| + Khả năng thanh toán bằng tiền Tiền và các khoản tương đương tiền/Nợ ngắn hạn | | 0,13 | 0,03 |
| <i>3. Tỷ suất lợi nhuận</i> | % | | |
| + Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu | | -0,06 | -0,18 |
| + Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản | | -0,04 | -0,1 |
| + Tỷ suất lợi nhuận trên vốn điều lệ | | -0,2 | -0,5 |

3. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2017

Thị trường tàu hàng khô thế giới ngay từ đầu năm 2017 đã có nhiều diễn biến xấu, bất lợi cho hoạt động kinh doanh vận tải biển. Các chân vận chuyển khác xuất hiện vào những tháng đầu năm rất ít. Để có thể duy trì hoạt động kinh doanh có hiệu quả, công ty sẽ tiếp tục khai thác tại các tuyến trong khu vực và chở thuê, thực hiện vận chuyển các mặt hàng truyền thống như than đá, nông sản, đá vôi, phân bón, clinker, thạch cao...

Công ty tiếp tục phải đối mặt với những khó khăn cả nội tại và khách quan bên ngoài. Tuổi tàu bình quân hiện tại đã khá cao (21 tuổi), trong đó $\frac{3}{4}$ tàu handysize là 21 tuổi, 2 tàu chủ lực 14 nghìn tấn đều 27-28 tuổi, 1 tàu 31 tuổi. Điều này làm giảm mạnh khả năng cạnh tranh với các đội tàu bạn vốn có tuổi tàu trẻ hơn đáng kể. Trong năm 2017, đội tàu công ty sẽ có 04 tàu lên đà sửa chữa định kỳ, điều này ảnh hưởng đến thời gian vận doanh của đội tàu.

Nguồn vốn lưu động vẫn tiếp tục đi huy động từ nguồn vay ngắn hạn tại các ngân hàng, tổ chức tín dụng để duy trì thanh khoản cho các hoạt động sản xuất kinh doanh. Chi phí tài chính, đặc biệt chi phí chênh lệch tỷ giá tiếp tục là áp lực lớn đối với công ty. Các hoạt động sản xuất khác cũng chịu nhiều áp lực, mảng kinh doanh dịch vụ vận tải nội địa trong đầu năm đã phải đối mặt với những khó khăn do sản lượng dự kiến tiếp tục thấp hơn so với năm trước. Các mảng đại lý dịch vụ vận tải, trung chuyển hàng hóa khác bước đầu đã có một vài tín hiệu tích cực nhất định nhưng do áp lực cạnh tranh lớn nên biên độ lợi nhuận còn khá nhỏ.

➤ Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017:

Với dự kiến tình hình thị trường, nguồn hàng và năng lực đội tàu như trên, Công ty dự kiến kế hoạch năm 2017 như sau:

- Tổng trọng tải: 168.641 DWT/ 10 chiếc
- Sản lượng: 1.700.000 tấn
- Doanh thu: 528.000.000.000 đồng

Trong đó: + Doanh thu vận tải: 416.000.000.000 đồng

+ Doanh thu khác: 112.000.000.000 đồng

- Lợi nhuận trước thuế: Giảm lỗ tối đa
- Nộp ngân sách 100% theo quy định;

4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

➤ Kinh doanh, khai thác

Công ty tiếp tục tập trung vào việc ký kết các COA có khối lượng lớn, hợp đồng dài hạn, các dự án vận chuyển cho các nhà máy nhiệt điện, xi măng nhằm thiết lập chân hàng ổn định cho

đội tàu. Bên cạnh đó phải duy trì nguồn hàng truyền thống và khai thác khi có điều kiện. Mở rộng các hoạt động kinh doanh dịch vụ trong các lĩnh vực đại lý, môi giới, dịch vụ vận tải biển, dịch vụ kho bãi, forwarding theo hướng kết hợp các thế mạnh hiện có để tăng tính cạnh tranh.

Tăng cường công tác giải phóng tàu để rút ngắn thời gian xếp dỡ, thời gian quay vòng chuyển đi, giảm chi phí ngày tàu và nhằm tăng doanh thu, hiệu quả cho đội tàu.

➤ **Quản lý kỹ thuật, vật tư**

Công ty sẽ tăng cường công tác bảo quản bảo dưỡng để giảm thiểu các hư hỏng đột xuất đối với các tàu, đặc biệt là các tàu lớn, hoạt động trên tuyến xa và cho thuê định hạn.

Tiến hành rà soát lại định mức tiêu thụ nhiên liệu, vật tư đối với tất cả các tàu, kiểm soát chặt chẽ tốc độ chạy tàu nhằm tránh thất thoát về nhiên liệu.

➤ **Dịch vụ**

Dịch vụ là lĩnh vực hoạt động có hiệu quả trong năm 2016, tuy nhiên mức lợi nhuận chưa đạt mức kỳ vọng. Trong năm 2017, Công ty sẽ tập trung các biện pháp khai thác, quản lý để nâng cao hiệu quả dịch vụ forwarding, khai thác bãi container ...

➤ **Công tác nhân sự, thuyền viên**

Công ty tiếp tục chính sách xây dựng đội ngũ thuyền viên ổn định về số lượng, tốt về chất lượng nên sẽ có kế hoạch tuyển dụng, đào tạo và đào tạo lại phù hợp với thực tiễn sản xuất và yêu cầu của Bộ luật quản lý an toàn chất lượng và an ninh. Đồng thời, Công ty sẽ tập trung nâng cao hơn nữa tinh thần trách nhiệm, sự tuân thủ quy định của các Bộ Luật, Công ước và nội quy của Công ty để vận hành con tàu một cách an toàn và hiệu quả.

➤ **Công tác khác**

Nếu thị trường có chuyển biến tích cực, Công ty sẽ tính toán phương án bán một số tàu cũ khai thác không hiệu quả đồng thời tăng cường cho thuê định hạn một số tàu sẽ giảm áp lực về vốn và mức lỗ do các tàu cũ sẽ làm giảm mức phải trả lãi vay và tạo điều kiện cải thiện nguồn vốn.

PHẦN IV: BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2016

➤ **Tình hình kinh tế Việt Nam trong năm 2016**

Năm 2016, năm đầu cả nước thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 5 năm 2016-2020 được đánh giá là năm "đặc biệt". Đặc biệt khi kinh tế Việt Nam phải chịu những tác động từ các yếu tố kinh tế chính trị ở khu vực và thế giới như: kinh tế toàn cầu tăng trưởng chậm hơn so với dự báo; tăng trưởng thương mại đạt mức thấp; vấn đề Brexit; giá dầu thô

và nông sản giảm mạnh; cùng với hạn hán, thiên tai do tác động của biến đổi khí hậu. Tuy nhiên, về tổng thể kinh tế nước ta trong năm qua vẫn có những mặt tích cực như sau:

Các cân đối vĩ mô được bảo đảm, tăng trưởng GDP quý sau cao hơn quý trước:

Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2016 ước tính tăng 6,21% so với năm 2015, trong đó quý I tăng 5,48%; quý II tăng 5,78%; quý III tăng 6,56%; quý IV tăng 6,68%. Mức tăng trưởng năm nay tuy thấp hơn mức tăng 6,68% của năm 2015 và không đạt mục tiêu tăng trưởng 6,7% đề ra, nhưng trong bối cảnh kinh tế thế giới không thuận, giá cả và thương mại toàn cầu giảm, trong nước gặp nhiều khó khăn do thời tiết, môi trường biến đổi biến phức tạp thì đạt được mức tăng trưởng trên là một thành công.

Nông nghiệp đang phục hồi khá tích cực: Dù bị ảnh hưởng khá nặng nề do ô nhiễm môi trường biển, cũng như mưa, bão, ngập úng, khô, hạn và nhiễm mặn, làm giảm sút cả sản lượng đánh bắt, khai thác thủy sản, cũng như giảm diện và năng suất so với năm trước, nhưng sản xuất nông nghiệp đang có xu hướng hồi phục: Xuất khẩu rau quả tăng mạnh nhờ ứng dụng công nghệ cao và lần đầu vượt xuất khẩu gạo, góp phần đưa tổng kim ngạch xuất siêu nông nghiệp lên tới 7 - 8 tỷ USD. Nhiều kết quả nghiên cứu khoa học, giống mới, quy trình công nghệ, tiến bộ kỹ thuật mới được chuyển giao, ứng dụng vào sản xuất nông nghiệp đã góp phần giảm chi phí đầu tư, tăng lợi nhuận và mang lại hiệu quả kinh tế cao trong sản xuất nông nghiệp. Hiện, cả nước đã có trên 90% diện tích lúa, 80% diện tích ngô, 60% diện tích mía, 100% diện tích điều trồng mới được sử dụng giống mới..., đưa Việt Nam thuộc vào nhóm các nước xuất khẩu hàng đầu thế giới về tôm, cá tra, cà phê, hạt điều, hạt tiêu và gạo.

Công nghiệp và dịch vụ tăng trưởng khá và có cải thiện về cơ cấu: Tính chung 11 tháng, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 7,3% (cùng kỳ năm ngoái tăng 9,9%); trong đó, ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 11%; Tổng kim ngạch hàng hóa xuất khẩu ước đạt 159,5 tỷ USD, tăng 7,5% và kim ngạch hàng hóa nhập khẩu đạt 156,6 tỷ USD, tăng 3,5% so với cùng kỳ năm trước, khu vực đầu tư nước ngoài xuất siêu 21,245 tỷ USD kể cả đầu thô và xuất siêu 19,148 tỷ USD không kể đầu thô.

Thị trường tài chính ổn định, lạm phát thấp: CPI tháng 11 tăng 0,48% so với tháng trước, tăng 4,50% so với tháng 12-2015 và tăng 4,52% so với cùng kỳ năm trước. CPI bình quân 11 tháng tăng 2,47% so với bình quân cùng kỳ năm 2015. Lạm phát cơ bản tháng 11-2016 tăng 0,1% so với tháng trước và tăng 1,87% so với cùng kỳ năm trước. Lạm phát cơ bản bình quân 11 tháng tăng 1,82% so với bình quân cùng kỳ năm 2015. Nhìn chung, lạm phát ở mức thấp, dù có cao hơn năm trước do hội tụ các yếu tố tăng về giá xăng dầu, dịch vụ y tế (nhóm giá dịch vụ y tế, giáo dục đóng góp khoảng 3% trong tổng số 4% lạm phát 10 tháng đầu năm 2016).

➤ **Tình hình ngành vận tải biển**

Theo Cục Hàng hải Việt Nam, năm 2016, tổng sản lượng vận tải do đội tàu biển Việt Nam thực hiện ước tính đạt 123,8 triệu tấn, tăng 4% so với năm 2015. Tình hình kinh doanh của

các doanh nghiệp vận tải biển Việt Nam trong năm qua tiếp tục gặp nhiều khó khăn do dư thừa nguồn cung tàu, lượng hàng tăng trưởng thấp, giá cước giảm. Nhiều doanh nghiệp vận tải biển, trong đó có các doanh nghiệp lớn, tiếp tục thua lỗ.

Trong đó, thị phần vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu của đội tàu Việt Nam trong những năm vừa qua vẫn duy trì ở mức 10-12%. Thị trường xuất nhập khẩu của đội tàu biển Việt Nam chủ yếu là các nước Trung Đông, Đông Nam Á, Châu Á, một số ít tàu biển Việt Nam đã xuất đi các nước Đông Âu. Đối với vận tải xuất nhập khẩu hàng khô, đội tàu biển Việt Nam chiếm thị phần khoảng 12%. Hiện đã có tàu chạy thẳng sang thị trường Đông Âu, Trung Đông, Nam Mỹ nhưng với số lượng ít. Đối với vận tải xuất nhập khẩu dầu thô xuất khẩu, đội tàu của Việt Nam cũng chỉ đạt được thị phần khiêm tốn. Nguyên nhân là do đội tàu biển Việt Nam chưa đáp ứng được yêu cầu rất khắt khe về chất lượng, tiêu chuẩn an toàn, phòng chống ô nhiễm môi trường... của các công ty xuất nhập khẩu nước ngoài.

Về vận tải hàng hóa nội địa, đội tàu mang cờ quốc tịch Việt Nam đã cơ bản đảm nhận được gần 100% lượng hàng vận tải nội địa bằng đường biển, trừ một số tàu chuyên dụng như LPG, xi măng rời... Riêng đối với tàu container, hiện nay số lượng tàu container Việt Nam vận tải nội địa đã tăng lên 39 tàu. Sản lượng hàng hóa thông qua cảng biển bằng phương tiện VR-SB trong năm 2016 ước đạt 12,9 triệu tấn với khoảng gần 12.000 lượt tàu. Đây là giải pháp tái cơ cấu các phương thức vận tải hiệu quả, góp phần giảm tải cho đường bộ.

Về cơ cấu đội tàu biển theo số liệu tại Sổ đăng ký tàu biển quốc gia, tính đến ngày 30/11/2016, Việt Nam có tổng số 1.666 tàu biển mang cờ quốc tịch Việt Nam đang hoạt động. Trong đó, tàu vận tải biển là 1.267 với tổng dung tích gần 4,6 triệu GT, tổng trọng tải khoảng 7,5 triệu DWT. Tuy nhiên, cơ cấu đội tàu Việt Nam còn chưa hợp lý, đặc biệt là tỷ trọng tàu container trong tổng trọng tải đội tàu thấp với 33 tàu container tương ứng với năng lực chở khoảng 20.000 TEU. Số chủ tàu nhiều (trên 600) nhưng năng lực tài chính, trình độ quản lý còn hạn chế.

Theo ông Đỗ Xuân Quỳnh - Tổng thư ký Hiệp hội Chủ tàu Việt Nam, hiện nay các chủ tàu Việt Nam đang phải đối mặt với thách thức nhu cầu vận chuyển hàng hóa tuyến quốc tế giảm – đội tàu biển quốc tế dư thừa nhiều. Các chủ tàu đều rất khó khăn trong việc tìm hàng vận chuyển. Một thách thức không nhỏ nữa mà các chủ tàu Việt Nam đang phải đối mặt đó là hàng loạt các công ước quốc tế về hàng hải đã và sẽ có hiệu lực trong tương lai gần như các Phụ lục 3/4/5/6 Công ước MARPOL 73/78; Công ước kiểm soát hệ thống sơn chống hà độc hại 2001 (AFS 2001); Công ước kiểm soát và quản lý nước dẫn và cặn nước dẫn ballast của tàu năm 2004 (BWM 2004); Công ước Lao động hàng hải 2006 (MLC 2006)... Điều này đòi

hỏi các chủ tàu phải tăng cường duy tu bảo dưỡng tàu, đầu tư trang thiết bị bổ sung nhằm đáp ứng các yêu cầu của các công ước.

➤ **Đánh giá hoạt động của Công ty trong năm 2016**

Trước tình hình kinh tế thế giới và trong nước diễn biến hết sức phức tạp, nguồn hàng hóa chuyên chở trở nên khan hiếm, giá cước liên tục sụt giảm, giá nguyên nhiên liệu không ổn định cùng với sự cạnh tranh của rất nhiều các công ty vận tải biển khác trong nước, trong khu vực và trên thế giới, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2016 vừa qua gặp rất nhiều khó khăn.

Trước tình hình đó, Hội đồng quản trị Công ty đã tập trung chỉ đạo quyết liệt và nỗ lực phấn đấu để đảm bảo nguồn hàng cho đội tàu, tiết giảm chi phí tối đa để giảm lỗ tới mức thấp nhất và giữ doanh nghiệp ổn định:

- Tổng doanh thu: 532.185.914.046 đồng
- Lợi nhuận trước thuế: (98.612.399.459) đồng
- Nộp ngân sách 100% theo quy định Nhà nước
- Bảo đảm được mức lương của CBCNV và thuyền viên theo mặt bằng chung của ngành.

Bảng 8 : Giá trị sổ sách tại ngày 31/12/2016

| Tài sản (đồng) | | | Nguồn vốn (đồng) | | |
|-----------------------|-------------------|-------------------|-------------------------|-------------------|-------------------|
| Chỉ tiêu | 31/12/2016 | 01/01/2016 | Chỉ tiêu | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
| Tài sản ngắn hạn | 151.480.646.315 | 173.239.077.031 | Nợ phải trả | 870.779.879.554 | 879.868.585.185 |
| Tài sản dài hạn | 796.755.433.166 | 882.698.107.540 | Vốn CSH | 77.456.199.927 | 176.068.599.386 |
| Tổng cộng | 948.236.079.481 | 1.055.937.184.571 | Tổng cộng | 948.236.079.481 | 1.055.937.184.571 |

2. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC NĂM 2016

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và những quy chế, quy định đã ban hành, Hội đồng quản trị giao quyền cho Ban Tổng giám đốc quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh đồng thời thiết lập cơ chế kiểm tra, giám sát Ban giám đốc thông qua hệ thống các báo cáo tổng hợp, chi tiết và các kỳ họp Hội đồng quản trị đột xuất. Kết thúc năm 2016, Hội đồng quản trị đánh giá Ban giám đốc về cơ bản đã thực hiện với nỗ lực

và quyết tâm cao các Nghị quyết và quyết định do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra. Ban giám đốc đã nhận thức rõ những thuận lợi và khó khăn của Công ty cũng như diễn biến thị trường để triển khai hoạt động SXKD phù hợp với đơn vị. Mặc dù vậy, công tác điều hành trong năm 2016 vẫn còn những hạn chế nhất định như công tác bảo quản, bảo dưỡng tàu chưa thực sự tốt, ý thức kỷ luật và tính chuyên nghiệp của thuyền viên chưa cao, chưa chủ động nguồn hàng cho đội tàu trong một số giai đoạn, vẫn còn tình trạng thiếu hụt hàng hóa vận tải, thất thoát vật tư nhiên liệu ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả SXKD.

3. CÁC KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT NĂM 2017

➤ Triển vọng và kế hoạch trong thời gian tới

Thế giới sắp bước sang năm 2017 trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu đang có những dấu hiệu phục hồi khả quan sau khi trải qua giai đoạn khó khăn, trời sạt hồi đầu năm 2016. Tuy nhiên, GDP toàn cầu dự kiến sẽ chỉ đạt mức tăng 2,6% trong năm 2016, thấp hơn so với các dự báo từ đầu năm.

Các nền kinh tế lớn đã dần lấy lại được đà tăng trưởng mà đáng kể nhất là kinh tế Mỹ đạt tốc độ tăng GDP lên tới 3,2% trong quý III/2016 và thị trường tiếp tục có những phản ứng tích cực sau khi ông Donald Trump đắc cử Tổng thống. Nền kinh tế lớn thứ 2 thế giới là Trung Quốc vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng cao ổn định dự kiến ở mức 6,5%. Liên minh châu Âu (EU) mặc dù phải chung sức giải quyết cuộc khủng hoảng nợ công Hy Lạp, làn sóng di cư từ Trung Đông, châu Phi và chịu tác động của sự kiện Anh quyết định rút khỏi EU (Brexit), nhưng vẫn giảm được tỷ lệ thất nghiệp, tăng lượng hàng hóa xuất khẩu và duy trì tỷ lệ lạm phát thấp, dự báo tăng trưởng của khối sẽ đạt trên 1,5% trong năm 2016. Trong số các nền kinh tế mới nổi, Ấn Độ tiếp tục duy trì đà tăng trưởng nhanh nhất thế giới ở mức 7,6%, qua đó vượt Anh trở thành nền kinh tế lớn thứ 6 thế giới.

Đan xen trong bức tranh kinh tế thế giới đang khởi sắc, một số nền kinh tế lớn khác như Nhật, Nga, Brazil vẫn chưa thoát khỏi bờ vực suy thoái do nhiều khó khăn bủa vây. Nhật Bản chưa thể giải quyết được bài toán về lực lượng lao động ngày càng sút giảm và gánh nặng tỷ lệ dân số già. Kinh tế Nga tiếp tục bị ảnh hưởng nặng nề do các lệnh cấm vận của phương Tây và giá dầu giảm. Những biến động chính trị tại Brazil là một trong những nguyên nhân khiến nền kinh tế của quốc gia thuộc khối BRICS này chưa thể cất cánh.

Giá dầu rẻ cũng là một trong những yếu tố được quan tâm năm tới. Giá thấp khiến các nước xuất khẩu bị ảnh hưởng, như Nga hay các thành viên Tổ chức Các nước Xuất khẩu Dầu mỏ (OPEC). Tuy nhiên, nó lại giúp các nước nhập khẩu đang phát triển ở Mỹ Latin, châu Phi, châu Á. Dầu rẻ cũng giúp giảm chi phí nhiên liệu tại nhiều quốc gia.

Tác động đến Việt Nam

Về tổng thể, năm 2017, bức tranh kinh tế Việt Nam sẽ tiếp tục các động lực tăng trưởng đã tích lũy từ năm trước và có thể nhận thêm nhiều xung lực mới và cơ hội mới, với nhiều kỳ vọng sẽ ngày càng khởi sắc hơn cùng với năng lực đổi mới công nghệ, đà tăng giá dầu thô, độ ấm trong quan hệ kinh tế Mỹ-Nga-EU, trong khi giá vàng, giá bất động sản khó có bút phá và lạm phát có thể gia tăng áp lực.

Năm 2017, theo các chuyên gia kinh tế, Chính phủ và cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam cần chủ động có nhiều kịch bản đối phó kịp thời với những diễn biến khó lường của thị trường và thiên tai, biến đổi khí hậu, tình hình khu vực tiếp tục diễn biến phức tạp; dư địa chính sách hạn hẹp (nhất là trong bối cảnh nợ công tăng nhanh), nguồn lực tài chính quốc gia hạn chế và yêu cầu đẩy nhanh tái cơ cấu trên nhiều lĩnh vực. Hệ thống tài chính vẫn phụ thuộc nhiều vào khu vực ngân hàng, khả năng giảm lãi suất cho vay bị hạn chế bởi vấn đề nợ xấu và lạm phát, sở hữu chéo.

Năm 2017, giá hàng tiêu dùng nhập khẩu sẽ giảm cùng với mức độ giảm thuế nhập khẩu, gia tăng hàng rào kỹ thuật và áp lực cạnh tranh thị trường. Giá vàng và tỉ giá ngoại tệ trong nước tiếp tục tăng áp lực, biến động theo thị trường thế giới.

➤ Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017

- Tiếp tục nâng cao chất lượng trong công tác quản lý giám sát;
- Triển khai có hiệu quả Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016;
- Chỉ đạo Ban điều hành thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, tổ chức thực hiện kế hoạch năm 2017 đạt hiệu quả;
- Năm bắt kịp thời tình hình phát triển kinh tế trong nước và quốc tế, những chính sách vĩ mô của Nhà nước và Chính phủ để điều chỉnh, bổ sung kịp thời cho công tác quản lý điều hành, hạn chế những rủi ro cho Công ty;
- Quan tâm bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho cổ đông, quyền lợi và thu nhập của người lao động trong Công ty;
- Tổ chức các phiên họp định kỳ để phân tích các báo cáo, giải quyết kiến nghị của Ban giám đốc, thảo luận thông qua các phương án, dự án và các chính sách trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Tổ chức các phiên họp bất thường để giải quyết các công việc phát sinh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

- Thảo luận các phương án, kế hoạch, chiến lược phát triển trong thời gian tới của Công ty;
- Nghiên cứu phương án đổi mới quản trị để nâng cao chất lượng và hiệu quả điều hành nhằm đạt được kết quả kinh doanh cao nhất.

PHẦN V: QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là bảy (07) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất một phần ba tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Số lượng tối thiểu thành viên Hội đồng quản trị không điều hành/độc lập được xác định theo phương thức làm tròn xuống.

- Trong năm 2016, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức 09 phiên họp để triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, xem xét và đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, triển khai các dự án đầu tư ...

- Thành phần Hội đồng quản trị

| Chức vụ | Tên | Tuổi/Năm sinh | CMND | Ghi chú |
|----------------|------------------|----------------------|-------------|----------------|
| Chủ tịch | Mai Xuân Ngoạt | 30/12/1957 | 030767200 | |
| Phó Chủ tịch | Vương Ngọc Sơn | 23/7/1961 | 031288529 | |
| Ủy viên | Đỗ Hùng Dương | 14/10/1968 | 013380903 | |
| Ủy viên | Nguyễn Quang Duy | 05/6/1963 | 030633647 | |
| Ủy viên | Phạm Văn Toàn | 20/6/1961 | 030640587 | |
| Ủy viên | Dương Ngọc Tú | 20/10/1976 | 031065889 | |

▪ Tóm tắt lý lịch Hội đồng quản trị

1) Ông Mai Xuân Ngoạt

Chức vụ hiện tại:

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Giới tính:

Nam

Ngày sinh: 30/12/1957
 Nơi sinh: Thanh Hóa
 Chứng minh nhân dân: 030767200 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp
 Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: 35, Nguyễn Trãi, Ngô Quyền, Hải Phòng
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển
 Quá trình công tác:

| <i>Thời gian</i> | <i>Nơi làm việc</i> | <i>Chức vụ</i> |
|-------------------|---|--|
| 1/1985 – 7/1994 | Công ty Vận tải biển III | Cán bộ Phòng kinh doanh |
| 8/1994 – 11/1996 | Công ty Vận tải biển III – Chi nhánh Quảng Ninh | Phó Giám đốc Chi nhánh |
| 12/1996 – 10/1998 | Công ty Vận tải biển III – Xí nghiệp Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách | Phó Giám đốc Xí nghiệp |
| 11/1998 – 5/2001 | Công ty Vận tải biển III | Trưởng Ban quản lý cải tạo nâng cấp mặt bằng khu nhà ga hành khách tàu biển Chũ Vẽ |
| 5/2001 – 6/2002 | Công ty Vận tải biển III – Xí nghiệp Dịch vụ vận tải | Giám đốc Xí nghiệp |
| 6/2002 – 6/2004 | Công ty Vận tải biển III | Phó trưởng phòng phụ trách Phòng Kinh doanh |
| 6/2004 – 7/2006 | Công ty Vận tải biển III | Trưởng phòng Kinh doanh |
| 2007 – 3/2015 | Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship | Phó Tổng Giám đốc, Ủy viên HĐQT, Giám đốc Xí nghiệp Xếp dỡ vận tải và dịch vụ |

| <i>Thời gian</i> | <i>Nơi làm việc</i> | <i>Chức vụ</i> |
|------------------|---------------------------------------|----------------------------|
| 3/2015 - nay | Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship | Chủ tịch hội đồng quản trị |

Các chức vụ tại tổ chức khác: Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải
Số cổ phần sở hữu cá nhân : 208.100 cổ phần
Số cổ phần sở hữu Nhà nước: 3.000.000 cổ phần (15% vốn điều lệ)

Những người có liên quan:

| STT | Họ và tên người có liên quan | Mối quan hệ | Số cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ (%) |
|-----|------------------------------|-------------|--------------------|-----------|
| 1 | Mai Quốc Huy | Con | 5.000 | 0,025 |
| 2 | Mai Thị Nga | Em gái | 10.000 | 0,05 |

Những khoản nợ đối với Công ty: Không
Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

2) Ông Vương Ngọc Sơn: (Như đã trình bày ở trên)

3) Ông Đỗ Hùng Dương:

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT
Giới tính: Nam
Ngày sinh: 14/10/1968
Nơi sinh: Hải Dương
Chứng minh nhân dân: 013380903
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: P.604 Nhà A1 , ngõ 229 Phố Vọng, Đồng Tâm, Hai Bà Trưng, Hà Nội
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điều khiển tàu biển, thuyền trưởng
Quá trình công tác:

| <i>Thời gian</i> | <i>Nơi làm việc</i> | <i>Chức vụ</i> |
|------------------|---|----------------|
| 9/1986- 12/1992 | Học ĐH tại trường ĐH Hàng Hải – Hải Phòng | |

| <i>Thời gian</i> | <i>Nơi làm việc</i> | <i>Chức vụ</i> |
|--------------------------|---|----------------|
| 2/1993-12/1996 | Trường CĐ Hàng Hải 1 | Giảng viên |
| 1/1997-5/2006 | Công ty Vận tải biển Việt Nam (VOSCO) | Thuyền viên |
| 5/2006-16/8/2007 | P. an toàn Hàng Hải – Cty VTB Vinalines | Chuyên viên |
| 17/8/2007-31/5/2008 | Phòng thuyền viên – Cty VTB Vinalines | Phó phòng |
| 01/6/2008 – 27/5/2013 | Phòng thuyền viên – Cty VTB Vinalines | Trưởng phòng |
| 28/5/2013- 19/10/2014 | Công ty VTB Vinalines | Phó Giám đốc |
| 20/10/2014-nay | Ban QLTV &TB , Tcty HHVN | Trưởng ban |
| 5/2015 - nay | Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship | Ủy viên HĐQT |

Các chức vụ tại tổ chức khác: Trưởng ban QLTV&TB Tổng công ty Hàng hải Việt Nam
Số cổ phần sở hữu cá nhân : 0 cổ phần
Số cổ phần sở hữu Nhà nước: 2.600.000 cổ phần (13% vốn điều lệ)
Những người có liên quan: Không
Những khoản nợ đối với Công ty: Không
Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

4) Ông Nguyễn Quang Duy: (Như đã trình bày ở trên)

5) Ông Phạm Văn Toàn

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT, trưởng phòng TCCB-LĐ
Giới tính: Nam
Ngày sinh: 20/6/1961
Nơi sinh: Hải Phòng
Chứng minh nhân dân: 030640587 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: Số 5/2 Lương Văn Can, Ngô Quyền, Hải Phòng
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư lái tàu biển
Quá trình công tác:

| <i>Thời gian</i> | <i>Nơi làm việc</i> | <i>Chức vụ</i> |
|------------------|---------------------------------------|--------------------------------------|
| 3/1986 – 8/1987 | Công ty vận tải biển III | Thủy thủ tàu biển |
| 1988 - 1997 | Công ty vận tải biển III | Sỹ quan boong |
| 1997 – 3/2010 | Công ty vận tải biển III | Thuyền trưởng |
| 3/2010 – 2012 | Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship | Trưởng phòng TCCB – LĐ |
| 2012 - nay | Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship | Ủy viên HĐQT, Trưởng phòng TCCB – LĐ |

| | |
|----------------------------------|----------------|
| Các chức vụ tại tổ chức khác: | Không |
| Số cổ phần sở hữu cá nhân : | 35.000 cổ phần |
| Số cổ phần đại diện: | 0 cổ phần |
| Những người có liên quan: | Không |
| Những khoản nợ đối với Công ty: | Không |
| Hành vi vi phạm pháp luật: | Không |
| Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: | Không |

6) Ông Dương Ngọc Tú: (Như đã trình bày ở trên)

➤ **Hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2016**

Năm 2016 là năm đầy khó khăn và thách thức đối với Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship, trước những diễn biến không thuận lợi của tình hình kinh tế trong và ngoài nước, với mục tiêu chiến lược đã được xác định, với vai trò hết sức quan trọng là đại diện cho cổ đông VINASHIP, Hội đồng quản trị Công ty đã cố gắng nỗ lực vượt lên những khó khăn, thách thức với một quyết tâm cao độ nhằm giữ ổn định và phát triển được doanh nghiệp.

Triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2016, Hội đồng quản trị VINASHIP đã tổ chức nghiêm túc họp định kỳ đánh giá tình hình theo Quý và Ban hành các Nghị quyết cụ thể để định hướng Ban điều hành triển khai quyết liệt mọi mặt hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể như sau:

- Bám sát các chỉ tiêu Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 thông qua, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng quản trị để theo dõi chặt chẽ các hoạt động của Công ty, vạch ra phương án, kế hoạch và giao cho Ban điều hành thực hiện triển khai

- Trong năm 2016 đã tổ chức tổng cộng 09 phiên họp định kỳ và bất thường để xem xét và giải quyết các công việc chính như sau:
 - Tổng kết và đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2015.
 - Xây dựng chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, lập kế hoạch năm 2017, nghiên cứu sửa đổi Điều lệ trình Đại hội đồng cổ đông thường niên.
 - Sơ kết kết quả sản xuất kinh doanh các quý trong năm 2016.
 - Thực hiện công tác nhân sự, xét miễn nhiệm, bổ nhiệm cán bộ quản lý Công ty.
 - Giám sát và phê chuẩn các hợp đồng tín dụng, phương án cơ cấu tài chính Công ty.
 - Xây dựng và giao đơn giá tiền lương năm 2016.
 - Xây dựng các phương án mở rộng thị trường vận tải và thúc đẩy các hoạt động sản xuất dịch vụ. Theo dõi biến động thị trường để chỉ đạo Ban giám đốc điều hành khai thác tàu phù hợp.
 - Chỉ đạo và giám sát Ban giám đốc thực hiện các biện pháp cắt giảm chi phí, giám sát đơn giá sửa chữa đội tàu, bố trí sửa chữa đội tàu một cách hợp lý, khoa học để khai thác tối đa ngày vận doanh của tàu.
 - Chỉ đạo Ban giám đốc xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ nhân lực.
 - Chỉ đạo Ban giám đốc thực hiện đúng các biện pháp phòng ngừa rủi ro, an toàn an ninh theo quy trình Bộ luật quản lý an toàn, an ninh (ISM & ISPS Code).
 - Lựa chọn và hợp đồng thuê Công ty TNHH dịch vụ tư vấn tài chính và kiểm toán (AASC) thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016.

Trong tất cả các phiên họp đều có sự tham dự của các thành viên Ban kiểm soát. Các quyết định về chủ trương, chiến lược, giải pháp kinh doanh thông qua tại các phiên họp hoặc qua thư tín đều nhận được sự nhất trí của các thành viên tham dự cuộc họp. Các nghị quyết thông qua đều được Hội đồng quản trị ủy nhiệm cho Ban điều hành thực hiện và báo cáo Hội đồng quản trị.

➤ **Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban giám đốc**

Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban giám đốc tổng hợp báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hàng tháng và hàng quý; tổ chức các phiên họp định kỳ (hàng quý) để tổng hợp kết quả sản xuất kinh doanh, phân tích thị trường và lập kế hoạch cho quý tiếp theo và tổ chức các phiên

hợp bất thường để giải quyết các vấn đề phát sinh; theo dõi và chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện các biện pháp cắt giảm chi phí.

Về cơ bản các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đã được Ban giám đốc triển khai với nỗ lực và quyết tâm cao.

2. BAN KIỂM SOÁT

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 03 thành viên, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát họp thường kỳ mỗi quý để xem xét và đánh giá kết quả hoạt động của Công ty.

- Thành viên Ban Kiểm soát

| Chức vụ | Tên | Tuổi/Năm sinh | CMND |
|------------|------------------|---------------|-----------|
| Trưởng ban | Tô Hanh | 5/12/1954 | 030878030 |
| Thành viên | Đình Huy Dũng | 16/9/1960 | 031510165 |
| Thành viên | Trần Thị Kim Lan | 22/10/1962 | 030168425 |

- Tóm tắt lý lịch thành viên Ban Kiểm soát

1) Ông Tô Hanh

Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban Kiểm soát,
 Giới tính: Nam
 Ngày sinh: 05/12/1954
 Nơi sinh: Vĩnh Phúc
 Chứng minh nhân dân: 030878030 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp
 Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: Số 10/44, Lê Lai, Ngô Quyền, Hải Phòng
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển
 Quá trình công tác:

| Thời gian | Nơi làm việc | Chức vụ |
|------------------|---------------------------------------|------------------|
| 4/1979 – 1/1986 | Công ty Vận tải đường sông 204 Hà Nội | Cán bộ điều động |
| 2/1986 – 10/1989 | Tổng Cục đường biển | Cán bộ đối ngoại |

| <i>Thời gian</i> | <i>Nơi làm việc</i> | <i>Chức vụ</i> |
|------------------|---------------------------------------|--|
| 11/1989 – 6/1994 | Công ty Vận tải biển III | Quản trị |
| 7/1994 – 1/2001 | Công ty Vận tải biển III | Cán bộ Phòng Kinh doanh |
| 1/2001 – 12/2006 | Công ty Vận tải biển III | Phó phòng Kinh doanh |
| 1/2007 – nay | Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship | Trưởng ban kiểm soát, Phó phòng Kinh doanh |

Các chức vụ tại tổ chức khác: Không
 Số cổ phần sở hữu cá nhân : 13.300 cổ phần
 Số cổ phần đại diện: 0 cổ phần

Những người có liên quan:

| STT | Họ và tên người có liên quan | Mối quan hệ | Số cổ phần nắm giữ | Tỷ lệ (%) |
|-----|------------------------------|-------------|--------------------|-----------|
| 1 | Vũ Thị Trúc | Vợ | 10.000 | 0,05 |

Những khoản nợ đối với Công ty: Không
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không
 Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

2) Ông Đinh Huy Dũng

Chức vụ hiện tại: Ủy viên Ban Kiểm soát, Phó phòng Tổ chức cán bộ - Lao động

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 16/9/1960

Nơi sinh: Hải Dương

Chứng minh nhân dân: 031510165 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Số 4/14/87, Nguyễn Công Trứ, Lê Chân, Hải Phòng

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải biển

Quá trình công tác:

| <i>Thời gian</i> | <i>Nơi làm việc</i> | <i>Chức vụ</i> |
|------------------|--------------------------|----------------|
| 6/1989 – 01/2001 | Công ty Vận tải biển III | Cán bộ |

| <i>Thời gian</i> | <i>Nơi làm việc</i> | <i>Chức vụ</i> |
|-------------------|---------------------------------------|-------------------------------------|
| 02/2001 – 12/2006 | Công ty Vận tải biển III | Phó phòng Tổ chức cán bộ - Lao động |
| 01/2007 – nay | Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship | Phó phòng Tổ chức cán bộ - Lao động |

Các chức vụ tại tổ chức khác: Không
Số cổ phần sở hữu cá nhân : 11.400 cổ phần
Số cổ phần đại diện: 0 cổ phần
Những người có liên quan: Không
Những khoản nợ đối với Công ty: Không
Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

3) Bà Trần Thị Kim Lan

Chức vụ hiện tại: Ủy viên Ban Kiểm soát
Giới tính: Nữ
Ngày sinh: 22/01/1962
Nơi sinh: Hải Phòng
Chứng minh nhân dân: 030168425 do Công an Thành phố Hải Phòng cấp
Dân tộc: Kinh
Địa chỉ thường trú: Số 1, Khu tập thể Cảng 2, Lê Lợi, phường Máy Tơ, Hải Phòng
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải sông
Quá trình công tác:

| <i>Thời gian</i> | <i>Nơi làm việc</i> | <i>Chức vụ</i> |
|------------------|---|--------------------------------------|
| 1985 – 1997 | Công ty Vận tải biển III | Cán bộ thương vụ Phòng Kinh doanh |
| 4/1997 – 5/2001 | Công ty Vận tải biển III | Phó phòng Tài chính Kế toán |
| 5/2001 – nay | Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại | Trưởng phòng Kế toán |
| 2007 – nay | Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship | Ủy viên Ban kiểm soát |

| <i>Thời gian</i> | <i>Nơi làm việc</i> | <i>Chức vụ</i> |
|------------------|------------------------------------|----------------|
| 5/2008 – nay | Công ty cổ phần Dịch vụ và Vận tải | Ủy viên HĐQT |

Các chức vụ tại tổ chức khác: Ủy viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty cổ phần Dịch vụ Vận tải và Thương mại

Số cổ phần sở hữu cá nhân : 10.000 cổ phần

Số cổ phần đại diện: 0 cổ phần

Những người có liên quan: Không

Những khoản nợ đối với Công ty: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

➤ **Hoạt động của Ban kiểm soát Công ty**

▪ Trong năm 2016, Ban kiểm soát đã định kỳ thực hiện công tác kiểm tra theo chức năng, nhiệm vụ được quy định trong điều lệ, tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, tham gia đóng góp ý kiến xây dựng đề Hội đồng quản trị và Ban điều hành có thêm ý kiến về các kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh và những khó khăn thuận lợi trong sản xuất.

▪ Ban kiểm soát đã có kế hoạch và lịch làm việc báo cáo Hội đồng quản trị phê duyệt và đã thực hiện 2 kỳ kiểm tra báo cáo tài chính của công ty. Mỗi lần kiểm tra, Ban kiểm soát đều lập biên bản xác nhận kết quả kiểm tra, các nhận xét đánh giá, các kiến nghị và lập báo cáo gửi Hội đồng quản trị và Ban điều hành. Qua các kỳ kiểm tra Ban kiểm soát đã thống nhất các số liệu trong báo cáo tài chính, đồng thời thường xuyên kiểm tra và nhắc nhở việc tuân thủ các quy định của Nhà nước, quy chế và quy định của công ty, kiểm tra chặt chẽ các hồ sơ chứng từ trong hạch toán kế toán.

▪ Ban kiểm soát luôn tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế quản trị Công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và người quản lý khác trong hệ thống quản lý điều hành Công ty.

3. CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY NĂM 2016

a) Lương thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 ngày 28/4/2016 và Biên bản họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty, năm 2016 Công ty đã thực hiện chi trả tiền

lương, thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là: 204.000.000 đồng (*Hai trăm linh bốn triệu đồng chẵn*), trong đó :

- Tổng tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị là : 156.000.000 đ
- Tổng tiền lương, thù lao của Ban kiểm soát là : 48.000.000 đ
- Trích quỹ HĐQT năm 2015 là : 0

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ (tính đến ngày 31/12/2016)

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Năm 2015 | | Năm 2016 | |
|--------------------------|------------------|------------|----------|----------|----------|----------|
| | | | Số cp | Tỷ trọng | Số cp | Tỷ trọng |
| Hội đồng quản trị | | | | | | |
| 1 | Mai Xuân Ngoạt | Chủ tịch | 78.100 | 0,39% | 208.100 | 1,04% |
| 2 | Vương Ngọc Sơn | P.Chủ tịch | 21.900 | 0,11% | 77.390 | 0,38% |
| 3 | Đỗ Hùng Dương | Ủy viên | | | | |
| 4 | Nguyễn Quang Duy | Ủy viên | 5.600 | 0,03% | 5.600 | 0,03% |
| 5 | Phạm Văn Toàn | Ủy viên | 35.000 | 0,18% | 35.000 | 0,18% |
| 6 | Dương Ngọc Tú | Ủy viên | 82.000 | 0,41% | 82.000 | 0,41% |
| Ban giám đốc | | | | | | |
| 1 | Vương Ngọc Sơn | Tổng GD | 77.390 | 0,38% | 77.390 | 0,38% |
| 2 | Nguyễn Quang Duy | P.Tổng GD | 5.600 | 0,03% | 5.600 | 0,03% |
| 3 | Dương Ngọc Tú | P.Tổng GD | 82.000 | 0,41% | 82.000 | 0,41% |
| 4 | Trần Dũng Chiến | P.Tổng GD | 13.300 | 0,07% | 13.300 | 0,07% |
| Ban Kiểm soát | | | | | | |
| 1 | Tô Hanh | Trưởng ban | 13.300 | 0,07% | 13.300 | 0,07% |
| 2 | Đình Huy Dũng | Ủy viên | 11.400 | 0,06% | 11.400 | 0,06% |
| 3 | Trần Thị Kim Lan | Ủy viên | 8.970 | 0,045% | 8.970 | 0,045% |

PHẦN VI: BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC
Địa chỉ: Số 01 Lê Phụng Hiểu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: +84-4 38241990/1
Fax: +84-4 38253973
Website: www.aasc.com.vn
- Ý kiến kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không. Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính và tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán sau đây:

" Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Vận tải biển Vinaship tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực chế độ kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Không nhằm phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc Báo cáo tài chính về vấn đề sau: Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã lập Báo cáo tài chính dựa trên giả định hoạt động liên tục như đã được trình bày tại Thuyết minh số 1—"Đặc điểm hoạt



động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính” trong phần Thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo. Vấn đề này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần của chúng tôi. »

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán (AASC)

2. Kiểm toán nội bộ: không có

3. Báo cáo tài chính (*kèm theo*)

**CÔNG TY CP VẬN TẢI BIỂN VINASHIP
TỔNG GIÁM ĐỐC**

Nơi nhận:

- UBCKNN
- SGDCK tp.HCM
- Lưu ĐTDN

VƯƠNG NGỌC SƠN



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng

NỘI DUNG

| | Trang |
|--------------------------------------|--------------|
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 02-03 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 04-05 |
| Báo cáo tài chính đã được kiểm toán | 06-39 |
| Bảng cân đối kế toán | 06-07 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 08 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 09-10 |
| Thuyết minh Báo cáo tài chính | 11-39 |



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship trước đây là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203002740 (mã số doanh nghiệp là 0200119965) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 23 tháng 10 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

| | |
|----------------------|--------------|
| Ông Mai Xuân Ngọt | Chủ tịch |
| Ông Vương Ngọc Sơn | Phó Chủ tịch |
| Ông Phạm Văn Toàn | Ủy viên |
| Ông Dương Ngọc Tú | Ủy viên |
| Ông Nguyễn Quang Duy | Ủy viên |
| Ông Đỗ Hùng Dương | Ủy viên |

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

| | |
|----------------------|-------------------|
| Ông Vương Ngọc Sơn | Tổng Giám đốc |
| Ông Trần Dũng Chiến | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Dương Ngọc Tú | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Quang Duy | Phó Tổng Giám đốc |

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

| | |
|---------------------|------------|
| Ông Tô Hanh | Trưởng ban |
| Ông Đinh Huy Dũng | Thành viên |
| Bà Trần Thị Kim Lan | Thành viên |

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

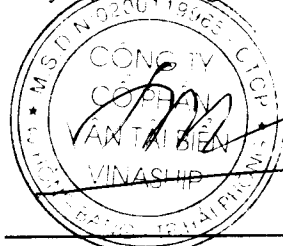
Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Vương Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 19 tháng 01 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship được lập ngày 19 tháng 01 năm 2017, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Không nhằm phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính về vấn đề sau: Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã lập Báo cáo tài chính dựa trên giả định hoạt động liên tục như đã được trình bày tại Thuyết minh số 1 - "Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính" trong phần Thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo. Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

Vũ Xuân Biễn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

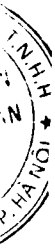
Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2017

Trương Thị Hoài Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2446-2013-002-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

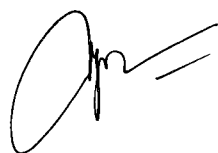
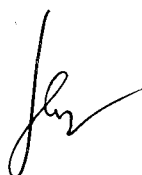
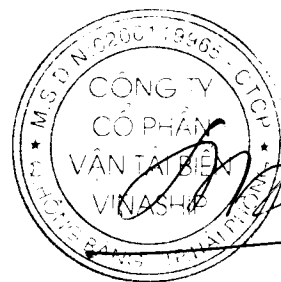
| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|------------|---|-------------|------------------------|--------------------------|
| | | | VND | VND |
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 151.480.646.315 | 173.239.077.031 |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 3 | 13.880.027.622 | 42.374.661.125 |
| 111 | 1. Tiền | | 13.880.027.622 | 29.374.661.125 |
| 112 | 2. Các khoản tương đương tiền | | - | 13.000.000.000 |
| 120 | II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 4 | 30.600.585.202 | 15.000.000.000 |
| 123 | 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | | 30.600.585.202 | 15.000.000.000 |
| 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 60.137.677.805 | 65.686.124.009 |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 5 | 39.199.550.582 | 41.282.469.747 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 6 | 3.018.973.184 | 175.000.000 |
| 136 | 3. Phải thu ngắn hạn khác | 7 | 19.299.853.414 | 24.228.654.262 |
| 137 | 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | | (1.380.699.375) | - |
| 140 | IV. Hàng tồn kho | 9 | 32.511.308.079 | 33.222.881.870 |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | | 32.511.308.079 | 33.222.881.870 |
| 150 | V. Tài sản ngắn hạn khác | | 14.351.047.607 | 16.955.410.027 |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 14 | 2.895.455.780 | 7.053.530.123 |
| 152 | 2. Thuế GTGT được khấu trừ | | 3.080.645.228 | 1.526.933.305 |
| 153 | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 17 | 8.374.946.599 | 8.374.946.599 |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 796.755.433.166 | 882.698.107.540 |
| 220 | II. Tài sản cố định | | 781.361.525.851 | 877.764.136.840 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | 11 | 781.361.525.851 | 877.764.136.840 |
| 222 | - Nguyên giá | | 1.667.808.385.433 | 1.668.555.738.593 |
| 223 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (886.446.859.582) | (790.791.601.753) |
| 227 | 2. Tài sản cố định vô hình | 12 | - | - |
| 228 | - Nguyên giá | | 238.654.500 | 238.654.500 |
| 229 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (238.654.500) | (238.654.500) |
| 230 | III. Bất động sản đầu tư | 13 | - | - |
| 231 | - Nguyên giá | | 5.785.803.477 | 5.785.803.477 |
| 232 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (5.785.803.477) | (5.785.803.477) |
| 240 | IV. Tài sản dở dang dài hạn | | 91.957.200 | 91.957.200 |
| 242 | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 10 | 91.957.200 | 91.957.200 |
| 250 | V. Đầu tư tài chính dài hạn | 4 | 4.286.982.250 | 4.404.613.500 |
| 253 | 1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | 5.998.468.525 | 5.998.468.525 |
| 254 | 2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | | (1.711.486.275) | (1.593.855.025) |
| 260 | VI. Tài sản dài hạn khác | | 11.014.967.865 | 437.400.000 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | 14 | 11.014.967.865 | 437.400.000 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 948.236.079.481 | 1.055.937.184.571 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁNTại ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|------------|---|-------------|------------------------|--------------------------|
| | | | VND | VND |
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 870.779.879.554 | 879.868.585.185 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 376.228.741.824 | 321.137.981.485 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 15 | 59.251.784.467 | 42.790.780.549 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 16 | 1.095.600.422 | 367.278.722 |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 17 | 3.060.968.574 | 3.115.540.191 |
| 314 | 4. Phải trả người lao động | | 9.692.267.568 | 14.059.855.088 |
| 315 | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 18 | 4.194.466.839 | 4.275.461.903 |
| 318 | 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 19 | 68.393.939 | 22.393.937 |
| 319 | 7. Phải trả ngắn hạn khác | 20 | 47.006.088.442 | 41.449.807.527 |
| 320 | 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 21 | 248.041.027.473 | 210.853.419.468 |
| 322 | 9. Quỹ khen thưởng phúc lợi | | 3.818.144.100 | 4.203.444.100 |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | 494.551.137.730 | 558.730.603.700 |
| 337 | 1. Phải trả dài hạn khác | 20 | 3.930.514.730 | - |
| 338 | 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 21 | 490.620.623.000 | 558.730.603.700 |
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 77.456.199.927 | 176.068.599.386 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | 22 | 77.456.199.927 | 176.068.599.386 |
| 411 | 1. Vốn góp của chủ sở hữu | | 200.000.000.000 | 200.000.000.000 |
| 411a | Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 200.000.000.000 | 200.000.000.000 |
| 418 | 2. Quỹ đầu tư phát triển | | 82.932.721.854 | 82.932.721.854 |
| 421 | 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | (205.476.521.927) | (106.864.122.468) |
| 421a | LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | | (106.864.122.468) | (67.157.721.512) |
| 421b | LNST chưa phân phối năm nay | | (98.612.399.459) | (39.706.400.956) |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 948.236.079.481 | 1.055.937.184.571 |


Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập

Trần Thị Thanh Hương
Kế toán trưởngVương Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 19 tháng 01 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm 2016 | Năm 2015 |
|-------|--|-------------|------------------|------------------|
| | | | VND | VND |
| 01 | 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 24 | 532.185.914.046 | 695.322.884.393 |
| 02 | 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | | - | - |
| 10 | 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | | 532.185.914.046 | 695.322.884.393 |
| 11 | 4. Giá vốn hàng bán | 25 | 549.744.804.080 | 642.407.915.918 |
| 20 | 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | (17.558.890.034) | 52.914.968.475 |
| 21 | 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 26 | 7.631.558.741 | 1.601.261.774 |
| 22 | 7. Chi phí tài chính | 27 | 52.821.763.757 | 70.433.866.034 |
| 23 | <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | | 40.966.344.084 | 38.294.674.473 |
| 25 | 8. Chi phí bán hàng | 28 | 6.416.081.919 | 10.207.377.530 |
| 26 | 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 29 | 28.776.980.125 | 27.539.518.986 |
| 30 | 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | | (97.942.157.094) | (53.664.532.301) |
| 31 | 11. Thu nhập khác | 30 | 450.973.035 | 14.290.476.258 |
| 32 | 12. Chi phí khác | 31 | 1.121.215.400 | 332.344.913 |
| 40 | 13. Lợi nhuận khác | | (670.242.365) | 13.958.131.345 |
| 50 | 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | | (98.612.399.459) | (39.706.400.956) |
| 51 | 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 32 | - | - |
| 52 | 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | | - | - |
| 60 | 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | | (98.612.399.459) | (39.706.400.956) |
| 70 | 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 33 | (4.931) | (1.985) |

35 - C
TY
HỮU
HẠN
CÔNG
TY
SC
M - TF

Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập

Trần Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng



Vương Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 19 tháng 01 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016

(Theo phương pháp trực tiếp)

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm 2016 | Năm 2015 |
|--|---|-------------|-------------------------|-------------------------|
| | | | VND | VND |
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| 01 | 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | | 554.707.395.498 | 728.938.927.562 |
| 02 | 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ | | (404.791.163.937) | (524.067.019.892) |
| 03 | 3. Tiền chi trả cho người lao động | | (73.501.438.549) | (86.240.146.658) |
| 04 | 4. Tiền lãi vay đã trả | | (30.643.109.294) | (43.319.821.527) |
| 06 | 5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | | 16.937.880.362 | 19.205.077.928 |
| 07 | 6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | (39.932.468.509) | (51.481.614.390) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | 22.777.095.571 | 43.035.403.023 |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| 21 | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | (1.382.837.561) | (54.200.000) |
| 22 | 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | 471.000.000 | 54.975.000.000 |
| 23 | 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | | (60.854.960.395) | (15.000.000.000) |
| 24 | 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | | 45.254.375.193 | - |
| 26 | 5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | - | 6.885.000 |
| 27 | 6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | | 2.181.277.700 | 40.213.512 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | | (14.331.145.063) | 39.967.898.512 |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 33 | 1. Tiền thu từ đi vay | | 289.289.308.631 | 336.841.273.031 |
| 34 | 2. Tiền trả nợ gốc vay | | (326.220.127.562) | (391.151.282.036) |
| 36 | 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | | (8.775.000) | (1.580.000) |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | | (36.939.593.931) | (54.311.589.005) |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong năm | | (28.493.643.423) | 28.691.712.530 |



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016

(Theo phương pháp trực tiếp)

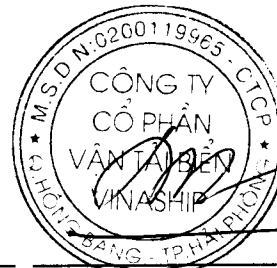
| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm 2016 | Năm 2015 |
|-------|---|-------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | VND | VND |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu năm | | 42.374.661.125 | 13.667.212.048 |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | (990.080) | 15.736.547 |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối năm | 3 | <u>13.880.027.622</u> | <u>42.374.661.125</u> |



Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập

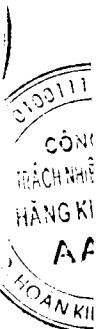


Trần Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng



Vương Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 19 tháng 01 năm 2017



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship trước đây là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203002740 (mã số doanh nghiệp là 0200119965) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 23 tháng 10 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 200.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 200.000.000.000 đồng; tương đương 20.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

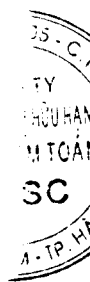
Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực vận tải biển.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển. Dịch vụ đại lý vận tải đường biển. Dịch vụ giao nhận, nâng cẩu, kiểm đếm hàng hóa. Dịch vụ khai thuê hải quan. Dịch vụ môi giới thuê tàu biển (không bao gồm thủy thủ đoàn). Môi giới hàng hải. Dịch vụ cung ứng tàu biển. Dịch vụ Logistics. Đại lý bán vé máy bay, vé tàu. Dịch vụ môi giới vận tải. Dịch vụ vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận tải hàng không và hoạt động không chung). Đại lý container. Khai thác cảng, biển. Dịch vụ quản lý tàu.);
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Chi tiết: Dịch vụ hợp tác lao động);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Cho thuê văn phòng);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác (Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn chuyên doanh khác (Chi tiết: Phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại);
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) (Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải biển);
- Bốc xếp hàng hóa (Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa ga đường sắt, đường bộ, cảng biển, cảng sông);
- Đại lý, môi giới, đấu giá (không bao gồm đại lý hàng hóa bảo hiểm, chứng khoán, môi giới bảo hiểm, chứng khoán, tài chính, bất động sản);
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;



Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo):

- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm (Chi tiết: Đại lý bảo hiểm);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

- Tại thời điểm 31/12/2016, lỗ lũy kế là 205.476.521.927 đồng (tại 31/12/2015 là 106.864.122.468 đồng), nợ ngắn hạn của Công ty lớn hơn tài sản ngắn hạn số tiền 224.748.095.509 đồng (tại 31/12/2015 là 147.898.904.454 đồng). Việc thiếu hụt vốn lưu động có thể ảnh hưởng đến khả năng thanh toán hiện tại và khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty.

Để đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty, Ban Giám đốc đang làm việc với các ngân hàng để điều chỉnh lại kế hoạch trả nợ của các khoản vay dài hạn để mua, đóng mới tàu biển theo Quyết định số 276/QĐ-Ttg ngày 04/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án tái cơ cấu Tổng công ty Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015. Theo Quyết định này, Chính phủ chỉ đạo các Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng hỗ trợ, giúp đỡ giải quyết các khó khăn hiện tại của doanh nghiệp như cơ cấu lại các khoản vay theo hướng giãn, khoanh nợ gốc và miễn, giảm lãi vay. Tổng công ty Hàng hải Việt Nam cũng chỉ đạo các doanh nghiệp thành viên làm việc với các ngân hàng thực hiện cơ cấu các khoản nợ vay như trên. Vì vậy, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

- Trong năm 2016, thị trường tàu hàng khô thế giới vẫn tiếp tục diễn biến xấu, thị trường vận tải biển ảm đạm, nguồn cung tấn trọng tải rỗng vượt xa lượng cầu vận chuyển hàng hóa, tình trạng nhiều tàu cạnh tranh một đơn hàng là rất phổ biến khiến người vận tải luôn ở thế bất lợi trong đàm phán giá cước và các điều kiện vận chuyển, đồng thời bị động về các phương án khai thác. Thời gian chuyển kéo dài do mật độ tàu tham gia vận chuyển quá đông, gặp nhiều lần khả năng giải phóng binh quân của cảng dỡ hàng. Trong năm 2016, công ty có 05 tàu lên đà sửa chữa lớn làm giảm số ngày tàu khai thác. Vì vậy, doanh thu vận tải biển trong năm 2016 sụt giảm so với năm 2015 đồng thời năm 2016 không có thu nhập bán tàu, ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh toàn công ty. Bên cạnh đó việc có 05 tàu lên đà sửa chữa lớn làm cho doanh thu vận tải biển sụt giảm nhưng chi phí đội tàu không giảm tương ứng dẫn đến kết quả kinh doanh năm 2016 lỗ tăng cao so với cùng kỳ.

Cấu trúc doanh nghiệp**Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:**

| | Địa chỉ | Hoạt động kinh doanh chính |
|-------------------------------------|----------------|--|
| Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh | Hồ Chí Minh | Vận tải biển, đại lý vận tải biển |
| Chi nhánh tại Đà Nẵng | Đà Nẵng | Vận tải biển, đại lý vận tải biển |
| Chi nhánh tại Quảng Ninh | Quảng Ninh | Vận tải biển, đại lý vận tải biển |
| Xí nghiệp dịch vụ vận tải | Hải Phòng | Xếp dỡ, đại lý giao nhận, vận chuyển container và các hàng hóa khác, ... |
| Xí nghiệp xếp dỡ vận tải và dịch vụ | Hải Phòng | Dịch vụ xếp dỡ, thu gom hàng hóa, đại lý mua bán ký gửi hàng hóa, |

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định và bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | | |
|-----------------------------------|---------|-----|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 25 | năm |
| - Máy móc, thiết bị | 06 - 10 | năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 04 - 20 | năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 06 | năm |
| - Phần mềm quản lý | 03 - 06 | năm |

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 05 - 30 năm

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả,... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Ưu đãi thuế

Theo văn bản số 562/CT-TT&HT ngày 04/05/2013 của Cục thuế Thành phố Hải Phòng, Công ty được hưởng những ưu đãi về thuế như sau:

1. Ưu đãi thuế TNDN đối với thu nhập có được thuộc các ngành, nghề lĩnh vực kinh doanh có trong đăng ký kinh doanh của Công ty do Cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước:

- Ưu đãi thuế suất thuế TNDN: Công ty được hưởng thuế suất thuế TNDN 20% từ năm 2007 đến năm 2016.
- Ưu đãi miễn, giảm thuế TNDN: Công ty được miễn 02 năm (năm 2007 và 2008) và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp 03 năm tiếp theo (từ năm 2009 đến năm 2011).

Các khoản thu nhập không thuộc các ngành, nghề lĩnh vực kinh doanh có trong đăng ký kinh doanh của Công ty thì không được ưu đãi thuế TNDN (gồm ưu đãi thuế suất và ưu đãi miễn thuế, giảm thuế).

2. Ưu đãi thuế suất thuế TNDN đối với thu nhập từ thanh lý tàu biển (tài sản cố định được sử dụng để vận tải biển thuộc ngành, nghề lĩnh vực kinh doanh có trong đăng ký kinh doanh của Công ty): Công ty phát sinh thu nhập là thanh lý tàu biển (là tài sản cố định được sử dụng để vận tải biển thuộc ngành, nghề lĩnh vực kinh doanh được ưu đãi) thì được hưởng ưu đãi như mục 1 nếu Công ty thực hiện trích khấu hao cao hơn mức tối thiểu và hạch toán sửa chữa tàu vào chi phí hợp lý khi tính thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 731.352.500 | 1.349.954.520 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 13.148.675.122 | 28.024.706.605 |
| Các khoản tương đương tiền | - | 13.000.000.000 |
| | 13.880.027.622 | 42.374.661.125 |

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

| | 31/12/2016 | | 01/01/2016 | |
|----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| | VND | VND | VND | VND |
| Đầu tư ngắn hạn | 30.600.585.202 | 30.600.585.202 | 15.000.000.000 | 15.000.000.000 |
| - Tiền gửi có kỳ hạn | 30.600.585.202 | 30.600.585.202 | 15.000.000.000 | 15.000.000.000 |
| | 30.600.585.202 | 30.600.585.202 | 15.000.000.000 | 15.000.000.000 |

Tại 31/12/2016, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Phát triển - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với lãi suất 5,4%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

| | 31/12/2016 | | | 01/01/2016 | | |
|---|----------------------|--------------------|------------------------|----------------------|--------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| b) Đầu tư vào đơn vị khác | 5.998.468.525 | 101.942.250 | (1.711.486.275) | 5.998.468.525 | 219.573.500 | (1.593.855.025) |
| - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam | 409.605 | 319.050 | (90.555) | 409.605 | 307.300 | (102.305) |
| - Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam | 1.276.000.000 | 61.200.000 | (1.214.800.000) | 1.276.000.000 | 162.000.000 | (1.114.000.000) |
| - Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam | 537.018.920 | 40.423.200 | (496.595.720) | 537.018.920 | 57.266.200 | (479.752.720) |
| - Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (*) | 4.185.040.000 | | - | 4.185.040.000 | | - |
| | 5.998.468.525 | 101.942.250 | (1.711.486.275) | 5.998.468.525 | 219.573.500 | (1.593.855.025) |

Ghi chú: Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư là cổ phiếu niêm yết trên thị trường được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu trên các sàn giao dịch tại ngày 31/12/2016.

(*): Đối với cổ phiếu Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam là cổ phiếu chưa niêm yết, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn | | |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại DIC | - | 4.273.500.000 |
| - Công ty TNHH Friesland Campina Việt Nam | 3.742.790.150 | 8.265.549.600 |
| - Các khoản phải thu khách hàng khác | 35.456.760.432 | 28.743.420.147 |
| | 39.199.550.582 | 41.282.469.747 |

6 . TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN CHO NGƯỜI BÁN

| | 31/12/2016 | | 01/01/2016 | |
|---|----------------------|----------|--------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Cty TNHH MTV đóng tàu Nam Triệu | 3.000.000.000 | - | - | - |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Quang Trung | - | - | 100.000.000 | - |
| Trường Cao đẳng Bách nghệ Hải Phòng | - | - | 75.000.000 | - |
| Trả trước cho người bán khác | 18.973.184 | - | - | - |
| | 3.018.973.184 | - | 175.000.000 | - |

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

| | 31/12/2016 | | 01/01/2016 | |
|--|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Phải thu về bảo hiểm xã hội | 2.237.753.263 | - | 2.781.001.367 | - |
| Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp | 84.654.394 | - | 119.808.126 | - |
| Tạm ứng | 5.091.377.498 | - | 6.270.409.411 | - |
| Ký cược, ký quỹ | - | - | 2.155.924.849 | - |
| Các khoản chi hộ | 1.103.319.653 | - | 1.238.552.884 | - |
| Phải thu về sửa chữa tàu chi hộ Công ty Vinashinlines | 7.342.487.574 | - | 7.342.487.574 | - |
| Phải thu tiền bảo hiểm | 2.642.995.315 | - | 3.502.799.582 | - |
| Phải thu khác | 797.265.717 | - | 817.670.469 | - |
| | 19.299.853.414 | - | 24.228.654.262 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

8 . NỢ XẤU

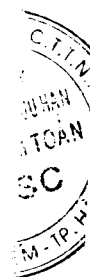
| | 31/12/2016 | | 01/01/2016 | |
|---|----------------------|------------------------|------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| | VND | VND | VND | VND |
| Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi | | | | |
| - Công ty TNHH thương mại dịch vụ Tân Đông Thuận | 636.440.000 | - | - | - |
| - Sky Ocean Shipping | 484.952.633 | - | - | - |
| - Các đối tượng khác | 259.306.742 | - | - | - |
| | 1.380.699.375 | - | - | - |

9 . HÀNG TỒN KHO

| | 31/12/2016 | | 01/01/2016 | |
|-----------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Nguyên liệu, vật liệu | 32.075.067.999 | - | 32.799.470.738 | - |
| Hàng hoá | 436.240.080 | - | 423.411.132 | - |
| | 32.511.308.079 | - | 33.222.881.870 | - |

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|--|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 91.957.200 | 91.957.200 |
| - Dự án xây bãi Container Hậu Phương Đình Vũ - Hải Phòng | 91.957.200 | 91.957.200 |
| | 91.957.200 | 91.957.200 |



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|-------------------------------------|------------------------|--------------------|------------------------------------|---------------------------|--------------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND |
| Nguyên giá | | | | | |
| Số dư đầu năm | 27.594.201.494 | 100.752.694 | 1.640.526.630.156 | 334.154.249 | 1.668.555.738.593 |
| - Mua trong năm | - | 30.000.000 | 1.037.323.636 | - | 1.067.323.636 |
| - Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | 201.700.856 | - | - | - | 201.700.856 |
| - Thanh lý, nhượng bán | (155.635.000) | - | (1.860.742.652) | - | (2.016.377.652) |
| Số dư cuối năm | 27.640.267.350 | 130.752.694 | 1.639.703.211.140 | 334.154.249 | 1.667.808.385.433 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| Số dư đầu năm | 13.842.754.218 | 100.752.694 | 776.555.398.560 | 292.696.281 | 790.791.601.753 |
| - Khấu hao trong năm | 1.122.536.090 | 2.004.609 | 96.519.924.323 | 12.318.180 | 97.656.783.202 |
| - Thanh lý, nhượng bán | (140.782.721) | - | (1.860.742.652) | - | (2.001.525.373) |
| Số dư cuối năm | 14.824.507.587 | 102.757.303 | 871.214.580.231 | 305.014.461 | 886.446.859.582 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Tại ngày đầu năm | 13.751.447.276 | - | 863.971.231.596 | 41.457.968 | 877.764.136.840 |
| Tại ngày cuối năm | 12.815.759.763 | 27.995.391 | 768.488.630.909 | 29.139.788 | 781.361.525.851 |

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 765.680.759.113 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 72.656.240.278 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Toàn bộ tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với tổng nguyên giá là 238.654.500 đồng.

13 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản của Công ty bao gồm hệ thống bãi Container, nhà kho và các công trình phụ trợ tại Hải Phòng và Đà Nẵng được sử dụng để cho thuê với tổng nguyên giá là 5.785.803.477 đồng, giá trị hao mòn lũy kế đến 31/12/2016 là 5.785.803.477 đồng.

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|--|-----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| a) Ngắn hạn | | |
| Chi phí trả trước về bảo hiểm tàu biển | 2.842.118.307 | 528.770.340 |
| Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ | - | 6.317.469.889 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 53.337.473 | 207.289.894 |
| | 2.895.455.780 | 7.053.530.123 |
| b) Dài hạn | | |
| Chi phí công ước lao động hàng hải các tàu | - | 437.400.000 |
| Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ | 11.014.967.865 | - |
| | 11.014.967.865 | 437.400.000 |

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | 31/12/2016 | | 01/01/2016 | |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả | Giá trị | Số có khả năng trả |
| | VND | nợ VND | VND | nợ VND |
| Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn | | | | |
| MONJASA | 3.794.761.700 | 3.794.761.700 | 7.426.720.931 | 7.426.720.931 |
| BMS United | 7.179.448.184 | 7.179.448.184 | 598.139.442 | 598.139.442 |
| Bunkers (Asia) | | | | |
| PTE LTD | | | | |
| Phải trả các đối tượng khác | 48.277.574.583 | 48.277.574.583 | 34.765.920.176 | 34.765.920.176 |
| | 59.251.784.467 | 59.251.784.467 | 42.790.780.549 | 42.790.780.549 |

16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|----------------------------------|----------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Tổng Công ty lương thực miền Nam | 726.556.949 | 7.391.586 |
| Thorco Shipping A/S, Dlenmark | 248.856.905 | 245.900.839 |
| Người mua trả tiền trước khác | 120.186.568 | 113.986.297 |
| | 1.095.600.422 | 367.278.722 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | Số phải thu đầu năm | Số phải nộp đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | Số phải thu cuối năm | Số phải nộp cuối năm |
|-----------------------------|----------------------|----------------------|-----------------------|--------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Thuế Giá trị gia tăng | 801.682 | 3.035.072.575 | 1.063.486.259 | 1.064.007.732 | 801.682 | 3.034.551.102 |
| Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu | - | - | 167.049.903 | 167.049.903 | - | - |
| Thuế Thu nhập doanh nghiệp | 8.374.144.917 | - | - | - | 8.374.144.917 | - |
| Thuế Thu nhập cá nhân | - | 80.467.616 | 296.810.664 | 350.860.808 | - | 26.417.472 |
| Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất | - | - | 1.545.916.500 | 1.545.916.500 | - | - |
| Các loại thuế khác | - | - | 7.000.000 | 7.000.000 | - | - |
| | 8.374.946.599 | 3.115.540.191 | 3.080.263.326 | 3.134.834.943 | 8.374.946.599 | 3.060.968.574 |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|-----------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| - Chi phí lãi vay | 1.024.695.660 | 1.435.166.620 |
| - Chi phí bảo hiểm phải trả | 665.233.179 | 2.690.455.283 |
| - Chi phí phải trả khác | 2.504.538.000 | 149.840.000 |
| | 4.194.466.839 | 4.275.461.903 |

19 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|--|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| - Doanh thu nhận trước tiền thuê văn phòng | 68.393.939 | 22.393.937 |
| | 68.393.939 | 22.393.937 |

20 . PHẢI TRẢ KHÁC

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| a) Ngắn hạn | | |
| - Kinh phí công đoàn | 2.714.231.145 | 2.694.052.769 |
| - Bảo hiểm y tế | 148.661.477 | 37.050.886 |
| - Phải trả về cổ phần hoá | 2.401.379.706 | 2.401.379.706 |
| - Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 10.029.205.000 | 10.037.980.000 |
| - Phải trả lãi vay | 25.492.500.162 | 18.925.873.977 |
| - Phải trả lương giữ hộ thuyền viên | 3.747.768.014 | 2.072.482.577 |
| - Phải trả khác cho thuyền viên | - | 727.041.994 |
| - Phải trả thuế TNCN của thuyền viên | 144.090.249 | 2.924.413.580 |
| - Các khoản phải trả, phải nộp khác | 2.328.252.689 | 1.629.532.038 |
| | 47.006.088.442 | 41.449.807.527 |
| b) Dài hạn | | |
| - Phải trả lãi vay | 3.930.514.730 | - |
| | 3.930.514.730 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

21 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

| | 01/01/2016 | | Trong năm | | 31/12/2016 | |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| a) Vay ngắn hạn | | | | | | |
| Vay ngắn hạn | 122.533.666.967 | 122.533.666.967 | 289.633.288.701 | 295.923.825.163 | 116.243.130.505 | 116.243.130.505 |
| - Vay ngắn hạn Ngân hàng | 97.543.666.967 | 97.543.666.967 | 289.333.288.701 | 295.923.825.163 | 90.953.130.505 | 90.953.130.505 |
| - Vay cá nhân | 24.990.000.000 | 24.990.000.000 | 300.000.000 | - | 25.290.000.000 | 25.290.000.000 |
| Nợ dài hạn đến hạn trả | 88.319.752.501 | 88.319.752.501 | 78.779.274.416 | 35.301.129.949 | 131.797.896.968 | 131.797.896.968 |
| | 210.853.419.468 | 210.853.419.468 | 368.412.563.117 | 331.224.955.112 | 248.041.027.473 | 248.041.027.473 |
| b) Vay dài hạn | | | | | | |
| - Vay dài hạn Ngân hàng | 647.050.356.201 | 647.050.356.201 | 13.303.537.000 | 37.935.373.233 | 622.418.519.968 | 622.418.519.968 |
| - Trái phiếu thường | - | - | - | - | - | - |
| - Nợ thuê tài chính dài hạn | - | - | - | - | - | - |
| | 647.050.356.201 | 647.050.356.201 | 13.303.537.000 | 37.935.373.233 | 622.418.519.968 | 622.418.519.968 |
| Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng | (88.319.752.501) | (88.319.752.501) | (78.779.274.416) | (35.301.129.949) | (131.797.896.968) | (131.797.896.968) |
| Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng | 558.730.603.700 | 558.730.603.700 | | | 490.620.623.000 | 490.620.623.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,

Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

| STT | Ngân hàng / Hợp đồng | Hạn mức tín dụng | Thời hạn của hợp đồng | Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2016 | | | Mục đích vay |
|----------|--|--|---|---------------------------------|----------------|------------------------|--|
| | | | | USD | VND | Tổng VND tương đương | |
| 1 | Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng | | | | | 70.238.297.891 | |
| | Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0509/2016/HĐTDMRS ngày 26/07/2016 | 70 tỷ đồng hoặc ngoại tệ tương đương | 12 tháng kể từ ngày 21/07/2016 | 491.615,63 | 59.024.545.371 | 70.238.297.891 | Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh |
| 2 | Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hải Phòng | | | | | 20.714.832.614 | |
| | Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2921/16/HĐTDHM-DN/099 ngày 28/07/2016 | 287.000 USD hoặc VND quy đổi tương đương | 12 tháng từ ngày 28/07/2016 đến ngày 28/07/2017 | | | | |
| | Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0820/15/HĐTDHM-DN/099 ngày 28/12/2015. Gia hạn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 6488/16/HĐTDHM-DN/099 ngày 18/01/2017. | 700.000 USD hoặc VND quy đổi tương đương | 12 tháng từ ngày 28/12/2015 đến ngày 28/12/2016. Gia hạn từ 18/01/2017 đến 18/01/2018 | 908.146,98 | - | 20.714.832.614 | Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải biển |
| 3 | Vay các cá nhân khác | | | | | 25.290.000.000 | |
| | Căn cứ các hợp đồng vay cá nhân cụ thể | Không áp dụng | 12 tháng | - | 25.290.000.000 | 25.290.000.000 | Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh |
| | Tổng cộng | | | | | 116.243.130.505 | |

Ghi chú: Lãi suất vay của các hợp đồng tín dụng được áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh theo từng thời kỳ theo quy định của các ngân hàng. Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

| STT | Ngân hàng | Thời hạn vay | Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2016 | | | Số dư nợ gốc phải trả trong năm 2017 | | | Mục đích vay |
|----------|---|---|---------------------------------|----------------|------------------------|--------------------------------------|--------------|-----------------------|---|
| | | | VND | USD | Tổng VND tương đương | VND | USD | Tổng VND tương đương | |
| 1 | Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng | | | | 102.035.450.000 | | | 63.812.400.000 | |
| | Hợp đồng tín dụng sửa đổi số 01A/2011/HĐTĐĐC-NHPT ngày 31/08/2011 (sửa đổi hợp đồng vay vốn tín dụng số 01/2007/HĐTĐ ngày 31/01/2007) | 180 tháng từ ngày rút vốn lần đầu (tháng 12/2006) | 72.335.450.000 | - | 72.335.450.000 | 35.878.800.000 | - | 35.878.800.000 | Đầu tư dự án đóng mới tàu chở hàng khô 12.500 DWT - chiếc 03/KH 2005 |
| | Hợp đồng tín dụng sửa đổi số 02A/2011/HĐTĐĐC-NHPT ngày 31/08/2011 (sửa đổi hợp đồng vay vốn tín dụng số 02/2007/HĐTĐ ngày 31/01/2007) | 180 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu (tháng 4/2003) | 29.700.000.000 | - | 29.700.000.000 | 27.933.600.000 | - | 27.933.600.000 | Đầu tư dự án đóng tàu chở hàng bách hóa loại 6.500 DWT tại nhà máy đóng tàu biển trong nước |
| 2 | Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Hải Phòng | | | | 164.987.011.000 | | | 45.515.074.000 | |
| | Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0033/09/HP ngày 11/03/2009 và các phụ lục bổ sung | 132 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên (ngày 27/03/2009) | | - 3.242.700,00 | 73.965.987.000 | | - 997.800,00 | 22.759.818.000 | Mua tàu chở hàng khô Vinaship Diamond theo hợp đồng mua bán tàu biển ngày 05/03/2009 |
| | Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0198/09/HP ngày 12/10/2009 và các phụ lục bổ sung | 132 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên (ngày 17/10/2009) | | - 3.990.400,00 | 91.021.024.000 | | - 997.600 | 22.755.256.000 | Mua tàu chở hàng khô Vinaship Pearl theo hợp đồng mua bán tàu biển ngày 25/08/2009 |

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

| STT | Ngân hàng | Thời hạn vay | Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2016 | | | Số dư nợ gốc phải trả trong năm 2017 | | | Mục đích vay |
|-----|---|---|---------------------------------|----------------|------------------------|--------------------------------------|--------------|------------------------|--|
| | | | VND | USD | Tổng VND tương đương | VND | USD | Tổng VND tương đương | |
| 3 | Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lê Chân | | | | 143.616.613.968 | | | 9.696.822.968 | |
| | Hợp đồng tín dụng số 01.09/HĐTĐ-DH ngày 01/12/2009 và các văn bản sửa đổi bổ sung | 180 tháng kể từ ngày 04/01/2010 đến ngày 04/01/2025 | | - 6.296.212,80 | 143.616.613.968 | | - 425.112,80 | 9.696.822.968 | Mua tàu biển Vinaship Sea, trọng tải 27.841 tấn, do Nhật Bản sản xuất năm 1998 |
| 4 | Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng và Ngân hàng Indovina - Chi nhánh Đống Đa | | | | 211.779.445.000 | | | 12.773.600.000 | |
| | Hợp đồng tín dụng số 015/2011/HĐCVHV/BVBHP-IVBMĐ-VNA ngày 17/02/2011 | 180 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên theo hợp đồng cho vay (ngày 07/03/2011) | | - 9.284.500,00 | 211.779.445.000 | | - 560.000,00 | 12.773.600.000 | Đầu tư mua tàu chở hàng tổng hợp Vinaship Star trọng tải 23.949 DWT |
| | Tổng cộng | | | | 622.418.519.968 | | | 131.797.896.968 | |

Ghi chú: Lãi suất vay của các hợp đồng tín dụng được áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh theo từng thời kỳ theo quy định của các ngân hàng và các khoản vay này đều được thế chấp bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

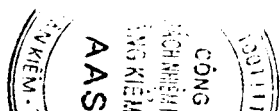


CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

22 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận chưa phân phối | Cộng |
|----------------------|---------------------------|-----------------------|--------------------------|------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Số dư đầu năm trước | 200.000.000.000 | 82.932.721.854 | (67.157.721.512) | 215.775.000.342 |
| Lỗ trong năm trước | - | - | (39.706.400.956) | (39.706.400.956) |
| Số dư cuối năm trước | 200.000.000.000 | 82.932.721.854 | (106.864.122.468) | 176.068.599.386 |
| Số dư đầu năm nay | 200.000.000.000 | 82.932.721.854 | (106.864.122.468) | 176.068.599.386 |
| Lỗ trong năm nay | - | - | (98.612.399.459) | (98.612.399.459) |
| Số dư cuối năm nay | 200.000.000.000 | 82.932.721.854 | (205.476.521.927) | 77.456.199.927 |



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

| | <u>Tỷ lệ</u> | <u>Cuối năm</u> | <u>Tỷ lệ</u> | <u>Đầu năm</u> |
|--------------------------------|--------------|------------------------|--------------|------------------------|
| | (%) | VND | (%) | VND |
| Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam | 51,00% | 102.000.000.000 | 51,00% | 102.000.000.000 |
| Các cổ đông khác | 49,00% | 98.000.000.000 | 49,00% | 98.000.000.000 |
| | 100% | 200.000.000.000 | 100% | 200.000.000.000 |

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | <u>Năm 2016</u> | <u>Năm 2015</u> |
|---------------------------|-----------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 200.000.000.000 | 200.000.000.000 |
| - <i>Vốn góp đầu năm</i> | 200.000.000.000 | 200.000.000.000 |
| - <i>Vốn góp cuối năm</i> | 200.000.000.000 | 200.000.000.000 |

d) Cổ phiếu

| | <u>31/12/2016</u> | <u>01/01/2016</u> |
|--|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 20.000.000 | 20.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 20.000.000 | 20.000.000 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 20.000.000 | 20.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 20.000.000 | 20.000.000 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 20.000.000 | 20.000.000 |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND) | 10.000 | 10.000 |

e) Các quỹ công ty

| | <u>31/12/2016</u> | <u>01/01/2016</u> |
|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Quỹ đầu tư phát triển | 82.932.721.854 | 82.932.721.854 |
| | 82.932.721.854 | 82.932.721.854 |

23 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**a) Ngoại tệ các loại**

| | <u>31/12/2016</u> | <u>01/01/2016</u> |
|-----------------------|-------------------|-------------------|
| - Đồng đô la Mỹ (USD) | 313.948,70 | 116.092,08 |

b) Nợ khó đòi đã xử lý

| | <u>31/12/2016</u> | <u>01/01/2016</u> |
|---------------------|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Phải thu khách hàng | 303.509.700 | 303.509.700 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu hoạt động vận tải biển | 424.329.876.172 | 549.988.545.481 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 107.856.037.874 | 145.334.338.912 |
| | <u>532.185.914.046</u> | <u>695.322.884.393</u> |

25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| | VND | VND |
| Giá vốn của hoạt động vận tải biển | 451.211.924.208 | 508.521.305.585 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 98.532.879.872 | 133.886.610.333 |
| | <u>549.744.804.080</u> | <u>642.407.915.918</u> |

26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi, lãi cho vay | 2.001.738.717 | 50.181.361 |
| Lãi bán các khoản đầu tư | - | 2.100.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 7.000 | 157.000 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm | 5.629.813.024 | 1.548.823.413 |
| | <u>7.631.558.741</u> | <u>1.601.261.774</u> |

27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|---|------------------------------|------------------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền vay | 40.966.344.084 | 38.294.674.473 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm | 5.071.624.646 | 3.520.587.032 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm | 6.659.027.351 | 28.372.438.956 |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư | 117.631.250 | 236.864.800 |
| Chi phí tài chính khác | 7.136.426 | 9.300.773 |
| | <u>52.821.763.757</u> | <u>70.433.866.034</u> |

28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|--------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| | VND | VND |
| Hoa hồng phí cho các tàu | 6.416.081.919 | 10.207.377.530 |
| | <u>6.416.081.919</u> | <u>10.207.377.530</u> |

111
CÔNG
NHỆ
G KI
A F
1 N KI

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thu, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 617.633.183 | 1.073.662.714 |
| Chi phí nhân công | 17.003.015.287 | 17.807.906.934 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 358.686.719 | 270.683.010 |
| Thuế, phí, lệ phí | 23.568.000 | 556.193.000 |
| Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng | 1.380.699.375 | (38.724.000) |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 6.567.820.244 | 5.415.237.849 |
| Chi phí khác bằng tiền | 2.825.557.317 | 2.454.559.479 |
| | 28.776.980.125 | 27.539.518.986 |

30 . THU NHẬP KHÁC

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|--|--------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định | 438.329.538 | 13.802.259.093 |
| Lãi chậm nộp được miễn | - | 436.118.902 |
| Thu nhập khác | 12.643.497 | 52.098.263 |
| | 450.973.035 | 14.290.476.258 |

31 . CHI PHÍ KHÁC

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|----------------------------|----------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Cãng phí các tàu cũ đã bán | 815.481.143 | - |
| Chi phí khác | 305.734.257 | 332.344.913 |
| | 1.121.215.400 | 332.344.913 |

32 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|---|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | (98.612.399.459) | (39.706.400.956) |
| Các khoản điều chỉnh tăng | 60.533.312 | 56.999.423 |
| - Chi phí không hợp lệ | 24.000.000 | 53.969.721 |
| - Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối năm | 36.533.312 | 3.029.702 |
| Các khoản điều chỉnh giảm | (173.505.274.673) | (133.855.866.140) |
| - Cổ tức, lợi nhuận được chia | (7.000) | (157.000) |
| - Chuyển lỗ các năm trước | (173.505.267.673) | (133.855.709.140) |
| Thu nhập chịu thuế TNDN | (272.057.140.820) | (173.505.267.673) |
| Thuế suất thuế TNDN | 20% | 20% |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm | (8.374.144.917) | (8.374.144.917) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm | - | - |
| Thuế TNDN phải nộp cuối năm | (8.374.144.917) | (8.374.144.917) |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

33 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|---|------------------|------------------|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận sau thuế | (98.612.399.459) | (39.706.400.956) |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông | (98.612.399.459) | (39.706.400.956) |
| Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm | 20.000.000 | 20.000.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | (4.931) | (1.985) |

34 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|-------------------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 149.596.181.851 | 197.482.876.797 |
| Chi phí nhân công | 80.874.328.488 | 91.896.879.698 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 97.656.783.202 | 98.009.923.346 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 247.360.550.377 | 281.582.110.562 |
| Chi phí khác bằng tiền | 8.069.322.831 | 11.221.746.031 |
| Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng | 1.380.699.375 | (38.724.000) |
| | 584.937.866.124 | 680.154.812.434 |

35 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

| | Giá trị sổ kế toán | | | |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|---------------------------|------------------------|
| | 31/12/2016 | | 01/01/2016 | |
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 13.880.027.622 | - | 42.374.661.125 | - |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 58.499.403.996 | (1.380.699.375) | 65.511.124.009 | - |
| Đầu tư ngắn hạn | 30.600.585.202 | - | 15.000.000.000 | - |
| Đầu tư dài hạn | 5.998.468.525 | (1.711.486.275) | 5.998.468.525 | (1.593.855.025) |
| | 108.978.485.345 | (3.092.185.650) | 128.884.253.659 | (1.593.855.025) |
| | | | Giá trị sổ kế toán | |
| | | | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
| | | | VND | VND |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Vay và nợ | | | 738.661.650.473 | 769.584.023.168 |
| Phải trả người bán, phải trả khác | | | 110.188.387.639 | 84.240.588.076 |
| Chi phí phải trả | | | 4.194.466.839 | 4.275.461.903 |
| | | | 853.044.504.951 | 858.100.073.147 |

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

| | Từ 1 năm trở xuống VND | Trên 1 năm đến 5 năm VND | Trên 5 năm VND | Tổng VND |
|------------------------------------|------------------------------|--------------------------------|-------------------|------------------------|
| Tại ngày 31/12/2016 | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 13.880.027.622 | - | - | 13.880.027.622 |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 57.118.704.621 | - | - | 57.118.704.621 |
| Đầu tư ngắn hạn | 30.600.585.202 | - | - | 30.600.585.202 |
| Đầu tư dài hạn | - | 4.286.982.250 | - | 4.286.982.250 |
| | 101.599.317.445 | 4.286.982.250 | - | 105.886.299.695 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

| | Từ 1 năm trở xuống VND | Trên 1 năm đến 5 năm VND | Trên 5 năm VND | Cộng VND |
|------------------------------------|------------------------------|--------------------------------|-------------------|------------------------|
| Tại ngày 01/01/2016 | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 42.374.661.125 | - | - | 42.374.661.125 |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 65.511.124.009 | - | - | 65.511.124.009 |
| Đầu tư ngắn hạn | 15.000.000.000 | - | - | 15.000.000.000 |
| Đầu tư dài hạn | - | 4.404.613.500 | - | 4.404.613.500 |
| | 122.885.785.134 | 4.404.613.500 | - | 127.290.398.634 |

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

| | Từ 1 năm trở xuống VND | Trên 1 năm đến 5 năm VND | Trên 5 năm VND | Cộng VND |
|-----------------------------------|------------------------------|--------------------------------|------------------------|------------------------|
| Tại ngày 31/12/2016 | | | | |
| Vay và nợ | 248.041.027.473 | 304.345.039.000 | 186.275.584.000 | 738.661.650.473 |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 106.257.872.909 | 3.930.514.730 | - | 110.188.387.639 |
| Chi phí phải trả | 4.194.466.839 | - | - | 4.194.466.839 |
| | 358.493.367.221 | 308.275.553.730 | 186.275.584.000 | 853.044.504.951 |
| Tại ngày 01/01/2016 | | | | |
| Vay và nợ | 210.853.419.468 | 347.660.129.700 | 211.070.474.000 | 769.584.023.168 |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 84.240.588.076 | - | - | 84.240.588.076 |
| Chi phí phải trả | 4.275.461.903 | - | - | 4.275.461.903 |
| | 299.369.469.447 | 347.660.129.700 | 211.070.474.000 | 858.100.073.147 |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

| | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
|---|-----------------|-----------------|
| a) Số tiền đi vay thực thu trong năm | | |
| Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường | 289.289.308.631 | 336.841.273.031 |
| b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm | | |
| Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường | 326.220.127.562 | 391.151.282.036 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

37 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

38 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

| | Hoạt động vận tải biển | Hoạt động kinh doanh dịch vụ | Tổng cộng toàn doanh nghiệp |
|--|---------------------------|---------------------------------|--------------------------------|
| | VND | VND | VND |
| Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài | 424.329.876.172 | 107.856.037.874 | 532.185.914.046 |
| Chi phí bộ phận trực tiếp | 451.211.924.208 | 98.532.879.872 | 549.744.804.080 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | (26.882.048.036) | 9.323.158.002 | (17.558.890.034) |
| Tổng chi phí mua TSCĐ | - | 1.269.024.492 | 1.269.024.492 |
| Tài sản bộ phận trực tiếp | 839.367.516.166 | 31.843.688.570 | 871.211.204.736 |
| Tài sản không phân bổ | - | - | 77.024.874.745 |
| Tổng tài sản | 839.367.516.166 | 31.843.688.570 | 948.236.079.481 |
| Nợ phải trả bộ phận trực tiếp | 836.419.459.515 | 10.089.209.864 | 846.508.669.379 |
| Nợ phải trả không phân bổ | - | - | 24.271.210.175 |
| Tổng nợ phải trả | 836.419.459.515 | 10.089.209.864 | 870.779.879.554 |

Theo khu vực địa lý

| | Trong nước | Quốc tế | Tổng cộng toàn doanh nghiệp |
|---|-----------------|-----------------|--------------------------------|
| | VND | VND | VND |
| Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 191.992.010.559 | 340.193.903.487 | 532.185.914.046 |
| Tài sản bộ phận | 382.183.638.206 | 566.052.441.275 | 948.236.079.481 |
| Tổng chi phí mua TSCĐ | 1.269.024.492 | - | 1.269.024.492 |

39 . NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

| | Mối quan hệ | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|--------------------------------|--------------|----------------------|----------------------|
| | | VND | VND |
| Cổ tức phải trả | | 9.400.000.000 | 9.400.000.000 |
| Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam | Tổng Công ty | 9.400.000.000 | 9.400.000.000 |
| Phải trả về cổ phần hóa | | 2.401.379.706 | 2.401.379.706 |
| Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam | Tổng Công ty | 2.401.379.706 | 2.401.379.706 |

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|---|---------------|---------------|
| | VND | VND |
| Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị | 2.083.191.185 | 2.170.419.176 |

CÔNG TY
Hàng Hải
Việt Nam
KIỂM T
ASC
19

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

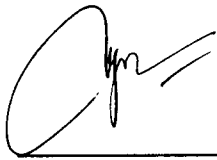
Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

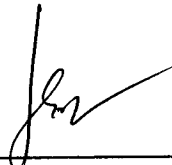
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

40 . SỐ LIỆU SO SÁNH

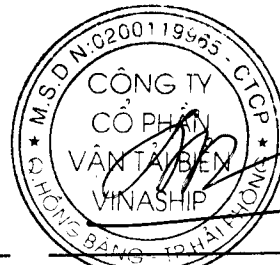
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập

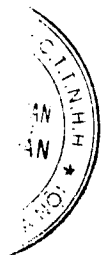


Trần Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng



Vương Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 19 tháng 01 năm 2017





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng

NỘI DUNG

| | Trang |
|--------------------------------------|--------------|
| Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc | 02-03 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 04-05 |
| Báo cáo tài chính đã được kiểm toán | 06-39 |
| Bảng cân đối kế toán | 06-07 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 08 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ | 09-10 |
| Thuyết minh Báo cáo tài chính | 11-39 |



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship trước đây là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203002740 (mã số doanh nghiệp là 0200119965) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 23 tháng 10 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

| | |
|----------------------|--------------|
| Ông Mai Xuân Ngọt | Chủ tịch |
| Ông Vương Ngọc Sơn | Phó Chủ tịch |
| Ông Phạm Văn Toàn | Ủy viên |
| Ông Dương Ngọc Tú | Ủy viên |
| Ông Nguyễn Quang Duy | Ủy viên |
| Ông Đỗ Hùng Dương | Ủy viên |

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

| | |
|----------------------|-------------------|
| Ông Vương Ngọc Sơn | Tổng Giám đốc |
| Ông Trần Dũng Chiến | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Dương Ngọc Tú | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Quang Duy | Phó Tổng Giám đốc |

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

| | |
|---------------------|------------|
| Ông Tô Hanh | Trưởng ban |
| Ông Đinh Huy Dũng | Thành viên |
| Bà Trần Thị Kim Lan | Thành viên |

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

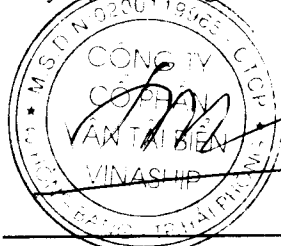
Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Vương Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 19 tháng 01 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship được lập ngày 19 tháng 01 năm 2017, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Không nhằm phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi lưu ý người đọc Báo cáo tài chính về vấn đề sau: Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty đã lập Báo cáo tài chính dựa trên giả định hoạt động liên tục như đã được trình bày tại Thuyết minh số 1 - "Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính" trong phần Thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo. Vấn đề cần nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

Vũ Xuân Biễn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

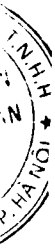
Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2017

Trương Thị Hoài Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2446-2013-002-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|------------|---|-------------|------------------------|--------------------------|
| | | | VND | VND |
| 100 | A. TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 151.480.646.315 | 173.239.077.031 |
| 110 | I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 3 | 13.880.027.622 | 42.374.661.125 |
| 111 | 1. Tiền | | 13.880.027.622 | 29.374.661.125 |
| 112 | 2. Các khoản tương đương tiền | | - | 13.000.000.000 |
| 120 | II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 4 | 30.600.585.202 | 15.000.000.000 |
| 123 | 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | | 30.600.585.202 | 15.000.000.000 |
| 130 | III. Các khoản phải thu ngắn hạn | | 60.137.677.805 | 65.686.124.009 |
| 131 | 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 5 | 39.199.550.582 | 41.282.469.747 |
| 132 | 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 6 | 3.018.973.184 | 175.000.000 |
| 136 | 3. Phải thu ngắn hạn khác | 7 | 19.299.853.414 | 24.228.654.262 |
| 137 | 4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | | (1.380.699.375) | - |
| 140 | IV. Hàng tồn kho | 9 | 32.511.308.079 | 33.222.881.870 |
| 141 | 1. Hàng tồn kho | | 32.511.308.079 | 33.222.881.870 |
| 150 | V. Tài sản ngắn hạn khác | | 14.351.047.607 | 16.955.410.027 |
| 151 | 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 14 | 2.895.455.780 | 7.053.530.123 |
| 152 | 2. Thuế GTGT được khấu trừ | | 3.080.645.228 | 1.526.933.305 |
| 153 | 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 17 | 8.374.946.599 | 8.374.946.599 |
| 200 | B. TÀI SẢN DÀI HẠN | | 796.755.433.166 | 882.698.107.540 |
| 220 | II. Tài sản cố định | | 781.361.525.851 | 877.764.136.840 |
| 221 | 1. Tài sản cố định hữu hình | 11 | 781.361.525.851 | 877.764.136.840 |
| 222 | - Nguyên giá | | 1.667.808.385.433 | 1.668.555.738.593 |
| 223 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (886.446.859.582) | (790.791.601.753) |
| 227 | 2. Tài sản cố định vô hình | 12 | - | - |
| 228 | - Nguyên giá | | 238.654.500 | 238.654.500 |
| 229 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (238.654.500) | (238.654.500) |
| 230 | III. Bất động sản đầu tư | 13 | - | - |
| 231 | - Nguyên giá | | 5.785.803.477 | 5.785.803.477 |
| 232 | - Giá trị hao mòn lũy kế | | (5.785.803.477) | (5.785.803.477) |
| 240 | IV. Tài sản dở dang dài hạn | | 91.957.200 | 91.957.200 |
| 242 | 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 10 | 91.957.200 | 91.957.200 |
| 250 | V. Đầu tư tài chính dài hạn | 4 | 4.286.982.250 | 4.404.613.500 |
| 253 | 1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | 5.998.468.525 | 5.998.468.525 |
| 254 | 2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | | (1.711.486.275) | (1.593.855.025) |
| 260 | VI. Tài sản dài hạn khác | | 11.014.967.865 | 437.400.000 |
| 261 | 1. Chi phí trả trước dài hạn | 14 | 11.014.967.865 | 437.400.000 |
| 270 | TỔNG CỘNG TÀI SẢN | | 948.236.079.481 | 1.055.937.184.571 |

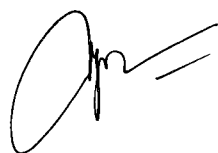
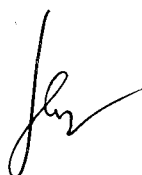
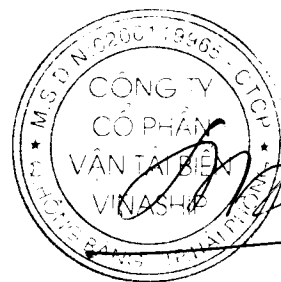


CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁNTại ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|------------|---|-------------|------------------------|--------------------------|
| | | | VND | VND |
| 300 | C. NỢ PHẢI TRẢ | | 870.779.879.554 | 879.868.585.185 |
| 310 | I. Nợ ngắn hạn | | 376.228.741.824 | 321.137.981.485 |
| 311 | 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 15 | 59.251.784.467 | 42.790.780.549 |
| 312 | 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 16 | 1.095.600.422 | 367.278.722 |
| 313 | 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 17 | 3.060.968.574 | 3.115.540.191 |
| 314 | 4. Phải trả người lao động | | 9.692.267.568 | 14.059.855.088 |
| 315 | 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 18 | 4.194.466.839 | 4.275.461.903 |
| 318 | 6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 19 | 68.393.939 | 22.393.937 |
| 319 | 7. Phải trả ngắn hạn khác | 20 | 47.006.088.442 | 41.449.807.527 |
| 320 | 8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 21 | 248.041.027.473 | 210.853.419.468 |
| 322 | 9. Quỹ khen thưởng phúc lợi | | 3.818.144.100 | 4.203.444.100 |
| 330 | II. Nợ dài hạn | | 494.551.137.730 | 558.730.603.700 |
| 337 | 1. Phải trả dài hạn khác | 20 | 3.930.514.730 | - |
| 338 | 2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 21 | 490.620.623.000 | 558.730.603.700 |
| 400 | D. VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 77.456.199.927 | 176.068.599.386 |
| 410 | I. Vốn chủ sở hữu | 22 | 77.456.199.927 | 176.068.599.386 |
| 411 | 1. Vốn góp của chủ sở hữu | | 200.000.000.000 | 200.000.000.000 |
| 411a | Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 200.000.000.000 | 200.000.000.000 |
| 418 | 2. Quỹ đầu tư phát triển | | 82.932.721.854 | 82.932.721.854 |
| 421 | 3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | | (205.476.521.927) | (106.864.122.468) |
| 421a | LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | | (106.864.122.468) | (67.157.721.512) |
| 421b | LNST chưa phân phối năm nay | | (98.612.399.459) | (39.706.400.956) |
| 440 | TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | | 948.236.079.481 | 1.055.937.184.571 |


Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập

Trần Thị Thanh Hương
Kế toán trưởngVương Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 19 tháng 01 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016

(Theo phương pháp trực tiếp)

| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm 2016 | Năm 2015 |
|--|---|-------------|-------------------------|-------------------------|
| | | | VND | VND |
| I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| 01 | 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác | | 554.707.395.498 | 728.938.927.562 |
| 02 | 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ | | (404.791.163.937) | (524.067.019.892) |
| 03 | 3. Tiền chi trả cho người lao động | | (73.501.438.549) | (86.240.146.658) |
| 04 | 4. Tiền lãi vay đã trả | | (30.643.109.294) | (43.319.821.527) |
| 06 | 5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | | 16.937.880.362 | 19.205.077.928 |
| 07 | 6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | | (39.932.468.509) | (51.481.614.390) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | | 22.777.095.571 | 43.035.403.023 |
| II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| 21 | 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | (1.382.837.561) | (54.200.000) |
| 22 | 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | | 471.000.000 | 54.975.000.000 |
| 23 | 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | | (60.854.960.395) | (15.000.000.000) |
| 24 | 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | | 45.254.375.193 | - |
| 26 | 5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | - | 6.885.000 |
| 27 | 6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | | 2.181.277.700 | 40.213.512 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | | (14.331.145.063) | 39.967.898.512 |
| III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| 33 | 1. Tiền thu từ đi vay | | 289.289.308.631 | 336.841.273.031 |
| 34 | 2. Tiền trả nợ gốc vay | | (326.220.127.562) | (391.151.282.036) |
| 36 | 3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | | (8.775.000) | (1.580.000) |
| 40 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | | (36.939.593.931) | (54.311.589.005) |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong năm | | (28.493.643.423) | 28.691.712.530 |



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2016

(Theo phương pháp trực tiếp)

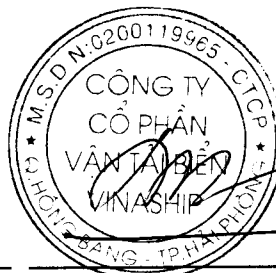
| Mã số | CHỈ TIÊU | Thuyết minh | Năm 2016 | Năm 2015 |
|-------|---|-------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | VND | VND |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu năm | | 42.374.661.125 | 13.667.212.048 |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | | (990.080) | 15.736.547 |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối năm | 3 | <u>13.880.027.622</u> | <u>42.374.661.125</u> |



Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập

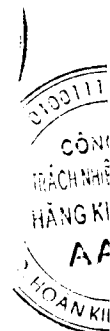


Trần Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng



Vương Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 19 tháng 01 năm 2017



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship trước đây là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203002740 (mã số doanh nghiệp là 0200119965) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 23 tháng 10 năm 2013.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 200.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 200.000.000.000 đồng; tương đương 20.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

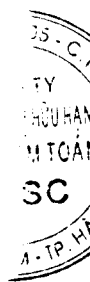
Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực vận tải biển.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển. Dịch vụ đại lý vận tải đường biển. Dịch vụ giao nhận, nâng cẩu, kiểm đếm hàng hóa. Dịch vụ khai thuê hải quan. Dịch vụ môi giới thuê tàu biển (không bao gồm thủy thủ đoàn). Môi giới hàng hải. Dịch vụ cung ứng tàu biển. Dịch vụ Logistics. Đại lý bán vé máy bay, vé tàu. Dịch vụ môi giới vận tải. Dịch vụ vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận tải hàng không và hoạt động không chung). Đại lý container. Khai thác cảng, biển. Dịch vụ quản lý tàu.);
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động (Chi tiết: Dịch vụ hợp tác lao động);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (Chi tiết: Cho thuê văn phòng);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Chi tiết: Khách sạn, nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác (Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn chuyên doanh khác (Chi tiết: Phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại);
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) (Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải biển);
- Bốc xếp hàng hóa (Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa ga đường sắt, đường bộ, cảng biển, cảng sông);
- Đại lý, môi giới, đấu giá (không bao gồm đại lý hàng hóa bảo hiểm, chứng khoán, môi giới bảo hiểm, chứng khoán, tài chính, bất động sản);
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;



Ngành nghề kinh doanh (tiếp theo):

- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm (Chi tiết: Đại lý bảo hiểm);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

- Tại thời điểm 31/12/2016, lỗ lũy kế là 205.476.521.927 đồng (tại 31/12/2015 là 106.864.122.468 đồng), nợ ngắn hạn của Công ty lớn hơn tài sản ngắn hạn số tiền 224.748.095.509 đồng (tại 31/12/2015 là 147.898.904.454 đồng). Việc thiếu hụt vốn lưu động có thể ảnh hưởng đến khả năng thanh toán hiện tại và khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Công ty.

Để đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty, Ban Giám đốc đang làm việc với các ngân hàng để điều chỉnh lại kế hoạch trả nợ của các khoản vay dài hạn để mua, đóng mới tàu biển theo Quyết định số 276/QĐ-Ttg ngày 04/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án tái cơ cấu Tổng công ty Hàng hải Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015. Theo Quyết định này, Chính phủ chỉ đạo các Bộ Giao thông Vận tải, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng hỗ trợ, giúp đỡ giải quyết các khó khăn hiện tại của doanh nghiệp như cơ cấu lại các khoản vay theo hướng giãn, khoanh nợ gốc và miễn, giảm lãi vay. Tổng công ty Hàng hải Việt Nam cũng chỉ đạo các doanh nghiệp thành viên làm việc với các ngân hàng thực hiện cơ cấu các khoản nợ vay như trên. Vì vậy, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giả định hoạt động liên tục là phù hợp.

- Trong năm 2016, thị trường tàu hàng khô thế giới vẫn tiếp tục diễn biến xấu, thị trường vận tải biển ảm đạm, nguồn cung tấn trọng tải rỗng vượt xa lượng cầu vận chuyển hàng hóa, tình trạng nhiều tàu cạnh tranh một đơn hàng là rất phổ biến khiến người vận tải luôn ở thế bất lợi trong đàm phán giá cước và các điều kiện vận chuyển, đồng thời bị động về các phương án khai thác. Thời gian chuyển kéo dài do mật độ tàu tham gia vận chuyển quá đông, gặp nhiều lần khả năng giải phóng binh quân của cảng dỡ hàng. Trong năm 2016, công ty có 05 tàu lên đà sửa chữa lớn làm giảm số ngày tàu khai thác. Vì vậy, doanh thu vận tải biển trong năm 2016 sụt giảm so với năm 2015 đồng thời năm 2016 không có thu nhập bán tàu, ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh toàn công ty. Bên cạnh đó việc có 05 tàu lên đà sửa chữa lớn làm cho doanh thu vận tải biển sụt giảm nhưng chi phí đội tàu không giảm tương ứng dẫn đến kết quả kinh doanh năm 2016 lỗ tăng cao so với cùng kỳ.

Cấu trúc doanh nghiệp**Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:**

| | Địa chỉ | Hoạt động kinh doanh chính |
|-------------------------------------|----------------|--|
| Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh | Hồ Chí Minh | Vận tải biển, đại lý vận tải biển |
| Chi nhánh tại Đà Nẵng | Đà Nẵng | Vận tải biển, đại lý vận tải biển |
| Chi nhánh tại Quảng Ninh | Quảng Ninh | Vận tải biển, đại lý vận tải biển |
| Xí nghiệp dịch vụ vận tải | Hải Phòng | Xếp dỡ, đại lý giao nhận, vận chuyển container và các hàng hóa khác, ... |
| Xí nghiệp xếp dỡ vận tải và dịch vụ | Hải Phòng | Dịch vụ xếp dỡ, thu gom hàng hóa, đại lý mua bán ký gửi hàng hóa, |

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.



Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định và bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- | | | |
|-----------------------------------|---------|-----|
| - Nhà cửa, vật kiến trúc | 05 - 25 | năm |
| - Máy móc, thiết bị | 06 - 10 | năm |
| - Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 04 - 20 | năm |
| - Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 06 | năm |
| - Phần mềm quản lý | 03 - 06 | năm |

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 05 - 30 năm

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng kế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả,... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Ưu đãi thuế

Theo văn bản số 562/CT-TT&HT ngày 04/05/2013 của Cục thuế Thành phố Hải Phòng, Công ty được hưởng những ưu đãi về thuế như sau:

1. Ưu đãi thuế TNDN đối với thu nhập có được thuộc các ngành, nghề lĩnh vực kinh doanh có trong đăng ký kinh doanh của Công ty do Cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước:

- Ưu đãi thuế suất thuế TNDN: Công ty được hưởng thuế suất thuế TNDN 20% từ năm 2007 đến năm 2016.
- Ưu đãi miễn, giảm thuế TNDN: Công ty được miễn 02 năm (năm 2007 và 2008) và giảm 50% số thuế TNDN phải nộp 03 năm tiếp theo (từ năm 2009 đến năm 2011).

Các khoản thu nhập không thuộc các ngành, nghề lĩnh vực kinh doanh có trong đăng ký kinh doanh của Công ty thì không được ưu đãi thuế TNDN (gồm ưu đãi thuế suất và ưu đãi miễn thuế, giảm thuế).

2. Ưu đãi thuế suất thuế TNDN đối với thu nhập từ thanh lý tàu biển (tài sản cố định được sử dụng để vận tải biển thuộc ngành, nghề lĩnh vực kinh doanh có trong đăng ký kinh doanh của Công ty): Công ty phát sinh thu nhập là thanh lý tàu biển (là tài sản cố định được sử dụng để vận tải biển thuộc ngành, nghề lĩnh vực kinh doanh được ưu đãi) thì được hưởng ưu đãi như mục 1 nếu Công ty thực hiện trích khấu hao cao hơn mức tối thiểu và hạch toán sửa chữa tàu vào chi phí hợp lý khi tính thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 731.352.500 | 1.349.954.520 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 13.148.675.122 | 28.024.706.605 |
| Các khoản tương đương tiền | - | 13.000.000.000 |
| | 13.880.027.622 | 42.374.661.125 |

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

| | 31/12/2016 | | 01/01/2016 | |
|----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| | VND | VND | VND | VND |
| Đầu tư ngắn hạn | 30.600.585.202 | 30.600.585.202 | 15.000.000.000 | 15.000.000.000 |
| - Tiền gửi có kỳ hạn | 30.600.585.202 | 30.600.585.202 | 15.000.000.000 | 15.000.000.000 |
| | 30.600.585.202 | 30.600.585.202 | 15.000.000.000 | 15.000.000.000 |

Tại 31/12/2016, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Phát triển - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh với lãi suất 5,4%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

| | 31/12/2016 | | | 01/01/2016 | | |
|---|----------------------|--------------------|------------------------|----------------------|--------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng | Giá gốc | Giá trị hợp lý | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| b) Đầu tư vào đơn vị khác | 5.998.468.525 | 101.942.250 | (1.711.486.275) | 5.998.468.525 | 219.573.500 | (1.593.855.025) |
| - Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam | 409.605 | 319.050 | (90.555) | 409.605 | 307.300 | (102.305) |
| - Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam | 1.276.000.000 | 61.200.000 | (1.214.800.000) | 1.276.000.000 | 162.000.000 | (1.114.000.000) |
| - Công ty Cổ phần Vận tải và Thuê tàu biển Việt Nam | 537.018.920 | 40.423.200 | (496.595.720) | 537.018.920 | 57.266.200 | (479.752.720) |
| - Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam (*) | 4.185.040.000 | | - | 4.185.040.000 | | - |
| | 5.998.468.525 | 101.942.250 | (1.711.486.275) | 5.998.468.525 | 219.573.500 | (1.593.855.025) |

Ghi chú: Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư là cổ phiếu niêm yết trên thị trường được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu trên các sàn giao dịch tại ngày 31/12/2016.

(*): Đối với cổ phiếu Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam là cổ phiếu chưa niêm yết, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn | | |
| - Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại DIC | - | 4.273.500.000 |
| - Công ty TNHH Friesland Campina Việt Nam | 3.742.790.150 | 8.265.549.600 |
| - Các khoản phải thu khách hàng khác | 35.456.760.432 | 28.743.420.147 |
| | 39.199.550.582 | 41.282.469.747 |

6 . TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN CHO NGƯỜI BÁN

| | 31/12/2016 | | 01/01/2016 | |
|---|----------------------|----------|--------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Cty TNHH MTV đóng tàu Nam Triệu | 3.000.000.000 | - | - | - |
| Công ty Cổ phần Công nghệ Quang Trung | - | - | 100.000.000 | - |
| Trường Cao đẳng Bách nghệ Hải Phòng | - | - | 75.000.000 | - |
| Trả trước cho người bán khác | 18.973.184 | - | - | - |
| | 3.018.973.184 | - | 175.000.000 | - |

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

| | 31/12/2016 | | 01/01/2016 | |
|--|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Phải thu về bảo hiểm xã hội | 2.237.753.263 | - | 2.781.001.367 | - |
| Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp | 84.654.394 | - | 119.808.126 | - |
| Tạm ứng | 5.091.377.498 | - | 6.270.409.411 | - |
| Ký cược, ký quỹ | - | - | 2.155.924.849 | - |
| Các khoản chi hộ | 1.103.319.653 | - | 1.238.552.884 | - |
| Phải thu về sửa chữa tàu chi hộ Công ty Vinashinlines | 7.342.487.574 | - | 7.342.487.574 | - |
| Phải thu tiền bảo hiểm | 2.642.995.315 | - | 3.502.799.582 | - |
| Phải thu khác | 797.265.717 | - | 817.670.469 | - |
| | 19.299.853.414 | - | 24.228.654.262 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

8 . NỢ XẤU

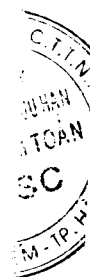
| | 31/12/2016 | | 01/01/2016 | |
|---|----------------------|------------------------|------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| | VND | VND | VND | VND |
| Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi | | | | |
| - Công ty TNHH thương mại dịch vụ Tân Đông Thuận | 636.440.000 | - | - | - |
| - Sky Ocean Shipping | 484.952.633 | - | - | - |
| - Các đối tượng khác | 259.306.742 | - | - | - |
| | 1.380.699.375 | - | - | - |

9 . HÀNG TỒN KHO

| | 31/12/2016 | | 01/01/2016 | |
|-----------------------|-----------------------|----------|-----------------------|----------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Nguyên liệu, vật liệu | 32.075.067.999 | - | 32.799.470.738 | - |
| Hàng hoá | 436.240.080 | - | 423.411.132 | - |
| | 32.511.308.079 | - | 33.222.881.870 | - |

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|--|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 91.957.200 | 91.957.200 |
| - Dự án xây bãi Container Hậu Phương Đình Vũ - Hải Phòng | 91.957.200 | 91.957.200 |
| | 91.957.200 | 91.957.200 |



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|-------------------------------------|------------------------|--------------------|------------------------------------|---------------------------|--------------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND |
| Nguyên giá | | | | | |
| Số dư đầu năm | 27.594.201.494 | 100.752.694 | 1.640.526.630.156 | 334.154.249 | 1.668.555.738.593 |
| - Mua trong năm | - | 30.000.000 | 1.037.323.636 | - | 1.067.323.636 |
| - Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | 201.700.856 | - | - | - | 201.700.856 |
| - Thanh lý, nhượng bán | (155.635.000) | - | (1.860.742.652) | - | (2.016.377.652) |
| Số dư cuối năm | 27.640.267.350 | 130.752.694 | 1.639.703.211.140 | 334.154.249 | 1.667.808.385.433 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | | |
| Số dư đầu năm | 13.842.754.218 | 100.752.694 | 776.555.398.560 | 292.696.281 | 790.791.601.753 |
| - Khấu hao trong năm | 1.122.536.090 | 2.004.609 | 96.519.924.323 | 12.318.180 | 97.656.783.202 |
| - Thanh lý, nhượng bán | (140.782.721) | - | (1.860.742.652) | - | (2.001.525.373) |
| Số dư cuối năm | 14.824.507.587 | 102.757.303 | 871.214.580.231 | 305.014.461 | 886.446.859.582 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Tại ngày đầu năm | 13.751.447.276 | - | 863.971.231.596 | 41.457.968 | 877.764.136.840 |
| Tại ngày cuối năm | 12.815.759.763 | 27.995.391 | 768.488.630.909 | 29.139.788 | 781.361.525.851 |

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 765.680.759.113 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 72.656.240.278 đồng.



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Toàn bộ tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với tổng nguyên giá là 238.654.500 đồng.

13 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản của Công ty bao gồm hệ thống bãi Container, nhà kho và các công trình phụ trợ tại Hải Phòng và Đà Nẵng được sử dụng để cho thuê với tổng nguyên giá là 5.785.803.477 đồng, giá trị hao mòn lũy kế đến 31/12/2016 là 5.785.803.477 đồng.

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|--|-----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| a) Ngắn hạn | | |
| Chi phí trả trước về bảo hiểm tàu biển | 2.842.118.307 | 528.770.340 |
| Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ | - | 6.317.469.889 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn khác | 53.337.473 | 207.289.894 |
| | 2.895.455.780 | 7.053.530.123 |
| b) Dài hạn | | |
| Chi phí công ước lao động hàng hải các tàu | - | 437.400.000 |
| Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ | 11.014.967.865 | - |
| | 11.014.967.865 | 437.400.000 |

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | 31/12/2016 | | 01/01/2016 | |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả | Giá trị | Số có khả năng trả |
| | VND | nợ VND | VND | nợ VND |
| Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn | | | | |
| MONJASA | 3.794.761.700 | 3.794.761.700 | 7.426.720.931 | 7.426.720.931 |
| BMS United | 7.179.448.184 | 7.179.448.184 | 598.139.442 | 598.139.442 |
| Bunkers (Asia) | | | | |
| PTE LTD | | | | |
| Phải trả các đối tượng khác | 48.277.574.583 | 48.277.574.583 | 34.765.920.176 | 34.765.920.176 |
| | 59.251.784.467 | 59.251.784.467 | 42.790.780.549 | 42.790.780.549 |

16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|----------------------------------|----------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Tổng Công ty lương thực miền Nam | 726.556.949 | 7.391.586 |
| Thorco Shipping A/S, Dlenmark | 248.856.905 | 245.900.839 |
| Người mua trả tiền trước khác | 120.186.568 | 113.986.297 |
| | 1.095.600.422 | 367.278.722 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

| | Số phải thu đầu năm | Số phải nộp đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã thực nộp trong năm | Số phải thu cuối năm | Số phải nộp cuối năm |
|-----------------------------|----------------------|----------------------|-----------------------|--------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Thuế Giá trị gia tăng | 801.682 | 3.035.072.575 | 1.063.486.259 | 1.064.007.732 | 801.682 | 3.034.551.102 |
| Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu | - | - | 167.049.903 | 167.049.903 | - | - |
| Thuế Thu nhập doanh nghiệp | 8.374.144.917 | - | - | - | 8.374.144.917 | - |
| Thuế Thu nhập cá nhân | - | 80.467.616 | 296.810.664 | 350.860.808 | - | 26.417.472 |
| Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất | - | - | 1.545.916.500 | 1.545.916.500 | - | - |
| Các loại thuế khác | - | - | 7.000.000 | 7.000.000 | - | - |
| | 8.374.946.599 | 3.115.540.191 | 3.080.263.326 | 3.134.834.943 | 8.374.946.599 | 3.060.968.574 |

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|-----------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| - Chi phí lãi vay | 1.024.695.660 | 1.435.166.620 |
| - Chi phí bảo hiểm phải trả | 665.233.179 | 2.690.455.283 |
| - Chi phí phải trả khác | 2.504.538.000 | 149.840.000 |
| | 4.194.466.839 | 4.275.461.903 |

19 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|--|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| - Doanh thu nhận trước tiền thuê văn phòng | 68.393.939 | 22.393.937 |
| | 68.393.939 | 22.393.937 |

20 . PHẢI TRẢ KHÁC

| | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| a) Ngắn hạn | | |
| - Kinh phí công đoàn | 2.714.231.145 | 2.694.052.769 |
| - Bảo hiểm y tế | 148.661.477 | 37.050.886 |
| - Phải trả về cổ phần hoá | 2.401.379.706 | 2.401.379.706 |
| - Cổ tức, lợi nhuận phải trả | 10.029.205.000 | 10.037.980.000 |
| - Phải trả lãi vay | 25.492.500.162 | 18.925.873.977 |
| - Phải trả lương giữ hộ thuyền viên | 3.747.768.014 | 2.072.482.577 |
| - Phải trả khác cho thuyền viên | - | 727.041.994 |
| - Phải trả thuế TNCN của thuyền viên | 144.090.249 | 2.924.413.580 |
| - Các khoản phải trả, phải nộp khác | 2.328.252.689 | 1.629.532.038 |
| | 47.006.088.442 | 41.449.807.527 |
| b) Dài hạn | | |
| - Phải trả lãi vay | 3.930.514.730 | - |
| | 3.930.514.730 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

21 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

| | 01/01/2016 | | Trong năm | | 31/12/2016 | |
|--|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Tăng | Giảm | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| a) Vay ngắn hạn | | | | | | |
| Vay ngắn hạn | 122.533.666.967 | 122.533.666.967 | 289.633.288.701 | 295.923.825.163 | 116.243.130.505 | 116.243.130.505 |
| - Vay ngắn hạn Ngân hàng | 97.543.666.967 | 97.543.666.967 | 289.333.288.701 | 295.923.825.163 | 90.953.130.505 | 90.953.130.505 |
| - Vay cá nhân | 24.990.000.000 | 24.990.000.000 | 300.000.000 | - | 25.290.000.000 | 25.290.000.000 |
| Nợ dài hạn đến hạn trả | 88.319.752.501 | 88.319.752.501 | 78.779.274.416 | 35.301.129.949 | 131.797.896.968 | 131.797.896.968 |
| | 210.853.419.468 | 210.853.419.468 | 368.412.563.117 | 331.224.955.112 | 248.041.027.473 | 248.041.027.473 |
| b) Vay dài hạn | | | | | | |
| - Vay dài hạn Ngân hàng | 647.050.356.201 | 647.050.356.201 | 13.303.537.000 | 37.935.373.233 | 622.418.519.968 | 622.418.519.968 |
| - Trái phiếu thường | - | - | - | - | - | - |
| - Nợ thuê tài chính dài hạn | - | - | - | - | - | - |
| | 647.050.356.201 | 647.050.356.201 | 13.303.537.000 | 37.935.373.233 | 622.418.519.968 | 622.418.519.968 |
| Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng | (88.319.752.501) | (88.319.752.501) | (78.779.274.416) | (35.301.129.949) | (131.797.896.968) | (131.797.896.968) |
| Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng | 558.730.603.700 | 558.730.603.700 | | | 490.620.623.000 | 490.620.623.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,

Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

| STT | Ngân hàng / Hợp đồng | Hạn mức tín dụng | Thời hạn của hợp đồng | Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2016 | | | Mục đích vay |
|----------|--|--|---|---------------------------------|----------------|------------------------|--|
| | | | | USD | VND | Tổng VND tương đương | |
| 1 | Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng | | | | | 70.238.297.891 | |
| | Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0509/2016/HĐTDMRS ngày 26/07/2016 | 70 tỷ đồng hoặc ngoại tệ tương đương | 12 tháng kể từ ngày 21/07/2016 | 491.615,63 | 59.024.545.371 | 70.238.297.891 | Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh |
| 2 | Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh - Chi nhánh Hải Phòng | | | | | 20.714.832.614 | |
| | Hợp đồng tín dụng hạn mức số 2921/16/HĐTDHM-DN/099 ngày 28/07/2016 | 287.000 USD hoặc VND quy đổi tương đương | 12 tháng từ ngày 28/07/2016 đến ngày 28/07/2017 | | | | |
| | Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0820/15/HĐTDHM-DN/099 ngày 28/12/2015. Gia hạn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 6488/16/HĐTDHM-DN/099 ngày 18/01/2017. | 700.000 USD hoặc VND quy đổi tương đương | 12 tháng từ ngày 28/12/2015 đến ngày 28/12/2016. Gia hạn từ 18/01/2017 đến 18/01/2018 | 908.146,98 | - | 20.714.832.614 | Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh vận tải biển |
| 3 | Vay các cá nhân khác | | | | | 25.290.000.000 | |
| | Căn cứ các hợp đồng vay cá nhân cụ thể | Không áp dụng | 12 tháng | - | 25.290.000.000 | 25.290.000.000 | Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh |
| | Tổng cộng | | | | | 116.243.130.505 | |

Ghi chú: Lãi suất vay của các hợp đồng tín dụng được áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh theo từng thời kỳ theo quy định của các ngân hàng. Các khoản vay từ ngân hàng được bảo đảm bằng các hợp đồng thế chấp với bên cho vay vốn và đã được đăng ký giao dịch đảm bảo đầy đủ.

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

| STT | Ngân hàng | Thời hạn vay | Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2016 | | | Số dư nợ gốc phải trả trong năm 2017 | | | Mục đích vay |
|----------|---|---|---------------------------------|----------------|------------------------|--------------------------------------|--------------|-----------------------|---|
| | | | VND | USD | Tổng VND tương đương | VND | USD | Tổng VND tương đương | |
| 1 | Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng | | | | 102.035.450.000 | | | 63.812.400.000 | |
| | Hợp đồng tín dụng sửa đổi số 01A/2011/HĐTĐĐC-NHPT ngày 31/08/2011 (sửa đổi hợp đồng vay vốn tín dụng số 01/2007/HĐTĐ ngày 31/01/2007) | 180 tháng từ ngày rút vốn lần đầu (tháng 12/2006) | 72.335.450.000 | - | 72.335.450.000 | 35.878.800.000 | - | 35.878.800.000 | Đầu tư dự án đóng mới tàu chở hàng khô 12.500 DWT - chiếc 03/KH 2005 |
| | Hợp đồng tín dụng sửa đổi số 02A/2011/HĐTĐĐC-NHPT ngày 31/08/2011 (sửa đổi hợp đồng vay vốn tín dụng số 02/2007/HĐTĐ ngày 31/01/2007) | 180 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu (tháng 4/2003) | 29.700.000.000 | - | 29.700.000.000 | 27.933.600.000 | - | 27.933.600.000 | Đầu tư dự án đóng tàu chở hàng bách hóa loại 6.500 DWT tại nhà máy đóng tàu biển trong nước |
| 2 | Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Hải Phòng | | | | 164.987.011.000 | | | 45.515.074.000 | |
| | Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0033/09/HP ngày 11/03/2009 và các phụ lục bổ sung | 132 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên (ngày 27/03/2009) | | - 3.242.700,00 | 73.965.987.000 | | - 997.800,00 | 22.759.818.000 | Mua tàu chở hàng khô Vinaship Diamond theo hợp đồng mua bán tàu biển ngày 05/03/2009 |
| | Hợp đồng tín dụng dài hạn số 0198/09/HP ngày 12/10/2009 và các phụ lục bổ sung | 132 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên (ngày 17/10/2009) | | - 3.990.400,00 | 91.021.024.000 | | - 997.600 | 22.755.256.000 | Mua tàu chở hàng khô Vinaship Pearl theo hợp đồng mua bán tàu biển ngày 25/08/2009 |

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

| STT | Ngân hàng | Thời hạn vay | Số dư nợ gốc vay đến 31/12/2016 | | | Số dư nợ gốc phải trả trong năm 2017 | | | Mục đích vay |
|-----|---|---|---------------------------------|----------------|------------------------|--------------------------------------|--------------|------------------------|--|
| | | | VND | USD | Tổng VND tương đương | VND | USD | Tổng VND tương đương | |
| 3 | Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Lê Chân | | | | 143.616.613.968 | | | 9.696.822.968 | |
| | Hợp đồng tín dụng số 01.09/HĐTD-DH ngày 01/12/2009 và các văn bản sửa đổi bổ sung | 180 tháng kể từ ngày 04/01/2010 đến ngày 04/01/2025 | | - 6.296.212,80 | 143.616.613.968 | | - 425.112,80 | 9.696.822.968 | Mua tàu biển Vinaship Sea, trọng tải 27.841 tấn, do Nhật Bản sản xuất năm 1998 |
| 4 | Ngân hàng TMCP Bảo Việt - Chi nhánh Hải Phòng và Ngân hàng Indovina - Chi nhánh Đống Đa | | | | 211.779.445.000 | | | 12.773.600.000 | |
| | Hợp đồng tín dụng số 015/2011/HĐCVHV/BVBHP-IVBMĐ-VNA ngày 17/02/2011 | 180 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên theo hợp đồng cho vay (ngày 07/03/2011) | | - 9.284.500,00 | 211.779.445.000 | | - 560.000,00 | 12.773.600.000 | Đầu tư mua tàu chở hàng tổng hợp Vinaship Star trọng tải 23.949 DWT |
| | Tổng cộng | | | | 622.418.519.968 | | | 131.797.896.968 | |

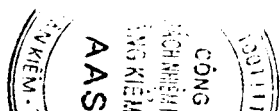
Ghi chú: Lãi suất vay của các hợp đồng tín dụng được áp dụng lãi suất thả nổi, điều chỉnh theo từng thời kỳ theo quy định của các ngân hàng và các khoản vay này đều được thế chấp bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

22 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Quỹ đầu tư phát triển | Lợi nhuận chưa phân phối | Cộng |
|----------------------|---------------------------|-----------------------|--------------------------|------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Số dư đầu năm trước | 200.000.000.000 | 82.932.721.854 | (67.157.721.512) | 215.775.000.342 |
| Lỗ trong năm trước | - | - | (39.706.400.956) | (39.706.400.956) |
| Số dư cuối năm trước | 200.000.000.000 | 82.932.721.854 | (106.864.122.468) | 176.068.599.386 |
| Số dư đầu năm nay | 200.000.000.000 | 82.932.721.854 | (106.864.122.468) | 176.068.599.386 |
| Lỗ trong năm nay | - | - | (98.612.399.459) | (98.612.399.459) |
| Số dư cuối năm nay | 200.000.000.000 | 82.932.721.854 | (205.476.521.927) | 77.456.199.927 |



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

| | <u>Tỷ lệ</u> | <u>Cuối năm</u> | <u>Tỷ lệ</u> | <u>Đầu năm</u> |
|--------------------------------|--------------|------------------------|--------------|------------------------|
| | (%) | VND | (%) | VND |
| Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam | 51,00% | 102.000.000.000 | 51,00% | 102.000.000.000 |
| Các cổ đông khác | 49,00% | 98.000.000.000 | 49,00% | 98.000.000.000 |
| | 100% | 200.000.000.000 | 100% | 200.000.000.000 |

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

| | <u>Năm 2016</u> | <u>Năm 2015</u> |
|---------------------------|-----------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 200.000.000.000 | 200.000.000.000 |
| - <i>Vốn góp đầu năm</i> | 200.000.000.000 | 200.000.000.000 |
| - <i>Vốn góp cuối năm</i> | 200.000.000.000 | 200.000.000.000 |

d) Cổ phiếu

| | <u>31/12/2016</u> | <u>01/01/2016</u> |
|--|-------------------|-------------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 20.000.000 | 20.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 20.000.000 | 20.000.000 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 20.000.000 | 20.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 20.000.000 | 20.000.000 |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i> | 20.000.000 | 20.000.000 |
| Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND) | 10.000 | 10.000 |

e) Các quỹ công ty

| | <u>31/12/2016</u> | <u>01/01/2016</u> |
|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Quỹ đầu tư phát triển | 82.932.721.854 | 82.932.721.854 |
| | 82.932.721.854 | 82.932.721.854 |

23 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**a) Ngoại tệ các loại**

| | <u>31/12/2016</u> | <u>01/01/2016</u> |
|-----------------------|-------------------|-------------------|
| - Đồng đô la Mỹ (USD) | 313.948,70 | 116.092,08 |

b) Nợ khó đòi đã xử lý

| | <u>31/12/2016</u> | <u>01/01/2016</u> |
|---------------------|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Phải thu khách hàng | 303.509.700 | 303.509.700 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|----------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu hoạt động vận tải biển | 424.329.876.172 | 549.988.545.481 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ | 107.856.037.874 | 145.334.338.912 |
| | <u>532.185.914.046</u> | <u>695.322.884.393</u> |

25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| | VND | VND |
| Giá vốn của hoạt động vận tải biển | 451.211.924.208 | 508.521.305.585 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 98.532.879.872 | 133.886.610.333 |
| | <u>549.744.804.080</u> | <u>642.407.915.918</u> |

26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|---|-----------------------------|-----------------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi, lãi cho vay | 2.001.738.717 | 50.181.361 |
| Lãi bán các khoản đầu tư | - | 2.100.000 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 7.000 | 157.000 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm | 5.629.813.024 | 1.548.823.413 |
| | <u>7.631.558.741</u> | <u>1.601.261.774</u> |

27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|---|------------------------------|------------------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền vay | 40.966.344.084 | 38.294.674.473 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm | 5.071.624.646 | 3.520.587.032 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm | 6.659.027.351 | 28.372.438.956 |
| Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư | 117.631.250 | 236.864.800 |
| Chi phí tài chính khác | 7.136.426 | 9.300.773 |
| | <u>52.821.763.757</u> | <u>70.433.866.034</u> |

28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|--------------------------|-----------------------------|------------------------------|
| | VND | VND |
| Hoa hồng phí cho các tàu | 6.416.081.919 | 10.207.377.530 |
| | <u>6.416.081.919</u> | <u>10.207.377.530</u> |

111
CÔNG
NHỆ
G KI
A F
1 N KI

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thu, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|-------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 617.633.183 | 1.073.662.714 |
| Chi phí nhân công | 17.003.015.287 | 17.807.906.934 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 358.686.719 | 270.683.010 |
| Thuế, phí, lệ phí | 23.568.000 | 556.193.000 |
| Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng | 1.380.699.375 | (38.724.000) |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 6.567.820.244 | 5.415.237.849 |
| Chi phí khác bằng tiền | 2.825.557.317 | 2.454.559.479 |
| | 28.776.980.125 | 27.539.518.986 |

30 . THU NHẬP KHÁC

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|--|--------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định | 438.329.538 | 13.802.259.093 |
| Lãi chậm nộp được miễn | - | 436.118.902 |
| Thu nhập khác | 12.643.497 | 52.098.263 |
| | 450.973.035 | 14.290.476.258 |

31 . CHI PHÍ KHÁC

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|----------------------------|----------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Cãng phí các tàu cũ đã bán | 815.481.143 | - |
| Chi phí khác | 305.734.257 | 332.344.913 |
| | 1.121.215.400 | 332.344.913 |

32 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|---|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | (98.612.399.459) | (39.706.400.956) |
| Các khoản điều chỉnh tăng | 60.533.312 | 56.999.423 |
| - Chi phí không hợp lệ | 24.000.000 | 53.969.721 |
| - Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối năm | 36.533.312 | 3.029.702 |
| Các khoản điều chỉnh giảm | (173.505.274.673) | (133.855.866.140) |
| - Cổ tức, lợi nhuận được chia | (7.000) | (157.000) |
| - Chuyển lỗ các năm trước | (173.505.267.673) | (133.855.709.140) |
| Thu nhập chịu thuế TNDN | (272.057.140.820) | (173.505.267.673) |
| Thuế suất thuế TNDN | 20% | 20% |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | - | - |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm | (8.374.144.917) | (8.374.144.917) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm | - | - |
| Thuế TNDN phải nộp cuối năm | (8.374.144.917) | (8.374.144.917) |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

33 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|---|------------------|------------------|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận sau thuế | (98.612.399.459) | (39.706.400.956) |
| Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông | (98.612.399.459) | (39.706.400.956) |
| Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm | 20.000.000 | 20.000.000 |
| Lãi cơ bản trên cổ phiếu | (4.931) | (1.985) |

34 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|-------------------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 149.596.181.851 | 197.482.876.797 |
| Chi phí nhân công | 80.874.328.488 | 91.896.879.698 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 97.656.783.202 | 98.009.923.346 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 247.360.550.377 | 281.582.110.562 |
| Chi phí khác bằng tiền | 8.069.322.831 | 11.221.746.031 |
| Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng | 1.380.699.375 | (38.724.000) |
| | 584.937.866.124 | 680.154.812.434 |

35 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

| | Giá trị sổ kế toán | | | |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|---------------------------|------------------------|
| | 31/12/2016 | | 01/01/2016 | |
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Tài sản tài chính | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 13.880.027.622 | - | 42.374.661.125 | - |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 58.499.403.996 | (1.380.699.375) | 65.511.124.009 | - |
| Đầu tư ngắn hạn | 30.600.585.202 | - | 15.000.000.000 | - |
| Đầu tư dài hạn | 5.998.468.525 | (1.711.486.275) | 5.998.468.525 | (1.593.855.025) |
| | 108.978.485.345 | (3.092.185.650) | 128.884.253.659 | (1.593.855.025) |
| | | | Giá trị sổ kế toán | |
| | | | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
| | | | VND | VND |
| Nợ phải trả tài chính | | | | |
| Vay và nợ | | | 738.661.650.473 | 769.584.023.168 |
| Phải trả người bán, phải trả khác | | | 110.188.387.639 | 84.240.588.076 |
| Chi phí phải trả | | | 4.194.466.839 | 4.275.461.903 |
| | | | 853.044.504.951 | 858.100.073.147 |

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

| | Từ 1 năm trở xuống VND | Trên 1 năm đến 5 năm VND | Trên 5 năm VND | Tổng VND |
|------------------------------------|------------------------------|--------------------------------|-------------------|------------------------|
| Tại ngày 31/12/2016 | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 13.880.027.622 | - | - | 13.880.027.622 |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 57.118.704.621 | - | - | 57.118.704.621 |
| Đầu tư ngắn hạn | 30.600.585.202 | - | - | 30.600.585.202 |
| Đầu tư dài hạn | - | 4.286.982.250 | - | 4.286.982.250 |
| | 101.599.317.445 | 4.286.982.250 | - | 105.886.299.695 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

| | Từ 1 năm trở xuống VND | Trên 1 năm đến 5 năm VND | Trên 5 năm VND | Cộng VND |
|---------------------------------------|------------------------------|--------------------------------|-------------------|------------------------|
| Tại ngày 01/01/2016 | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 42.374.661.125 | - | - | 42.374.661.125 |
| Phải thu khách hàng, phải thu khác | 65.511.124.009 | - | - | 65.511.124.009 |
| Đầu tư ngắn hạn | 15.000.000.000 | - | - | 15.000.000.000 |
| Đầu tư dài hạn | - | 4.404.613.500 | - | 4.404.613.500 |
| | 122.885.785.134 | 4.404.613.500 | - | 127.290.398.634 |

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

| | Từ 1 năm trở xuống VND | Trên 1 năm đến 5 năm VND | Trên 5 năm VND | Cộng VND |
|--------------------------------------|------------------------------|--------------------------------|------------------------|------------------------|
| Tại ngày 31/12/2016 | | | | |
| Vay và nợ | 248.041.027.473 | 304.345.039.000 | 186.275.584.000 | 738.661.650.473 |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 106.257.872.909 | 3.930.514.730 | - | 110.188.387.639 |
| Chi phí phải trả | 4.194.466.839 | - | - | 4.194.466.839 |
| | 358.493.367.221 | 308.275.553.730 | 186.275.584.000 | 853.044.504.951 |
| Tại ngày 01/01/2016 | | | | |
| Vay và nợ | 210.853.419.468 | 347.660.129.700 | 211.070.474.000 | 769.584.023.168 |
| Phải trả người bán, phải trả khác | 84.240.588.076 | - | - | 84.240.588.076 |
| Chi phí phải trả | 4.275.461.903 | - | - | 4.275.461.903 |
| | 299.369.469.447 | 347.660.129.700 | 211.070.474.000 | 858.100.073.147 |

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ

| | Năm 2016 VND | Năm 2015 VND |
|---|-----------------|-----------------|
| a) Số tiền đi vay thực thu trong năm | | |
| Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường | 289.289.308.631 | 336.841.273.031 |
| b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm | | |
| Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường | 326.220.127.562 | 391.151.282.036 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIPSố 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

37 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

38 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

| | Hoạt động vận tải biển | Hoạt động kinh doanh dịch vụ | Tổng cộng toàn doanh nghiệp |
|--|---------------------------|---------------------------------|--------------------------------|
| | VND | VND | VND |
| Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài | 424.329.876.172 | 107.856.037.874 | 532.185.914.046 |
| Chi phí bộ phận trực tiếp | 451.211.924.208 | 98.532.879.872 | 549.744.804.080 |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | (26.882.048.036) | 9.323.158.002 | (17.558.890.034) |
| Tổng chi phí mua TSCĐ | - | 1.269.024.492 | 1.269.024.492 |
| Tài sản bộ phận trực tiếp | 839.367.516.166 | 31.843.688.570 | 871.211.204.736 |
| Tài sản không phân bổ | - | - | 77.024.874.745 |
| Tổng tài sản | 839.367.516.166 | 31.843.688.570 | 948.236.079.481 |
| Nợ phải trả bộ phận trực tiếp | 836.419.459.515 | 10.089.209.864 | 846.508.669.379 |
| Nợ phải trả không phân bổ | - | - | 24.271.210.175 |
| Tổng nợ phải trả | 836.419.459.515 | 10.089.209.864 | 870.779.879.554 |

Theo khu vực địa lý

| | Trong nước | Quốc tế | Tổng cộng toàn doanh nghiệp |
|---|-----------------|-----------------|--------------------------------|
| | VND | VND | VND |
| Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ | 191.992.010.559 | 340.193.903.487 | 532.185.914.046 |
| Tài sản bộ phận | 382.183.638.206 | 566.052.441.275 | 948.236.079.481 |
| Tổng chi phí mua TSCĐ | 1.269.024.492 | - | 1.269.024.492 |

39 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

| | Mối quan hệ | 31/12/2016 | 01/01/2016 |
|--------------------------------|--------------|----------------------|----------------------|
| | | VND | VND |
| Cổ tức phải trả | | 9.400.000.000 | 9.400.000.000 |
| Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam | Tổng Công ty | 9.400.000.000 | 9.400.000.000 |
| Phải trả về cổ phần hóa | | 2.401.379.706 | 2.401.379.706 |
| Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam | Tổng Công ty | 2.401.379.706 | 2.401.379.706 |

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

| | Năm 2016 | Năm 2015 |
|---|---------------|---------------|
| | VND | VND |
| Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị | 2.083.191.185 | 2.170.419.176 |

CÔNG TY
HÀNG HẢI
VIỆT NAM
KIỂM T
ASC
19

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP

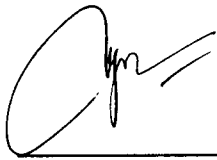
Số 01 Hoàng Văn Thụ, Quận Hồng Bàng,
Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính

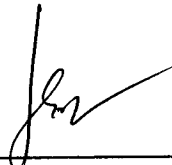
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

40 . SỐ LIỆU SO SÁNH

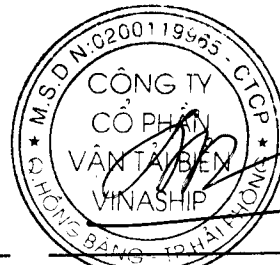
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Nguyễn Bảo Ngọc
Người lập



Trần Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng



Vương Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 19 tháng 01 năm 2017

